

BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN
2017



 **SMC**[®]
NHÀ PHÂN PHỐI THÉP CHUYÊN NGHIỆP

TIẾP BƯỚC CHẶNG ĐƯỜNG 30 NĂM

2018 – tròn 30 năm SMC được hình thành và phát triển. Nhìn lại năm 2017, SMC đã trải qua nhiều cung bậc cảm xúc, thăng trầm và biến cố. Từ niềm vui trong kết quả hoạt động kinh doanh khi tiếp nối thành công của năm trước, Công ty đã vượt xa kế hoạch lợi nhuận đề ra; nhưng niềm vui ấy không được trọn vẹn bởi sự ra đi đột ngột của Cố Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc Nguyễn Ngọc Anh – để lại khoảng trống, sự mất mát lớn lao, và sự nuối tiếc không gì bù đắp được cho toàn thể CBCNV SMC.

Báo cáo thường niên CTCP SMC năm 2017, với chủ đề “Tiếp Bước” là câu chuyện kể của đội ngũ kế thừa, là lời tri ân, và lời hứa gửi gắm đến Cố Chủ Tịch, rằng SMC sẽ tiếp tục hành trình “Vững Bước Tương Lai”, tập trung vào các hoạt động cốt lõi, các thế mạnh của chính doanh nghiệp, hướng đến sự phát triển ổn định và hiệu quả hơn, không ngừng tạo ra sự gắn kết và giá trị tăng thêm cho chính doanh nghiệp, CBCNV, đối tác, quý cổ đông, và nhà đầu tư.

CÁC TỪ VIẾT TẮT

SMC	: Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC	PTGD	: Phó Tổng Giám Đốc
CTCP	: Công ty cổ phần	TMCP	: Thương mại cổ phần
TNHH	: Trách nhiệm hữu hạn	VPĐD	: Văn phòng đại diện
MTV	: Một thành viên	BKS	: Ban kiểm soát
LNST	: Lợi nhuận sau thuế	BRVT	: Bà Rịa Vũng Tàu
KCN	: Khu công nghiệp	HCM	: Hồ Chí Minh
ĐHĐCĐ	: Đại hội đồng cổ đông	CP	: Cổ phiếu
SXKD	: Sản xuất kinh doanh	KTT	: Kế toán trưởng
HĐQT	: Hội đồng quản trị	TV	: Thành viên
TGD	: Tổng Giám Đốc	TH/KH	: Thực hiện/Kế hoạch
CTHĐQT	: Chủ tịch hội đồng quản trị	CBCNV	: Cán bộ công nhân viên
QTKD	: Quản trị kinh doanh	KQKD	: Kết quả kinh doanh
BCTC	: Báo cáo tài chính	SGDCK	: Sở Giao dịch chứng khoán
VLXD	: Vật liệu xây dựng	CBTT	: Công bố thông tin

MỤC LỤC

THÔNG điệp CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	04
TẦM NHÌN – SỨ MỆNH – GIÁ TRỊ CỐT LÕI	06
THÔNG TIN CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP	08
1. Thông tin chung.....	10
2. Sản phẩm và dịch vụ	12
3. Mạng lưới hoạt động	14
4. Lịch sử phát triển và sự kiện nổi bật năm 2017	16
5. Sơ đồ tổ chức kinh doanh	18
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	20
1. Giới thiệu Hội Đồng Quản Trị	22
2. Báo cáo của Hội Đồng Quản Trị	24
Nhận định chung về tình hình thị trường và đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh năm 2017	24
Đánh giá của HĐQT về hoạt động của ban TGD	25
Báo cáo tình hình thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2017	26
Báo cáo các hoạt động của HĐQT trong năm	27
Kế hoạch và định hướng của HĐQT năm 2018	28
BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	28
1. Giới thiệu Ban Tổng Giám Đốc.....	30
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc.....	32
Nhận định chung về các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh 2017	32
Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 2017 so với năm trước và so với kế hoạch	34
Tình hình tài chính trọng yếu năm 2017	35
Cơ cấu tổ chức và công tác điều hành trong năm 2017	38
Kế hoạch và mục tiêu phát triển năm 2018	41
BAN KIỂM SOÁT	44
1. Giới thiệu Ban Kiểm Soát	46
2. Báo cáo của Ban Kiểm Soát	48
QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP	50
1. Quản trị rủi ro	52
2. Tổ chức và nhân sự.....	54
3. Quan hệ cổ đông và nhà đầu tư.....	56
4. Hoạt động xã hội, cộng đồng và bảo vệ môi trường	61
5. Phát triển bền vững.....	62
CÔNG TY CON – CÔNG TY LIÊN DOANH LIÊN KẾT	64
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT KIỂM TOÁN	76

“ Thay mặt HĐQT, tôi chân thành cảm ơn Ban điều hành về sự năng động, sáng tạo trong điều hành kinh doanh, cảm ơn sự tin tưởng của các cổ đông, đối tác và khách hàng đối với thương hiệu SMC. Tôi đặc biệt cảm ơn nỗ lực cống hiến hết mình của toàn thể CBCNV SMC để có thành công trong năm qua. ”



KÍNH THƯA QUÝ CỔ ĐÔNG VÀ NHÀ ĐẦU TƯ

Năm 2017, SMC tiếp tục hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh do ĐHQĐ giao. Tổng doanh thu đạt 12.654 tỷ đồng, hoàn thành 120% kế hoạch, lợi nhuận sau thuế đạt hơn 270 tỷ đồng, hoàn thành 180% kế hoạch, đặc biệt thực hiện chi trả cổ tức với tỷ lệ 40% gồm 10% tiền mặt và 30% cổ phiếu. SMC tiếp tục khẳng định vị trí là nhà phân phối thép chuyên nghiệp, đồng thời không ngừng đẩy mạnh các hoạt động đầu tư chuyên sâu trong lĩnh vực gia công sản xuất thép.

Thành công của năm 2017 có ý nghĩa quan trọng cho năm tiếp theo - kỷ niệm 30 năm ngày thành lập CTCP Đầu tư Thương mại SMC (19/08/1988 - 19/08/2018), đặc biệt là dấu ấn 14 năm SMC chuyển biến và hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần. Từ một doanh nghiệp nhỏ chủ yếu hoạt động thương mại thép xây dựng, SMC đã phát triển thành một doanh nghiệp tiên phong không chỉ ở lĩnh vực phân phối thép mà còn mở rộng sang lĩnh vực gia công, sản xuất thép, với nhiều sản phẩm thép đa dạng chất lượng cao, phục vụ cho các công trình dân dụng và công nghiệp trong nước và khu vực, cũng như các định hướng đầu tư tiềm năng khác. Thành công của quá trình 30 năm thể hiện rõ ở sự tăng trưởng, quy mô, dấu ấn và vị thế SMC ngày nay. Với những thành tựu đạt được trong 30 năm qua, thương hiệu SMC đã trở thành thương hiệu uy tín, nhận được sự tin nhiệm và đánh giá cao của các đối tác, khách hàng trong và ngoài nước. Thế và lực của SMC ngày hôm nay đã mạnh hơn rất nhiều, là nền tảng vững chắc cho động lực phát triển, mở rộng không gian đầu tư và thị trường, phát huy hiệu quả chuỗi giá trị của hệ thống các công ty, đơn vị thành viên, đảm bảo khả năng phát triển bền vững và hiệu quả cho toàn hệ thống SMC.

Năm 2018, chắc chắn SMC sẽ tiếp tục phải đối mặt với nhiều thách thức từ bên trong lẫn bên ngoài nhưng cũng sẽ đón nhận nhiều cơ hội, thuận lợi tích lũy từ những năm trước để tạo ra những bước phát triển đột phá. Cùng với việc phải tiếp tục củng cố xây dựng hệ thống quản trị theo chuẩn mực, sắp xếp cấu trúc ngành hàng, đi sâu vào văn hóa doanh nghiệp, tạo thêm động lực phát triển mới cho toàn hệ thống. Đặc biệt là phải tiếp tục phát huy thế mạnh của các cổ đông, xây dựng lòng tin chiến lược giữa đối tác, khách hàng, để đưa SMC trở thành định chế của một doanh nghiệp thép lớn mạnh, uy tín, và hiệu quả tại Việt Nam và khu vực.

Tiếp tục phát huy hành trình của 30 năm qua, kiên trì với phương châm chiến lược “quản trị minh bạch, kinh doanh hiệu quả, phát triển bền vững”, dựa trên nền tảng văn hóa “trách nhiệm, kỷ cương, gắn bó”, cùng với những kinh nghiệm và các nguồn lực mà SMC đã tích lũy được, và nhất là sự nỗ lực của toàn thể CBCNV để thực hiện kế hoạch đã đề ra trong năm 2018, tôi tin tưởng chắc chắn rằng SMC sẽ vững bước vươn xa trên chặng đường mới với vóc dáng mới, tiếp tục đạt được nhiều thành công vượt bậc trong năm 2018 và những năm tiếp theo.

Trân trọng
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CTCP ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC



NGUYỄN THỊ NGỌC LOAN

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Chuyên nghiệp trong mọi hoạt động
Tối đa hóa lợi ích khách hàng
Đoàn kết, phấn đấu vì mục tiêu chung
Đề cao giá trị chữ Tâm trong mọi hoạt động.
Uy tín
Chuyên nghiệp
Tinh thần học hỏi.

TẦM NHÌN

Là Doanh nghiệp Thép **UY TÍN VÀ CHUYÊN NGHIỆP**
Nói đến Thép, nghĩ đến SMC – Nói đến SMC, nghĩ đến Thép

SMC cam kết thực hiện đúng vai trò uy tín và chuyên nghiệp trong lĩnh vực phân phối, hoạt động gia công và sản xuất kinh doanh thép, thường xuyên hoàn thiện và đổi mới để chất lượng và dịch vụ không ngừng nâng cao, đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng và thị trường.

SỨ MỆNH

SMC khát khao được cống hiến năng lực và trí tuệ của mình vì sự tin cậy và lợi ích của khách hàng, vì tương lai ổn định và bền vững cho ngành Thép Việt Nam.

TRIẾT LÝ KINH DOANH

Biết người biết ta
Tiên phong trong mọi hoạt động
Hài hòa lợi ích



HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HIỆU QUẢ TẠO RA DÒNG TIỀN VÀ LỢI NHUẬN TÍCH CỰC TRONG 6 THÁNG CUỐI NĂM, ĐEM LẠI MỨC LNST LŨY KẾ CHO CẢ NĂM 2016 LÀ GẦN 362,3 TỶ ĐỒNG.

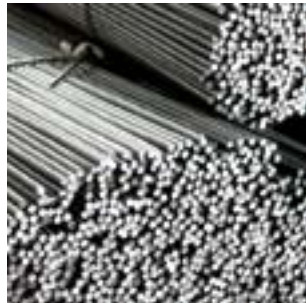
1. THÔNG TIN CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP

Tên tiếng Việt	: Công ty Cổ phần Đầu Tư Thương Mại SMC
Tên tiếng Anh	: SMC Investment Trading Joint Stock Company
Tên giao dịch	: Steel Materials Company
Tên viết tắt	: SMC
Trụ sở chính	: 396 Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TPHCM
Điện thoại	: (84 - 08) 38 99 22 99
Fax	: (84 - 08) 38 98 09 09
Website	: www.smc.vn
Vốn điều lệ	: 420.059.610.000 đồng
Mã chứng khoán	: SMC
Mệnh giá	: 10.000 đồng
Cổ phiếu niêm yết	: 42.005.961 cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán TPHCM (HSX)
Ngành nghề kinh doanh :	

- ☞ Sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu các loại sắt thép, hàng kim khí, vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất và thiết bị xây lắp các loại, thiết bị cơ khí, khung kho, nhà xưởng bằng cấu kiện nhôm thép inox.
- ☞ Xây dựng, lắp đặt các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, sửa chữa nhà ở và trang trí nội ngoại thất theo quy định pháp luật.
- ☞ Lập dự án đầu tư xây dựng, tư vấn, thiết kế và kinh doanh nhà ở theo quy định pháp luật.
- ☞ Kinh doanh các mặt hàng điện máy kim khí, bách hóa, hàng tiêu dùng, hàng thực phẩm.
- ☞ Dịch vụ giao nhận, kho vận hàng hóa nội địa và hàng xuất nhập khẩu.
- ☞ Cho thuê xe có động cơ.
- ☞ Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.
- ☞ Bán buôn, chuyên doanh khác.



2. SẢN PHẨM VÀ DỊCH VỤ



Thép tròn trơn



Thép gân



Thép cán nóng



Thép cán nguội



Lưới thép hàn SMC-Toami



Gia công thép tấm, lá



Ống thép



Thép cuộn



Xà gồ



Cho thuê kho bãi

- Thép xây dựng bao gồm thép cuộn, thép tròn trơn, thép gân
- Thép tấm lá bao gồm thép cán nóng, thép cán nguội, thép lá mạ
- Ống thép
- Thép hình (H, I, U)
- Thép la, xà gồ
- Lưới thép hàn
- Thép cường độ cao
- Thép không theo quy chuẩn



Thép ống



Hệ thống Coil Center

- Hệ thống Coil Center, có tổng công suất 350.000 tấn/năm, với các nhà máy đặt tại BRVT, TP.HCM và Hà Nội được trang bị máy móc thiết bị hiện đại nhập khẩu từ Đài Loan theo công nghệ của Đức, phương pháp quản lý khoa học theo tiêu chuẩn ISO 9001:2000, chuyên cung cấp dịch vụ gia công xả băng, cắt chặt tấm các loại thép tấm cán nóng, thép lá cán nguội, thép lá mạ điện, mạ màu, thép không gỉ với độ chính xác và chất lượng cao
- Nhà máy sản xuất thép ống Việt Nhật SENDO có công suất 100.000 tấn ống thép các loại/năm, bao gồm ống tròn, ống vuông, ống hộp, theo hai dòng sản phẩm ống đen và ống mạ kẽm.
- Nhà máy cán ép tẩy mạ Cơ Khí Thép SMC, với các công đoạn tẩy rỉ, cán nguội, và mạ kẽm, có công suất 160.000 tấn/năm.
- Hệ thống bán lẻ Vật liệu xây dựng SMC, chuyên cung cấp tất cả các loại vật liệu thép đa dạng và chuyên dụng.

3. MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

05
CÔNG TY THÀNH VIÊN

03
CÔNG TY LIÊN DOANH

Trụ sở chính:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC

396 Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP.HCM
Điện thoại: (84-8) 3899 6067 – Fax : (84-8) 3898 0909
Website: [http:// www.smc.com.vn](http://www.smc.com.vn)

Công ty Thành viên

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI SMC

Đường số 5, KCN Đồng An, Phường Bình Hòa, Thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương
Điện thoại: (0650) 3769 526 – Fax : (0650) 3783 839

CÔNG TY TNHH THÉP SMC

Đường 1B – Khu công nghiệp Phú Mỹ 1, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu
Điện thoại: (064) 3922 866 - Fax: (064) 3922 469

CÔNG TY TNHH MTV CƠ KHÍ THÉP SMC

Đường 1B – Khu công nghiệp Phú Mỹ 1, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu
Điện thoại: (064) 3922 933 - Fax : (064) 3922 499

CÔNG TY TNHH MTV SMC TÂN TẠO

Lô 33, đường Trung Tâm, KCN Tân Tạo, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP.HCM
Điện thoại: (08) 3754 7454 - Fax: (08) 3754 5666

CÔNG TY CỔ PHẦN SMC HÀ NỘI

Lô số 47, KCN Quang Minh, Huyện Mê Linh, Hà Nội
Điện thoại: (04) 3525 1522 - Fax: (04) 3525 1526

Công ty Liên doanh – liên kết

CÔNG TY TNHH SMC – SUMMIT

(Liên doanh SMC – Tập đoàn SUMITOMO)

Đường 1B – KCN Phú Mỹ 1,
Huyện Tân Thành, Tỉnh BRVT
Điện thoại: (064) 3922 955
Fax : (064) 3922 969

Văn phòng đại diện:

396 Ung Văn Khiêm, P.25,
Quận Bình Thạnh, TP.HCM
Điện thoại: (08) 3899 2299
Fax : (08) 3898 0909

CÔNG TY TNHH LIÊN DOANH ỐNG THÉP SENDO

(Liên doanh SMC – HANWA Co. Ltd)

Đường 1B – KCN Phú Mỹ 1,
Huyện Tân Thành, Tỉnh BRVT
Điện thoại: (064) 3922 955
Fax: (064) 3922 969
Website: <http://www.sendopipe.com>

CÔNG TY TNHH SMC – TOAMI

(Liên doanh SMC - TOAMI Corp. - HANWA Co. Ltd)

Đường 1B – KCN Phú Mỹ 1,
Huyện Tân Thành, Tỉnh BRVT
Điện thoại: (064) 3924 410
Fax : (064) 3924 411

Văn phòng đại diện:

Lầu 5 - 396 Ung Văn Khiêm, P.25
Quận Bình Thạnh, TP.HCM
Điện thoại: (08) 3899 2299
Fax: (08) 3898 0909

4. LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN VÀ SỰ KIỆN NỔI BẬT NĂM 2017

Thành lập Cửa hàng VLXD số 15 thuộc trung tâm Bán buôn bán lẻ VLXD Miền Nam	Chuyển đổi thành Xí nghiệp sản xuất kinh doanh Vật liệu Xây dựng Số 1	Thương hiệu SMC chính thức ra đời, SMC viết tắt cho "Steel Materials Company"	Đón nhận Huân chương Lao động hạng 3 và Logo SMC chính thức ra đời.
1988	1996	1998	2002
2008	2009	2010	2011
Thành lập Công ty TNHH MTV SMC Bình Dương và công ty TNHH MTV Cơ Khí Thép SMC	Thành lập Công ty TNHH MTV SMC Hiệp Phước và Công ty TNHH MTV Kinh doanh Thép	Hoàn thành mục tiêu chiến lược 05 năm giai đoạn 2006 – 2010 với tổng sản lượng tiêu thụ đạt 558 ngàn tấn.	Thành lập Công ty Cổ phần SMC Hà Nội
Thương hiệu SMC đã được đăng ký chứng nhận nhãn hiệu hàng hóa	Cổ phần hóa và chính thức chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC	Niên yết tại Sở giao dịch chứng khoán Tp.HCM với mã chứng khoán: SMC	Đón nhận Huân chương lao động hạng 2 và Thành lập Công ty TNHH Thép SMC tại BRVT
2003	2004	2006	2007
2012	2013	2014	2015
Thành lập liên doanh SMC - Summit giữa SMC và Tập đoàn Sumitomo Nhật Bản	Đón nhận Huân chương lao động hạng 1 và Thành lập Công ty TNHH MTV SMC Tân Tạo	Hoàn thành mục tiêu chiến lược 05 năm (2011 - 2015) trước 1 năm với sản lượng tiêu thụ đạt 867.000 tấn thép các loại	Thành lập Công ty TNHH SMC Toami - liên doanh giữa SMC - Tập đoàn Toami - Tập đoàn Hanwa Nhật Bản. Thành lập Công ty TNHH liên doanh Ống Thép SENDO giữa SMC và Tập đoàn Hanwa Nhật Bản



4/2017 – Tổ chức thành công đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho cổ đông chiến lược, tăng vốn điều lệ Công ty từ 295,2 tỷ đồng lên 420 tỷ đồng.

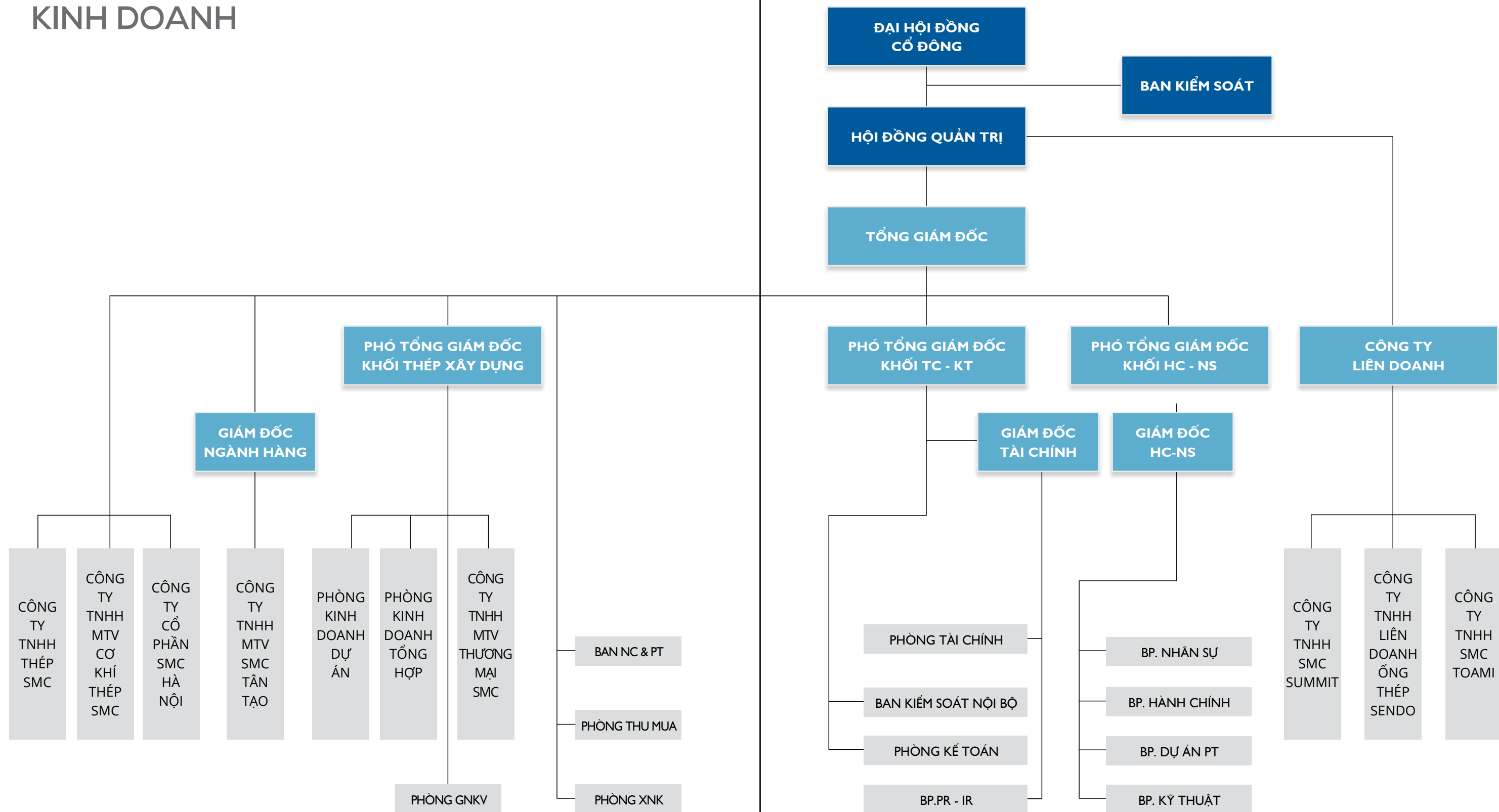
7/2017 – Sáp nhập Công ty TNHH MTV Kinh Doanh Thép SMC và Công ty TNHH MTV SMC Bình Dương, Đổi tên thành Công ty TNHH MTV Thương Mại SMC vào tháng 12/2017

9/2017 – Vận hành dây chuyền cán ép, tẩy rỉ, mạ kẽm, công suất 160.000 tấn/năm tại Công ty TNHH MTV Cơ Khí Thép SMC – KCN Phú Mỹ, BRVT

2016 2017

Kết quả lợi nhuận sau thuế đạt mức cao kỷ lục 362 tỷ đồng.

5. SƠ ĐỒ TỔ CHỨC KINH DOANH





1. GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Bà
NGUYỄN THỊ NGỌC LOAN

Sinh năm: 1961

Trình độ chuyên môn:
Cao đẳng chuyên ngành QTKD

Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị Công ty
Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC



Ông
MA ĐỨC TÚ

Sinh năm: 1958

Trình độ chuyên môn:
Cử nhân ngân hàng – chuyên
ngành Tài chính Tín dụng

Thành viên HĐQT SMC / CT HĐQT
CTCP Xuất nhập khẩu Thủ Đức / TV
HĐQT CTCP Địa ốc 9



Ông
TAIRA YOSHIYUKI

Sinh năm: 1967

Trình độ chuyên môn:
Cử nhân ngân hàng – chuyên
ngành Tài chính Tín dụng

Thành viên HĐQT SMC / TGD Công
ty TNHH Hanwa Việt Nam



Ông
NGUYỄN BÌNH TRỌNG

Sinh năm: 1963

Trình độ chuyên môn:
Cử nhân Kinh tế – chuyên ngành
Tài chính Kế toán

Thành viên HĐQT SMC / Phó TGD
Khối Tài chính Kế Toán – CTCP Đầu
tư Thương mại SMC



Bà
NGUYỄN NGỌC Ý NHI

Sinh năm: 1983

Trình độ chuyên môn:
Thạc sỹ Kinh tế – chuyên ngành
Tài chính Ngân hàng

Thành viên HĐQT CTCP Đầu tư
Thương mại SMC

2. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

12,654 tỷ
DOANH THU THUẦN

270 tỷ
LỢI NHUẬN SAU THUẾ

NHẬN ĐỊNH CHUNG VỀ TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2017

Năm 2017 kinh tế toàn cầu tăng trưởng tích cực, các hoạt động kinh tế và thương mại gia tăng trở lại tại hầu hết các nền kinh tế phát triển và mới nổi, nhu cầu và giá cả hàng hóa tiếp tục đà phục hồi của năm 2016. Trong nước, tăng trưởng GDP bình quân năm 2017 vượt dự báo đạt 6,81% - cao nhất trong vòng 6 năm qua, vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài được giải ngân đạt kỷ lục là 17,5 tỷ USD, tăng 10,8% so với năm trước đó; cán cân thương mại xuất nhập khẩu thặng dư 2,67 tỷ USD. Dòng vốn đầu tư trực tiếp và gián tiếp gia tăng, xuất khẩu tăng trưởng, dự trữ ngoại hối tăng giúp tỷ giá ổn định. Hệ thống ngân hàng tiếp tục xử lý nợ xấu theo hướng tích cực, tăng trưởng tín dụng đạt khoảng 19%, lãi suất được duy trì ở mức ổn định, nền kinh tế hấp thu vốn tốt và lạm phát được kiểm chế ở mức thấp. Chính những điểm trên đã tạo nên một bức tranh kinh tế nhiều điểm sáng, các ngành của nền kinh tế đều tăng trưởng, đặc biệt ngành công nghiệp tăng 7,9% và xây dựng tăng trưởng 8,7%.

Riêng đối với ngành thép, năm 2017 tiếp tục là một năm thành công, đem lại nhiều thuận lợi và phần khởi cho các doanh nghiệp trong ngành. Giá thép thành phẩm tiếp tục xu hướng gia tăng xuyên suốt trong năm 2017 sau khi đã trải qua đợt phục hồi mạnh năm 2016. Đến cuối năm 2017, giá thép thành phẩm vẫn duy trì ở mức cao. Nhu cầu tiêu thụ cũng được duy trì tích cực bởi các hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cơ sở hạ tầng của chính phủ cũng như sự tăng trưởng mạnh mẽ của thị trường bất động sản. Bên cạnh đó, một số yếu tố chủ chốt hỗ trợ cho xu hướng giá thép trong năm

2017 gồm: (1) Sức tiêu thụ tốt từ các thị trường chính tại châu Á như Trung Quốc và Nhật Bản, (2) chính sách siết chặt, tái cơ cấu ngành thép của chính phủ Trung Quốc, kiên quyết cắt giảm sản lượng dư thừa, hạn chế ô nhiễm môi trường, (3) biến động tăng giá bất thường của nguyên liệu sản xuất thép – than điện cực, và (4) chính sách bảo hộ ngành thép của chính phủ trong nước.

Tổng kết năm 2017, tổng sản lượng tiêu thụ thép xây dựng toàn ngành đạt hơn 18 triệu tấn, tăng 20,7% so với năm trước, trong đó tiêu thụ thép xây dựng đạt hơn 9,1 triệu tấn, tăng 12,1%; tiêu thụ tôn mạ đạt 3,5 triệu tấn, tăng 23,6%, và tiêu thụ ống thép đạt hơn 2,2 triệu tấn, tăng 18,8% so với cùng kỳ. Xuất khẩu thép đạt hơn 3,8 triệu tấn các loại, tăng 34% so với năm 2016, trong đó đáng kể đến là xuất khẩu thép xây dựng đạt hơn 1 triệu tấn, tăng 62,4% so với cùng kỳ; và từ nước nhập khẩu phôi thép, Việt Nam đã xuất khẩu hơn 300.000 tấn phôi trong năm 2017. Nhập khẩu thép các loại của Việt Nam năm 2017 giảm 14% so với cùng kỳ năm 2016, trong đó đặc biệt ghi nhận việc đi vào sản xuất của nhà máy Formosa, đã đáp ứng được một phần nguyên liệu thép cuộn cán nóng (HRC) cho các nhà máy cán nguội và sản xuất tôn mạ trong nước là nguyên nhân chủ yếu.

Bắt nhịp cùng thị trường, tận dụng các yếu tố thuận lợi của ngành, và phát huy các thế mạnh của doanh nghiệp, SMC tiếp nối thành công của năm trước với kết quả kinh doanh vô cùng khả quan cho năm 2017. Tổng sản lượng tiêu thụ vừa đủ đạt kế hoạch đề ra với hơn 1,056 triệu tấn thép các loại, tuy nhiên nhờ xu hướng giá tăng tích cực, tổng doanh thu thuần SMC đạt 12,654 tỷ đồng, tăng mạnh 34% so với năm trước, đạt 120% kế hoạch đề ra cho cả năm. Lợi nhuận sau

HĐQT đánh giá cao sự phối hợp gắn bó, và có trách nhiệm của ban TGD, đã hoàn thành tốt mục tiêu ĐHĐCĐ đề ra, xây dựng được hình ảnh một tập thể đoàn kết, chung sức chung lòng vượt khó trong mọi hoàn cảnh, tiếp tục đưa SMC vững bước phát triển theo định hướng chiến lược trong trung và dài hạn.

thuế lũy kế cho cả năm 2017 SMC đạt hơn 270 tỷ đồng, tuy giảm 25% so với năm 2016 (do các yếu tố thuận lợi đột biến trong năm 2016), nhưng đã xuất sắc hoàn thành vượt 80% mục tiêu lợi nhuận đề ra cho cả năm.

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TGD

Năm 2017 là năm SMC có biến động lớn về nhân sự cao cấp – vị trí Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc công ty, HĐQT ghi nhận và tri ân thành tựu đạt được của cố Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc và ban điều hành cũ trong nửa đầu năm 2017, theo đó ban TGD đã có sự linh hoạt đồng thời thận trọng trong công tác điều hành, nắm bắt và tận dụng tốt các chuyển động của thị trường, đem lại hiệu quả kinh doanh cao cho SMC với kết quả lợi nhuận sau thuế đạt được trong nửa đầu năm 2017 là 150 tỷ đồng, xuất sắc hoàn thành kế hoạch lợi nhuận được giao cho cả năm.

HĐQT đồng thời cũng ghi nhận và đánh giá cao nỗ lực của ban Tổng Giám đốc mới trong nửa cuối năm 2017, theo đó ban điều hành mới đã kế thừa, phát huy, và nhanh chóng ổn định hoạt động của toàn hệ thống, luôn bám sát chặt chẽ các định hướng mà HĐQT đã đề ra, có những giải pháp kịp thời và phù hợp trước các biến động của thị trường nhằm đảm bảo hoạt động kinh doanh được duy trì ổn định, thuận lợi, hiệu quả và đảm bảo hoàn thành mục tiêu sản xuất kinh doanh đã được ĐHĐCĐ thông qua.

Như vậy, nhìn chung cả năm 2017, HĐQT đánh giá cao sự phối hợp gắn bó, và có trách nhiệm của ban TGD, đã hoàn thành tốt mục tiêu ĐHĐCĐ đề ra, xây dựng được hình ảnh một tập thể đoàn kết, chung sức chung lòng vượt khó trong mọi hoàn cảnh, tiếp tục đưa SMC vững bước phát triển theo định hướng chiến lược trong trung và dài hạn.

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐHĐCĐ NĂM 2017

(I) Tình hình thực hiện các chỉ tiêu trọng yếu:

Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch 2017	Thực hiện 2017	% Kế hoạch
Tổng sản lượng thép tiêu thụ	Tấn	1.050.000	1.056.101	100,6%
- Thép xây dựng	Tấn	570.000	571.384	100,3%
- Thép tấm lá mạ	Tấn	405.000	460.846	113,8%
- Thép khác	Tấn	75.000	23.871	31,8%
Tổng doanh thu	Tỷ đồng	10.550	12.654	120,0%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	150,0	270,2	180,1%
Tỷ lệ chi trả cổ tức	Đồng/cp	8,0% (min)	40,0%	500,0%
Lựa chọn công ty kiểm toán	HĐQT lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán & Dịch vụ Tin học TPHCM (AISC) thực hiện kiểm toán BCTC năm 2017			

2. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(2) Tình hình thực hiện việc phát hành riêng lẻ:

- Hoàn tất việc phát hành gần 12,5 triệu cổ phiếu riêng lẻ với giá 18.000 đồng/cổ phiếu cho các cổ đông chiến lược, tăng vốn điều lệ Công ty từ 295,2 tỷ đồng lên 420 tỷ đồng.

(3) Tình hình thực hiện đầu tư các dự án trong năm:

- Hoàn thành việc đầu tư và đưa vào vận hành ổn định, có hiệu quả dây chuyền tẩy rửa, cán ép, và mạ kẽm tại KCN Phú Mỹ 1 – BRVT, với tổng vốn đầu tư là 130 tỷ đồng và tổng công suất thiết kế đạt 160.000 tấn/năm.

- Triển khai đầu tư dây chuyền 2 nhà máy sản xuất ống thép Việt Nhật SENDO tại KCN Phú Mỹ 1 – BRVT, dự kiến tăng tổng công suất từ 60.000 tấn/năm lên 100.000 tấn/năm, được đưa vào vận hành hoàn chỉnh cuối Q2/2018, với tổng vốn đầu tư đạt gần 100 tỷ đồng.

- Triển khai xin giấy phép và làm các thủ tục liên quan cho dự án mở rộng nhà máy sản xuất gia công các sản phẩm sau thép (Coil Center) trên diện tích đất mới 5ha tại KCN Phú Mỹ 1 – BRVT.

- Triển khai thực hiện kế hoạch xây dựng tòa nhà cao ốc tại địa chỉ 124-126 Ung Văn Khiêm, P.25, Q. Bình Thạnh, TP.HCM

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU HĐQT TRONG NĂM

Thành viên và cơ cấu HĐQT trong năm

- Từ ngày 10/7/2017, miễn nhiệm chức danh Chủ tịch HĐQT đối với ông Nguyễn Ngọc Anh (từ trần)

- Từ ngày 11/7/2017, bổ nhiệm chức danh Chủ tịch HĐQT đối với bà Nguyễn Thị Ngọc Loan

- Từ ngày 11/7/2017, tạm bổ nhiệm chức danh Thành viên HĐQT đối với ông Nguyễn Bình Trọng và bà Nguyễn Ngọc Ý Nhi.

- Từ ngày 12/7/2017, miễn nhiệm chức danh Thành viên HĐQT đối với ông Võ Hoàng Vũ, đồng thời bổ nhiệm chức danh Tổng Giám Đốc đối với ông Võ Hoàng Vũ

STT	Họ và Tên	Vị trí	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ	Chức vụ đang giữ tại công ty khác
1	Nguyễn Ngọc Anh	Cố Chủ tịch HĐQT	5.933.463	14,13	Từ trần ngày 08/07/2017 Miễn nhiệm ngày 10/07/2017
2	Nguyễn Ngọc Loan	Chủ tịch HĐQT	6.105.399	14,53	Bổ nhiệm ngày 11/7/2017
3	Võ Hoàng Vũ	TV.HĐQT	356.007	0,85	Miễn nhiệm ngày 12/7/2017 TGD CTCP Đầu tư Thương mại SMC

BÁO CÁO CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT TRONG NĂM

HĐQT đã thực hiện chức năng định hướng, cố vấn, giám sát hoạt động Ban Điều hành trong việc triển khai các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT trong năm 2017. Trong đó, HĐQT đã tổ chức 19 phiên họp thường kỳ lẫn phiên họp bất thường với sự tham gia của Ban Kiểm soát và Ban điều hành để hoạch định chiến lược và đưa ra các quyết định, các chỉ đạo chính xác, kịp thời, mang lại hiệu quả kinh tế, hiệu quả đầu tư cao và sự phát triển bền vững cho Công ty. Ngoài các phiên họp trên, HĐQT đã tổ chức nhiều phiên họp dưới hình thức lấy ý kiến các TVHĐQT bằng văn bản để chỉ đạo giải quyết các vấn đề có liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản, phát triển nguồn lực, hoạt động đầu tư tín dụng, điều chỉnh cơ cấu tổ chức quản trị, giám sát chặt chẽ hoạt động của ban điều hành trong việc thực thi các nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT; ban hành các văn bản và quy định nội bộ. Các nghị quyết, quyết định của HĐQT dựa trên sự nhất trí, đồng thuận của các TVHĐQT và trên cơ sở lợi ích của các cổ đông vì sự phát triển bền vững của Công ty.

4	Taira Yoshiyuki	TV.HĐQT	0.0	0,00	TGD Công ty TNHH Hanwa VN
5	Ma Đức Tú	TV.HĐQT độc lập	2.400	0,01	CT HĐQT CTCP XNK Thủ Đức/TV HĐQT CTCP Địa ốc 9
6	Nguyễn Bình Trọng	TV.HĐQT	106.788	0,25	Bổ nhiệm ngày 11/7/2017 Phó TGD – Khối Tài chính Kế toán SMC
7	Nguyễn Ngọc Ý Nhi	TV.HĐQT	201.320	0,48	Bổ nhiệm ngày 11/7/2017

CÁC CUỘC HỌP HĐQT TRỌNG YẾU TRONG NĂM

Định kỳ hàng quý HĐQT họp cùng với BKS, ban TGD và một số cán bộ chủ chốt của Công ty để đánh giá việc thực hiện các chủ trương của HĐQT và kết quả kinh doanh của quý; thảo luận và thống nhất những chủ trương, giải pháp điều hành, kế hoạch kinh doanh quý tiếp theo. Ngoài ra, HĐQT cũng tổ chức nhiều cuộc họp bất thường nhằm xem xét, thông qua kịp thời các chủ trương quan trọng liên quan đến công tác điều hành của ban TGD.

Ngày họp	Thành viên tham gia	Nội dung chính của các cuộc họp
03.01.2017	5/5 Thành viên	- Thống nhất về việc chấp nhận sử dụng, quản lý, và thế chấp số lượng cổ phiếu của hai cổ đông Nguyễn Ngọc Anh và Nguyễn Thị Ngọc Loan cho việc mua thép trả chậm tại Công ty thép Vinakyoei. - Thống nhất gia tăng hạn mức tín dụng tại Vietcombank, chi nhánh TPHCM, để thực hiện phương án kinh doanh năm 2017, sử dụng tài sản của Công ty TNHH Thép SMC, Công ty TNHH MTV SMC Hiệp Phước, CTCP Đầu tư Thương mại SMC làm tài sản thế chấp.
09.01.2017	5/5 Thành viên	- Thống nhất thông qua việc chốt danh sách cổ đông để lấy ý kiến bằng văn bản về việc điều chỉnh điều lệ CTCP Đầu tư Thương mại SMC cho phù hợp với luật DN hiện hành và một số vấn đề khác thuộc thẩm quyền ĐHĐCĐ. - Kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2017
16.01.2017	5/5 Thành viên	- Thống nhất ý kiến thông qua kết quả HĐSXKD năm 2016 và mục tiêu SXKD năm 2017.
22.02.2017	5/5 Thành viên	- Thống nhất thông qua sửa đổi điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty, thông qua việc chào bán và phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ để tăng vốn điều lệ, thông qua việc tổ chức ĐHĐCĐ năm 2017 theo các tờ trình của HĐQT. - Thống nhất thông qua việc triển khai chi tiết phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ, thông qua việc chốt tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài cần phong tỏa là 32,52%, thời điểm phong tỏa kể từ khi nhận được công văn chấp thuận của UBCKNN, thời điểm giải tỏa điều chỉnh tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài lên 49% sau khi kết thúc đợt chào bán riêng lẻ, thông qua hồ sơ đăng ký chào bán riêng lẻ nộp lên UBCKNN.

2. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ngày họp	Thành viên tham gia	Nội dung chính của các cuộc họp
08.03.2017	5/5 Thành viên	- Thống nhất vay vốn trong năm 2017-2018 tại ngân hàng Vietinbank – CN Đông Sài Gòn – của các công ty con gồm SMC Bình Dương, SMC Kinh Doanh, SMC Tân Tạo, để triển khai thực hiện các phương án kinh doanh năm 2017. - Thống nhất KQKD 2 tháng đầu năm 2017 - Thông qua kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2017
09.03.2017	5/5 Thành viên	- Thống nhất ý kiến thực hiện phương án chào bán riêng lẻ để tăng vốn điều lệ tại NQ ĐHĐCĐ bất thường (lấy ý kiến bằng văn bản) số 54/NQ-ĐHĐCĐ/2017 - Thông qua số liệu BCTC kiểm toán năm 2016 của SMC - Thông qua việc chia cổ tức đợt cuối năm 2016, tỷ lệ 5% tiền mặt.
01.04.2017		- ĐHCĐ năm 2017 thông qua các nội dung tờ trình trong đại hội, ủy quyền cho HĐQT thực hiện nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2017
10.04.2017	5/5 Thành viên	- Thông qua việc mua lại BĐS tại địa chỉ 124-126 Ung Văn Khiêm, P.25, Q. Bình Thạnh TPHCM. - Thống nhất vay vốn tại Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam để thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017.
08.05.2017	5/5 Thành viên	- Thống nhất ý kiến vay vốn tại Ngân hàng Vietinbank để Công ty TNHH MTV Cơ Khí Thép SMC thực hiện hoạt động SXKD năm 2017. - Thống nhất ý kiến vay vốn tại Ngân hàng Bản Việt để thực hiện hoạt động SXKD năm 2017.
10.07.2017	4/5 Thành viên	- Thông qua kết quả hoạt động SXKD 6 tháng đầu năm 2017, phương hướng hoạt động, mục tiêu SXKD 6 tháng cuối năm 2017, tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2017 với tỷ lệ 5% tiền mặt. - Chọn Công ty AISC thực hiện kiểm toán BCTC kiểm toán năm 2017 - Triển khai thực hiện kế hoạch xây dựng tòa nhà cao ốc tại địa chỉ 124-126 Ung Văn Khiêm, P.25, Q. Bình Thạnh, TP.HCM - Triển khai thực hiện dự án 5ha tại KCN Phú Mỹ 1 - BRVT - Miễn nhiệm chức danh Chủ tịch HĐQT đối với ông Nguyễn Ngọc Anh (từ trần) từ ngày 10/07/2017. Miễn nhiệm chức danh Thành viên HĐQT đối với ông Võ Hoàng Vũ từ ngày 12/07/2017 - Bổ nhiệm chức danh Chủ tịch HĐQT đối với bà Nguyễn Thị Ngọc Loan từ ngày 11/07/2017. Bổ nhiệm chức danh Tổng Giám Đốc đối với ông Võ Hoàng Vũ từ ngày 12/07/2017. - Tạm bổ nhiệm chức danh Thành viên HĐQT đối với ông Nguyễn Bình Trọng và bà Nguyễn Ngọc Ý Nhi từ ngày 11/07/2017. HĐQT sẽ báo cáo và xin ý kiến chính thức tại kỳ ĐHĐCĐ gần nhất của Công ty. - Thống nhất sáp nhập hai đơn vị thành viên là Công ty TNHH Kinh doanh Thép SMC và Công ty TNHH MTV SMC Bình Dương.
01.08.2017	5/5 Thành viên	- Thống nhất cam kết thực hiện nghĩa vụ trả nợ thuê tài chính của Công ty TNHH Liên Doanh Ống Thép Sendo đối với Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính NH Vietcombank CN TP.HCM.

Ngày họp	Thành viên tham gia	Nội dung chính của các cuộc họp
21.08.2017	5/5 Thành viên	- Thống nhất nguồn tài trợ để thực hiện phương án HDSXKD năm 2017-2018 của SMC. Tài sản thế chấp đảm bảo cho khoản vay nợ của SMC.
08.09.2017	5/5 Thành viên	- Thông qua phương án nhận cấp tín dụng và các vấn đề liên quan đến việc nhận cấp tín dụng từ ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank) - Thông qua việc vay vốn và thế chấp tài sản trong năm 2017 và 2018 của Công ty con: Công ty TNHH Thép SMC tại NH Vietinbank.
08.09.2017	5/5 Thành viên	- Thống nhất thông qua việc mua 2 triệu cổ phiếu CTCP Tôn Nam Kim trong đợt chào bán riêng lẻ, với giá 27.000 đồng/cổ phiếu. Mục đích: tăng cường quan hệ kinh doanh và quan hệ đối tác chiến lược giữa hai đơn vị.
11.10.2017	5/5 Thành viên	- Thông qua kết quả hoạt động SXKD 9 tháng đầu năm 2017 - Thông qua các mục tiêu hoạt động SXKD chủ yếu trong năm 2018.
23.10.2017	5/5 Thành viên	- Thông qua phương án cấp tín dụng tại NH TMCP Quân đội - CN Sài Gòn đối với CTCP Đầu Tư Thương Mại SMC, Công ty TNHH MTV SMC Tân Tạo
20.11.2017	5/5 Thành viên	- Thông qua việc giải thể Công ty TNHH MTV SMC Hiệp Phước - Thông qua việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại KCN Hiệp Phước từ ngày 20/11/2017.
25.12.2017	5/5 Thành viên	- Thông qua việc thống nhất thay đổi tên đơn vị thành viên Công ty TNHH MTV SMC Bình Dương thành Công ty TNHH MTV Thương mại SMC. - Thông qua việc đề nghị NH TMCP Phát Triển TP.HCM cấp tín dụng cho Công ty dùng tài sản thế chấp.

KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT NĂM 2018

Năm 2018, HĐQT sẽ bổ sung thêm thành viên, đặc biệt là thành viên HĐQT độc lập, tiếp tục nâng cao năng lực quản trị, bám sát tình hình thực tế để dự báo, chỉ đạo và hỗ trợ ban TGD và ban điều hành Công ty phát triển hoạt động SXKD theo đúng định hướng và mục tiêu đã đề ra, nâng cao hiệu quả hoạt động, tăng cường đầu tư phát triển và củng cố vị thế, lợi thế cạnh tranh tạo nền tảng cho phát triển bền vững trong những năm tiếp theo.

Tập trung chỉ đạo thực hiện có hiệu quả:

- Ngoài kinh doanh thương mại thép thuần túy, phát triển thêm công tác nghiên cứu đầu tư vào những lĩnh vực liên quan có tiềm năng. Đẩy mạnh việc đồng bộ hóa khép kín dây chuyền gia công sản xuất thép và các sản phẩm sau thép. Xây dựng và mở rộng chuỗi bán lẻ trong toàn hệ thống, kinh doanh các mặt hàng SMC đang có.

- Sắp xếp cấu trúc lại ngành hàng hợp lý và hiệu quả trong toàn hệ thống. Nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, chú trọng công tác nguồn nhân lực, đào tạo, bồi dưỡng một đội ngũ nhân sự đủ về lượng, mạnh về chất

- Đẩy mạnh thực hiện văn hóa doanh nghiệp. Xây dựng, đổi mới chế độ, chính sách thi đua, khen thưởng, tạo động lực phát triển trong toàn hệ thống.

Với việc hoạch định chính sách, định hướng cho HDSXKD của doanh nghiệp, HĐQT tin tưởng rằng Ban lãnh đạo và tập thể SMC sẽ tiếp tục đạt được nhiều thành quả trong việc thực hiện mục tiêu, đẩy mạnh sản lượng, nâng cao hiệu quả trong năm 2018.



1. GIỚI THIỆU BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



- Ông
VÕ HOÀNG VŨ
Tổng giám đốc
Sinh năm: 1978
Trình độ chuyên môn:
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế – chuyên ngành QTKD
-

- Ông
NGUYỄN BÌNH TRỌNG
Phó TGD Khối Tài Chính – Kế Toán
Sinh năm: 1963
Trình độ chuyên môn:
Cử nhân Kinh tế – chuyên ngành Tài Chính Kế Toán
-

- Bà
NGUYỄN HỒNG CHÂU
Phó Tổng Giám Đốc - Khối Dự án
Sinh năm: 1974
Trình độ chuyên môn:
Cử nhân Ngoại Thương
-

- Ông
NGUYỄN VĂN TIẾN
Phó TGD Khối Hành Chính – Nhân Sự
Sinh năm: 1953
Trình độ chuyên môn:
Cử nhân Kinh tế – chuyên ngành Tài Chính Kế Toán
-

2. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



NHẬN ĐỊNH CHUNG VỀ CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2017

Yếu tố khách quan:

- Ngành công nghiệp thép toàn cầu tiếp tục hồi phục tốt trong năm 2017. Giá thép dao động xoay quanh mức cao tích cực trong năm. Tính đến cuối năm 2017, hầu hết giá cả các mặt hàng thép đều tăng cao so với mức giá bình quân năm 2016, cụ thể giá quặng sắt năm 2017 tăng 16,5% so với trung bình cả năm 2016, giá thép phế liệu cuối năm 2017 đạt khoảng 360 USD/tấn, tăng 24,1% so với mức đầu năm, giá phôi thép cuối năm đạt khoảng 540 USD/tấn, tăng gần 35% so với mức đầu năm, và giá thép cuộn cán nóng xoay quanh mức 580 USD/tấn, tăng khoảng 18,5% so với mức đầu năm.

- Nhu cầu nội địa mạnh mẽ cùng nỗ lực phối hợp của chính phủ Trung Quốc trong việc cắt giảm sản lượng thép dư thừa trong nước, dẫn đến sự sụt giảm đáng kể về lượng xuất khẩu thép của Trung Quốc ra thị trường thế giới so với các năm trước, đã góp phần đáng kể vào tình hình cải thiện thị trường thép và giá thép không chỉ ở Trung Quốc mà còn trên toàn thế giới. Trung Quốc đã thành công trong việc mạnh tay loại bỏ 115 triệu tấn thép công suất dư thừa chỉ trong vòng 2 năm qua, trong khi mục tiêu giảm công suất cho giai đoạn 5 năm từ 2016-2020 là từ 100-150 triệu tấn.

- Trong khoảng 5 năm trở lại đây, các doanh nghiệp Thép của Việt Nam đã từng bước sử dụng công cụ phòng vệ thương mại khá linh hoạt và hiệu quả. Cho đến nay Việt Nam đã có tổng cộng 05 vụ khởi xướng điều tra đối với sản phẩm thép nhập khẩu từ nước ngoài, và đã có ban hành quyết định chính thức, trong

từng bước tái cơ cấu doanh nghiệp theo hướng chuyên nghiệp, chuyên biệt và hiệu quả hơn, tách bạch từng nhóm hoạt động kinh doanh chính, nâng cao công tác quản trị của từng đơn vị, đưa SMC từ một đơn vị thuần kinh doanh thương mại thép thành một doanh nghiệp vững chắc, hài hòa giữa 3 nhóm hoạt động chính là Thương Mại – Gia Công – Sản Xuất.

đó có 03 vụ là điều tra và áp thuế chống bán phá giá gồm chống bán phá giá thép không gỉ cán nguội, thép tôn mạ, thép hình chữ H và 02 vụ là điều tra và áp thuế tự vệ toàn cầu gồm tự vệ thương mại phôi thép và thép dài, và tự vệ thương mại tôn màu. Ngành thép nhìn chung là một trong những ngành đã đi tiên phong trong việc áp dụng các công cụ phòng vệ thương mại hiệu quả, góp phần không nhỏ tạo điều kiện thuận lợi, hỗ trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong ngành.

Yếu tố chủ quan:

Sự ra đi của cố Chủ tịch đã để lại khoảng trống lớn trong công tác quản trị và điều hành doanh nghiệp. Tuy nhiên HĐQT và ban Tổng Giám Đốc mới đã nỗ lực đưa hoạt động của doanh nghiệp nhanh chóng trở lại quỹ đạo ổn định, đảm bảo năng suất làm việc và duy trì hiệu quả kinh doanh.

Trải qua năm 2016 với nhiều thuận lợi, khắc phục những khó khăn và thiệt hại của năm 2015, tuy nhiên trong năm 2017 ban điều hành vẫn hướng đến nguyên tắc cẩn trọng, ổn định, tăng cường hiệu quả, và phát triển bền vững các hoạt động kinh doanh cốt lõi. Trong đó, từng bước tái cơ cấu doanh nghiệp theo hướng chuyên nghiệp, chuyên biệt và hiệu quả hơn, tách bạch từng nhóm hoạt động kinh doanh chính, nâng cao công tác quản trị của từng đơn vị, đưa SMC từ một đơn vị thuần kinh doanh thương mại thép thành một doanh nghiệp vững chắc, hài hòa giữa 3 nhóm hoạt động chính là Thương Mại – Gia Công – Sản Xuất.

Năm 2017 đánh dấu bước tiến mới của SMC trong việc tham gia sâu hơn vào lĩnh vực sản xuất thép khi đưa dây chuyền cán ép, mạ kẽm với tổng công suất

thiết kế đạt 160.000 tấn/năm đi vào hoạt động ổn định trong thời gian ngắn nhất và nhanh chóng đạt được công suất tối đa. Nhà máy mới với các công đoạn tẩy rỉ, cán ép, và mạ kẽm cung cấp thành phẩm chất lượng được khách hàng đánh giá cao, một mặt vừa tham gia đa dạng hóa danh mục sản phẩm thép do SMC cung cấp, vừa từng bước khép kín các công đoạn sản xuất cho nhà máy ống thép Senco, tăng cường sự chủ động và hiệu quả hơn cho Senco nói riêng và cho toàn hệ thống nói chung.

Nhóm 05 giải pháp chính trong điều hành gồm “4 giảm 1 tăng” – giảm tổng tài sản, giảm nợ vay, giảm tồn kho ở mức hợp lý, giảm chi phí, và gia tăng lợi nhuận – luôn là kim chỉ nan trong mọi hoạt động và luôn được triển khai tích cực.

Bên cạnh đó, chính sách quan hệ kinh doanh với Formosa trên tầm nhìn dài hạn đã phát huy tác dụng khi SMC được đối tác đánh giá cao, là một trong những khách hàng được cung cấp nhiều hàng nhất tại khu vực phía Nam. Ngoài ra, SMC cũng tiếp tục mở rộng, duy trì và phát huy tốt quan hệ với các nhà sản xuất và cung cấp thép lớn trong và ngoài nước như Hòa Phát, VNSteel, Vinakyoei, Pomina, Tôn Nam Kim, Tôn Đông Á, Hanwa, Toami, Sumitomo, Marubeni, Nippon, Hyundai, Daewoo, Posco, CSC, Sumikin... đảm bảo đủ nguồn hàng khai thác và phân phối tốt trong các đợt biến động lớn của thị trường.

Hoạt động tài chính tín dụng luôn đảm bảo hiệu quả cao, duy trì, mở rộng và phát huy tốt mối quan hệ với các đối tác tín dụng lớn trong và ngoài nước, luôn đảm bảo cho SMC có nguồn vốn tín dụng đầy đủ và kịp thời, với chi phí cạnh tranh nhất, đảm bảo hỗ trợ đầy đủ và hiệu quả cho các hoạt động sản xuất kinh doanh, xuất nhập khẩu của toàn hệ thống.

2. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

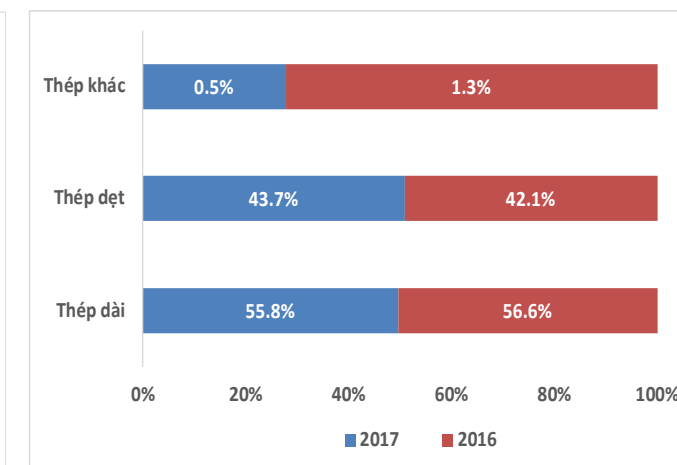
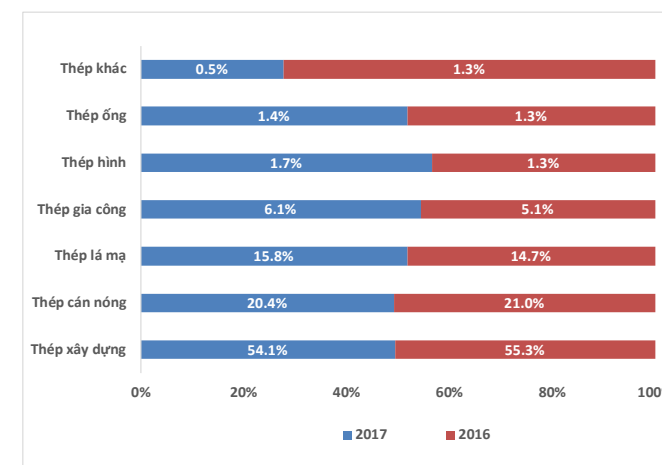
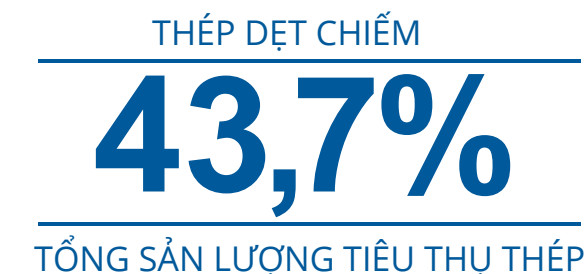
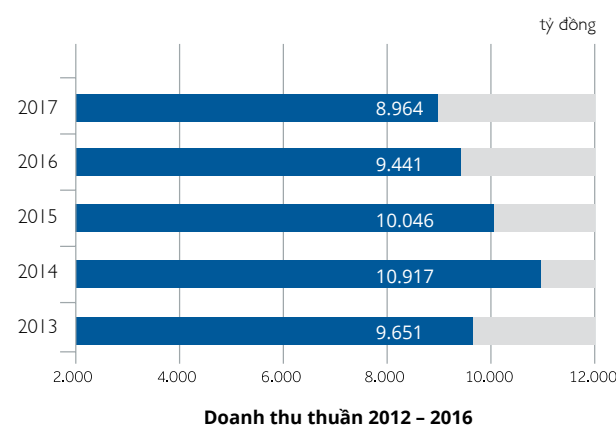
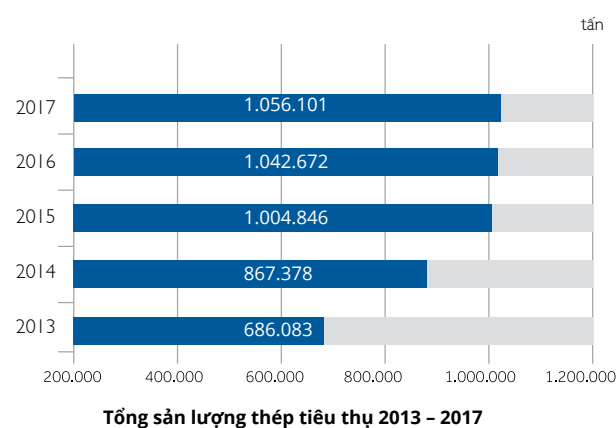
ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH SO VỚI NĂM TRƯỚC VÀ SO VỚI KẾ HOẠCH

Chỉ tiêu	Đơn vị	2016	2017	Tăng/giảm %	KH 2017	% Kế hoạch
Tổng sản lượng thép tiêu thụ	Tấn	1.042.672	1.056.101	+ 1,3%	1.050.000	100,6%
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	9.441	12.654	+ 34,0%	10.550	120,0%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	362,3	270,2	-25,4%	150,0	180,1%

Kết thúc năm 2017, SMC tiêu thụ hơn 1,05 triệu tấn thép các loại, tăng nhẹ 1,3% so với năm trước và hoàn thành 100,6% kế hoạch cả năm. Với mặt bằng giá bán bình quân năm 2017 cao hơn năm trước, tổng doanh thu thuần của Công ty trong năm đạt 12.654 tỷ đồng, tăng mạnh 34,0% so với cùng kỳ và đạt 120% kế hoạch năm. Tuy nhiên, không được hưởng lợi nhiều bởi xu hướng hồi phục giá nhanh và mạnh như năm 2016, SMC kết thúc năm 2017 với mức lợi nhuận sau thuế là 270,2 tỷ đồng, tuy giảm 25,4% so với năm trước nhưng vẫn xuất sắc hoàn thành vượt 80,1% kế hoạch đặt ra.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TRỌNG YẾU

Doanh thu và sản lượng tiêu thụ



(* Thép dài = Thép xây dựng + Thép hình

(* Thép dệt = Thép cán nóng + Thép lá mạ + Thép Gia Công + Thép Ống

Trong năm 2017, tổng sản lượng thép bán ra của toàn hệ thống đạt 1.056.101 tấn, tăng nhẹ 1,3% so với cùng kỳ, thực hiện 100,6% kế hoạch. Với trọng tâm chủ yếu là nâng cao chất lượng và hiệu quả hơn số lượng, SMC đã đặt ra mục tiêu sản lượng cho năm 2017 không chênh lệch nhiều so với năm trước đó, và đã thực hiện bám sát mục tiêu đề ra. Hơn hết, SMC tiếp tục chuyển dịch dần cơ cấu các mặt hàng tiêu thụ, nâng cao dần tỷ trọng các mặt hàng thép dệt. Trong hai mảng sản phẩm chủ chốt là thép dài và thép dệt, tổng sản lượng tiêu thụ thép dài năm 2017 đạt 588.916 tấn, tăng nhẹ 2,2% so với năm trước, chiếm 55,8% tổng sản lượng tiêu thụ thép toàn hệ thống, tương ứng giảm 0,8% so với tỷ trọng năm trước đó. Các sản phẩm thuộc nhóm thép dệt đạt tổng sản lượng tiêu thụ năm 2017 là 460.846 tấn, tăng 4,7% so với cùng kỳ, và chiếm 43,7% tổng tiêu thụ, tương ứng tăng 1,6% so với tỷ trọng năm trước. Doanh thu thuần toàn hệ thống năm 2017 đạt 12.654 tỷ đồng, tăng mạnh 34% so với năm trước đó, và xác lập mốc doanh thu cao nhất từ trước tới giờ, trong đó giá thép tăng mạnh là yếu tố chính thúc đẩy tăng trưởng doanh thu.

2. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Chỉ tiêu chính	Đơn vị	2016	2017	Tăng/Giảm %	BQ 2011-2015
Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh					
Chi phí Giá vốn hàng bán	Tỷ đồng	8.716,7	11.952,9	+37,1%	
Chi phí bán hàng	Tỷ đồng	177,8	233,7	+31,4%	
Chi phí quản lý doanh nghiệp	Tỷ đồng	119,9	92,0	-23,3%	
Chi phí tài chính	Tỷ đồng	103,4	102,7	-0,68%	
Chi phí lãi vay	Tỷ đồng	89,9	106,9	+18,9%	
Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh					
Lợi nhuận gộp	Tỷ đồng	724,3	701,0	-3,2%	
Doanh thu tài chính	Tỷ đồng	64,6	59,7	-7,6%	
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	401,8	334,0	-16,9%	
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	362,3	270,2	-25,4%	
Tỷ suất lợi nhuận gộp/Doanh thu	%	7,67	5,54	-2,13%	2,69
Tỷ suất LNNT/Doanh thu	%	4,26	2,64	-1,62%	0,59
Tỷ suất LNST/Doanh thu	%	3,84	2,14	-1,70%	0,51
Tỷ suất LNST/Tổng tài sản - ROA	%	7,79	5,34	-2,45%	1,90
Tỷ suất LNST/VCSH - ROE	%	48,2	22,4	-25,8%	8,14

Với những yếu tố cực kỳ thuận lợi trong năm 2016, đặc biệt là việc giá thép trong và ngoài nước tăng rất mạnh trong suốt năm cộng với tồn kho giá thấp mà SMC tích trữ được, biên lợi nhuận và kết quả kinh doanh ghi nhận ở mức cao đặc biệt. Trên cơ sở so sánh đó, kết quả và hiệu quả HĐSXKD năm 2017 có phần sụt giảm. Tuy nhiên, nhìn một cách khách quan, thì thành quả mà SMC đạt được trong năm 2017 không chỉ hoàn thành vượt kế hoạch đề ra mà còn là bước cải thiện đáng kể so với những năm trước đây. Việc định hướng và tách bạch 3 nhóm hoạt động chính “Thương mại – Gia Công – Sản xuất”, theo từng ngành hàng chủ đạo, và không ngừng đầu tư và phát triển theo chiều sâu cho hoạt động sản xuất, gia công chế biến, đã từng bước cải thiện tỷ suất lợi nhuận, nâng cao hiệu quả kinh doanh, và ổn định hoạt động của toàn hệ thống.

Tổng kết năm 2017, chi phí giá vốn hàng bán của Công ty tăng mạnh 37,1% so với cùng kỳ, tăng cao hơn mức tăng trưởng doanh thu, dẫn đến lợi nhuận gộp lũy kế đạt hơn 700 tỷ đồng, giảm nhẹ 3,2% so với năm trước và tỷ suất lợi nhuận gộp biên chỉ đạt 5,54%, giảm đến 2,13% so với cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên, mức lợi nhuận gộp biên đạt được trong năm 2017 vẫn cao hơn đáng kể so với mức lợi nhuận gộp biên bình quân trong giai đoạn 2011-2015 là 2,7%. LNNT năm 2017 Công ty đạt được là 270,2 tỷ đồng, giảm 25,4% so với năm 2016. Tỷ suất LNNT trên doanh thu là 2,14%. Một mặt, kết quả kinh doanh đạt được năm 2017 giảm so với năm trước đó, mặt khác, trong năm 2017 SMC tiếp tục đầu tư lớn vào nhà xưởng máy móc thiết bị và đầu tư dài hạn vào các đối tác chiến lược, đồng thời phát hành riêng lẻ tăng vốn điều lệ, dẫn đến cả tổng tài sản và vốn chủ sở hữu đều tăng cao so với năm trước đó. Vì vậy, tỷ suất ROA và ROE đạt được trong năm 2017 tương ứng lần lượt là 5,34% và 22,4%, giảm đáng kể so với năm 2016.

5,34%

ROA

22,4%

ROE

TÀI SẢN

Chỉ tiêu	Đơn vị	2016	2017	Tăng/Giảm %
Tài sản ngắn hạn	Tỷ đồng	3.952,0	4.026,3	+1,9%
Tiền mặt	Tỷ đồng	265,9	398,4	+49,8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	Tỷ đồng	778,9	83,3	-89,3%
Các khoản phải thu ngắn hạn	Tỷ đồng	1.321,5	1.658,9	+25,5%
Vòng quay phải thu người mua	Ngày	42	41	-2,4%
Hàng tồn kho	Tỷ đồng	1.437,0	1.671,9	+16,3%
Vòng quay hàng tồn kho	Ngày	60	51	-15,0%
Tài sản dài hạn	Tỷ đồng	698,7	1.028,4	+47,2%
Tổng tài sản	Tỷ đồng	4.650,7	5.054,7	+8,7%

Tổng tài sản SMC tại thời điểm kết thúc năm 2017 đạt gần 5.055 tỷ đồng, tăng 8,7% so với cùng kỳ năm trước, tương ứng tăng gần 405 tỷ đồng, trong đó chủ yếu đến từ tăng tài sản dài hạn. Tổng tài sản ngắn hạn cuối năm 2017 là 4.026 tỷ đồng, tăng nhẹ 1,9% so với năm 2016, trong đó tiền mặt và các khoản phải thu tăng đáng kể. Ngược lại, với việc tái cơ cấu nguồn vốn và chính sách tín dụng, đầu tư tài chính ngắn hạn chủ yếu là tiền gửi ngắn hạn của SMC giảm mạnh tại thời điểm cuối năm. Cùng với sự phục hồi mạnh về giá cũng như chính sách tồn kho chuẩn bị cho HĐSXKD năm 2018, giá trị hàng tồn kho cuối năm 2017 của Công ty duy trì ở mức hợp lý, tăng 16,3% so với cuối năm trước.

Tổng tài sản dài hạn cuối năm 2017 hơn 1.028 tỷ đồng,

tăng mạnh 47% so với năm trước, trong đó chủ yếu đến từ tăng tài sản cố định, máy móc thiết bị, và đầu tư tài chính dài hạn. Việc đầu tư mở rộng và tham gia sâu hơn vào hoạt động sản xuất, đưa nhà máy cán ép tẩy mạ kẽm đi vào hoạt động từ tháng 9/2017 và tiếp tục đầu tư mở rộng giai đoạn 2 cho nhà máy ống thép Senco đã làm tăng giá trị tài sản cố định và tài sản đầu tư dở dang của SMC cuối năm 2017 lên 720 tỷ đồng, tăng mạnh 43,1% so với năm trước, tương ứng tăng 217 tỷ đồng. Bên cạnh đó, đầu tư tài chính dài hạn của Công ty cuối năm 2017 đạt hơn 203 tỷ đồng, tăng gấp đôi so với cùng kỳ năm trước, trong đó đáng chú ý là khoản tăng thêm 54 tỷ đồng từ đầu tư dài hạn vào cổ phiếu CTCP Tôn Nam Kim và trái phiếu ngân hàng dài hạn.



2. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

NỢ PHẢI TRẢ

Chỉ tiêu	Đơn vị	2016	2017	Tăng/Giảm %
Nợ ngắn hạn	Tỷ đồng	3.810,3	3.766,5	-1,1%
Vay nợ ngân hàng ngắn hạn	Tỷ đồng	2.626,8	1.847,2	-29,7%
Phải trả người bán	Tỷ đồng	1.007,2	1.628,5	+61,7%
Vòng quay phải trả người bán	Ngày	42	50	+19,0%
Nợ dài hạn	Tỷ đồng	89,5	78,3	-12,5%
Vay nợ ngân hàng dài hạn	Tỷ đồng	85,6	74,6	-12,9%
Tổng nợ phải trả	Tỷ đồng	3.899,8	3.844,8	-1,4%
Tổng vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	751,0	1.209,9	+61,1%
Vốn điều lệ	Tỷ đồng	295,2	420,1	+42,3%
Nợ vay ngân hàng/Vốn CSH	%	361,2	158,8	-202,4%

Tổng nợ phải trả tại thời điểm cuối năm 2017 của Công ty là 3.845 tỷ đồng, giảm nhẹ 54 tỷ đồng, tương đương 1,4% so với năm trước, trong đó cả nợ ngắn hạn và nợ dài hạn đều dao động giảm nhẹ so với cùng kỳ. Tổng nợ ngắn hạn cuối năm 2017 là 3.766 tỷ đồng, giảm khoảng 44 tỷ đồng, tương ứng 1,1% so với năm 2016. Với việc phát hành riêng lẻ thành công, tăng vốn điều lệ và thặng dư cho doanh nghiệp, cơ cấu sử dụng vốn của SMC trong năm 2017 có sự chuyển dịch, tỷ lệ vay nợ ngân hàng ngắn hạn do đó giảm đáng kể gần 30% so với năm trước. Trong khi đó, các khoản phải trả người bán lại tăng mạnh hơn 620 tỷ đồng, tương ứng tăng 61,7% so với năm 2016. Tổng nợ dài hạn mà chủ yếu là vay nợ ngân hàng không biến động nhiều so với năm trước.

Với kết quả kinh doanh tiếp tục đạt hiệu quả cao, cũng như việc bám sát triển khai tốt định hướng tái cấu trúc tài chính đã đề ra, cả vốn điều lệ và lợi nhuận để lại cuối năm 2017 đều tăng mạnh so với năm trước, tổng vốn chủ sở hữu của SMC cuối năm 2017 do đó đạt gần 1.210 tỷ đồng, tăng mạnh 61,1% so với cùng kỳ.

Theo đó, hệ số tổng nợ vay trên VCSH của Công ty năm 2017 tiếp tục chuyển biến theo xu hướng lành mạnh hơn, giảm đáng kể từ mức 3,6 lần xuống còn 1,6 lần. SMC sẽ từng bước tiếp tục cải thiện nguồn vốn hoạt động và cơ cấu nợ/vốn, bám sát định hướng lâu dài về hiệu quả sử dụng vốn, tính cân đối giữa vay nợ ngắn và dài hạn, với chi phí tài chính thấp nhằm đảm bảo cho mục tiêu phát triển ổn định, hiệu quả và bền vững của toàn hệ thống.

CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ CÔNG TÁC ĐIỀU HÀNH TRONG NĂM

Quản lý sản xuất kinh doanh

Năm 2017, toàn hệ thống bám sát định hướng và kế hoạch đã đề ra, tập trung vào chất hơn lượng. Công tác điều hành quản lý sản xuất kinh doanh dựa trên nguyên tắc cần trọng, hướng đến tính hiệu quả, ổn định, và bền vững. Toàn hệ thống tiếp tục hoàn thành tốt duy trì mức sản lượng tiêu thụ trên 1 triệu tấn năm, ổn định thị phần, nắm bắt cơ hội thị trường, cân đối

1.210 tỷ

VỐN CHỦ SỞ HỮU

với khả năng và thế mạnh của doanh nghiệp để tạo ra doanh thu, dòng tiền tích cực, và kết quả kinh doanh khả quan.

Ban điều hành từng bước tái cấu trúc các hoạt động của doanh nghiệp, định hướng theo các nhóm ngành và lĩnh vực chủ đạo, chuyên nghiệp và chuyên biệt hơn gồm Thương mại – Gia công – Sản xuất, hướng đến tăng cường và ổn định hơn hiệu quả quản lý SXKD của từng mảng nói riêng và của toàn hệ thống nói chung.

Về thương mại, SMC tiếp tục giữ vững vai trò là nhà phân phối thép chuyên nghiệp, duy trì, mở rộng và phát huy tốt quan hệ với các nhà sản xuất thép lớn trong và ngoài nước, tổng sản lượng thép dài thương mại tiêu thụ trong năm 2017 tiếp tục tăng nhẹ so với năm trước. Trong năm, có những thời điểm thị trường bị hạn chế nguồn cung thép dây nhập khẩu do chính sách phòng vệ, nhưng với lợi thế là đối tác phân phối lớn, cùng với sự quản lý điều hành năng động, linh hoạt, SMC vẫn có nguồn hàng thay thế. Bên cạnh đó SMC cũng thực hiện tái cấu trúc, sáp nhập các đơn vị thành viên có cùng chức năng thương mại thép dài, nhằm tinh gọn bộ máy quản lý, tiết kiệm chi phí, tăng cường hiệu quả quản lý và hiệu quả kinh doanh hơn. Cụ thể tháng 7/2017, SMC đã tiến hành sáp nhập Công ty TNHH MTV Kinh Doanh Thép SMC vào Công ty TNHH MTV SMC Bình Dương, chính thức đổi tên thành Công ty TNHH MTV Thương mại SMC vào tháng 12/2017, cùng với công ty mẹ chuyên trách cho các hoạt động thương mại của toàn hệ thống.

Về gia công, các nhà máy Coil Center đều hoạt động tốt và đạt hiệu quả cao, góp phần quan trọng duy trì vị thế của SMC trong lĩnh vực gia công chuyên biệt. Hiện nay toàn hệ thống bao gồm 3 nhà máy Coil Center, với tổng công suất thiết kế là 350.000 tấn/năm, đang được khai thác hết công suất. Trong đó, có 2 nhà máy Coil Center thép lá mạ đặt tại KCN Phú Mỹ 1, BRVT và tại KCN Quang Minh, Hà Nội; và 1 nhà máy Coil Center

Về thương mại, SMC tiếp tục giữ vững vai trò là nhà phân phối thép chuyên nghiệp, duy trì, mở rộng và phát huy tốt quan hệ với các nhà sản xuất thép lớn trong và ngoài nước

thép tấm cán nóng, đặt tại KCN Tân Tạo, Bình Tân, TPHCM. Trong năm vừa qua, ban điều hành đã có sự sắp xếp điều chỉnh, chuyển toàn bộ hoạt động gia công Coil Center thép tấm cán nóng tại SMC Cơ Khí về SMC Tân Tạo, nâng cao chức năng chuyên trách của SMC Tân Tạo trong hoạt động thương mại và gia công thép tấm cán nóng, bước đầu đã ghi nhận những kết quả tích cực.

Về sản xuất, năm 2017 đánh dấu cho sự tham gia sâu hơn, có chọn lọc và chuyên nghiệp hơn của SMC trong lĩnh vực sản xuất thép. SMC Cơ Khí sau khi chuyển hết toàn bộ hoạt động Coil Center thép cán nóng, tập trung trở thành đơn vị sản xuất thép mạ kẽm. Tháng 9/2017 dây chuyền đồng bộ từ tẩy rỉ, cán ép và mạ kẽm đã chính thức đi vào hoạt động tại SMC Cơ Khí, có công suất thiết kế là 160.000 tấn/năm, đã nhanh chóng đạt hiệu quả khi vận hành ở mức công suất tối đa, và cung cấp sản phẩm ra thị trường được người tiêu dùng đánh giá cao.

Nhà máy liên doanh ống thép SENDO vẫn còn gặp nhiều khó khăn, trở ngại, nhất là từ tổ chức bộ máy và thị trường tiêu thụ. Mục tiêu sản lượng đề ra do đó vẫn chưa đạt được, tuy nhiên vẫn có hiệu quả hoạt động nhờ sự hỗ trợ tối đa từ hệ thống SMC. Các mặt về hoạt động, nhân sự và quản lý của nhà máy cần được cải thiện, bổ sung và ổn định, tiếp tục củng cố vị thế và thương hiệu tại các thị trường xuất khẩu đồng thời mở rộng, chú trọng hơn vào thị trường nội địa, chuẩn bị đón đầu cho giai đoạn 2 chính thức đi vào hoạt động trong năm 2018.

Trong quan hệ đối ngoại, SMC tiếp tục phát huy tốt quan hệ với các nhà sản xuất thép và các ngân hàng, đơn vị tín dụng lớn trong và ngoài nước. Năm 2017, SMC phát hành riêng lẻ thành công cổ phiếu cho nhà đầu tư chiến lược, nâng tỷ trọng sở hữu của tập đoàn Hanwa Nhật Bản tại SMC từ 5% lên 20%, đánh dấu cột mốc mới cho quan hệ đối tác chiến lược giữa hai bên.

2. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

HOẠT ĐỘNG KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU

Chỉ tiêu chính	Đơn vị	2016	2017	Tăng/giảm %
Tổng sản lượng xuất khẩu	Tấn	143.635	117.315	-18,3%
Tổng sản lượng nhập khẩu	Tấn	444.248	298.210	-32,9%
SLXK / Tổng SL thép tiêu thụ	%	13,8	11,1	-2,7%

Tổng sản lượng xuất khẩu của SMC năm 2017 đạt 117.315 tấn thép các loại, giảm 18,3% so với năm trước, chủ yếu giảm đáng kể ở mặt hàng wire rod và debar, trong khi đó sản lượng xuất khẩu phi thép và thép ống tăng tích cực hơn. Trong năm 2017, các nước nhập khẩu thép Việt Nam tích cực gia tăng các biện pháp phòng vệ thương mại, gây nên không ít khó khăn cho các doanh nghiệp trong ngành. Bên cạnh đó, với chính sách bán hàng linh hoạt hơn, bám sát tình hình chung của ngành, SMC chủ động tăng cường khai thác thị trường trong nước hiệu quả hơn. Sản lượng xuất khẩu năm 2017 nhìn chung mặc dù giảm tương đối so với năm trước đó, nhưng vẫn đảm bảo mục tiêu chiếm ít nhất 10% tổng sản lượng thép tiêu thụ của toàn hệ thống. Tuy sản lượng giảm, tổng giá trị xuất khẩu năm 2017 vẫn tăng gần 13% so với năm trước đó nhờ giá bán tăng.

Tổng sản lượng thép nhập khẩu các loại đạt 298.210 tấn trong năm 2017, giảm mạnh gần 33% so với năm 2016, trong đó có sự chuyển dịch mạnh mẽ về cơ cấu các mặt hàng nhập khẩu và nguồn hàng khai thác. Cụ thể, các mặt hàng như wire rod, debar, GI, và PPGI tiếp tục giảm sản lượng đáng kể trong năm bởi ảnh hưởng chính sách phòng vệ thương mại của chính phủ. Nếu như năm trước sản lượng HRC nhập khẩu của SMC giảm do việc cân đối nguồn hàng giữa tiêu

thụ - nhập khẩu - và khai thác nội địa, đặc biệt ghi nhận sự tham gia của Formosa tại thị trường thép Việt Nam, thì trong năm 2017, bên cạnh việc tiếp tục khai thác tốt nguồn hàng từ Formosa, sự vận hành của nhà máy cán ép tẩy mạ mới dẫn đến sản lượng HRC nhập khẩu năm 2017 tăng vọt so với năm trước, nhằm đáp ứng đủ nguyên liệu cho hoạt động gia công sản xuất. Nhóm hàng secondary với tỷ suất lợi nhuận tốt, hiệu quả kinh doanh cao, tiếp tục được khai thác tích cực.

Về gia công, các nhà máy Coil Center đều hoạt động tốt và đạt hiệu quả cao, góp phần quan trọng duy trì vị thế của SMC trong lĩnh vực gia công chuyên biệt

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN TRONG NĂM

Trong năm 2017, SMC đã tích cực triển khai và đẩy mạnh tiến độ đầu tư, nhanh chóng đưa dây chuyền tẩy mạ thép lá tại SMC Cơ Khí chính thức đi vào hoạt động trong tháng 9. Với tổng giá trị đầu tư khoảng 130 tỷ, công suất thiết kế là 160.000 tấn/năm, nhà máy mới nhanh chóng vận hành có hiệu quả, đạt tối đa công suất thiết kế, cung cấp thành phẩm có chất lượng được khách hàng đánh giá cao, góp phần hỗ trợ cho nhà máy ống thép Sendo trong việc chủ động nguyên liệu sản xuất và quản lý giá thành sản xuất tốt hơn. Việc vận hành nhà máy sản xuất thép lá mạ không chỉ làm phong phú danh mục sản phẩm kinh doanh của



SMC, mở rộng và quảng bá thương hiệu SMC, tạo thêm giá trị gia tăng cho khách hàng mà còn góp phần quan trọng trong việc khẳng định sự tham gia sâu hơn của SMC vào lĩnh vực gia công sản xuất có độ ổn định và hiệu quả cao hơn so với hoạt động thuần thương mại, đảm bảo tính đồng bộ và hợp lý của toàn hệ thống, và phát huy tối đa hiệu quả của vốn đầu tư. Sự thành công bước đầu của nhà máy và sự đón nhận của khách hàng là tiền đề cho dự án mở rộng nhà máy giai đoạn 2 trong năm 2018-2019.

Năm 2017, liên doanh ống thép Việt Nhật SENDO tiếp tục triển khai đầu tư thêm giai đoạn 2 nhà máy sản xuất ống, tổng vốn đầu tư dự kiến gần 100 tỷ đồng, tăng thêm 6 dây chuyền sản xuất mới, hoàn tất và vận hành vào trong Q1-Q2/2018, nâng tổng số máy cuốn ống lên 13 máy, với tổng công suất đạt ít nhất 100.000 tấn/năm.

Tiến hành các thủ tục cần thiết, xin giấy phép và chuẩn bị cho hoạt động nâng chuẩn Coil Center tại dự án 5ha mới ở KCN Phú Mỹ 1 - BRVT, nâng công suất và các điều kiện hoạt động cho nhà máy Coil Center tại KCN Phú Mỹ, hướng đến gia nhập chuỗi cung ứng trong hoạt động dịch vụ gia công chính xác các sản phẩm thép cho các doanh nghiệp lớn nước ngoài như Samsung, LG.

Chuẩn bị các hồ sơ thủ tục cần thiết cho dự án đầu tư trụ sở văn phòng mới của Công ty.

QUẢN LÝ TÀI CHÍNH KẾ TOÁN

SMC tiếp tục mở rộng, duy trì, và phát huy tốt mối quan hệ với các ngân hàng và tổ chức tín dụng lớn trong và ngoài nước, được hỗ trợ tạo điều kiện để ổn định và phát triển các hoạt động kinh doanh. Với sự tín nhiệm cao đã tạo dựng được đối với các ngân hàng lớn, hạn mức tín dụng từng bước được gia tăng, cùng với hiệu quả kinh doanh thu được, đã góp phần củng cố cho

khả năng và sức khỏe tài chính của Công ty, đảm bảo cung ứng đầy đủ nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển, với chi phí sử dụng vốn hợp lý và hiệu quả, góp phần tăng cường sức cạnh tranh và hiệu quả chung cho toàn hệ thống

KẾ HOẠCH VÀ MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN NĂM 2018

Nhận định chung và kế hoạch kinh doanh năm 2018

Năm 2018 kinh tế Việt Nam được nhận định sẽ tiếp tục có nhiều thuận lợi cho xu hướng tăng trưởng tích cực, với mục tiêu tăng trưởng GDP của chính phủ đề ra là 6,7%. Động lực tăng trưởng sẽ được duy trì chủ yếu từ khu vực FDI và từ khu vực kinh tế tư nhân. Việc tiếp tục đẩy mạnh cho đầu tư công và cơ sở hạ tầng, tăng cường kiểm soát mục tiêu lạm phát, tái cơ cấu kinh tế vĩ mô và hệ thống ngân hàng, tập trung xử lý nợ xấu, nâng cao dần chất lượng nguồn nhân lực và năng suất lao động, sẽ góp phần cải thiện môi trường kinh doanh, tạo thuận lợi hơn cho doanh nghiệp.

Đối với ngành thép trong nước, dự kiến tăng trưởng ngành trong năm 2018 tiếp tục khả quan. Tiêu thụ thép nội địa dự kiến tăng trưởng tốt chủ yếu nhờ vào hoạt động xây dựng cơ sở hạ tầng, giao thông và tiện ích của chính phủ đầu tư ở các thành phố lớn. Chính phủ Trung Quốc tiếp tục thực hiện chính sách cắt giảm sản lượng sản xuất thép, dự kiến còn khoảng 35 triệu tấn sẽ hoàn thành trong năm 2018, sẽ tiếp tục tạo ra những tác động tích cực lên thị trường thép toàn cầu. Nguồn cung được kiểm soát từ Trung Quốc sẽ tiết giảm lượng thép xuất khẩu, qua đó cải thiện sự cân bằng cung cầu trên thị trường thép, đặc biệt đối với các thị trường trong khu vực lân cận như Việt Nam. Việc nhà máy Formosa dần đi vào quỹ đạo hoạt động ổn định cùng công suất được tăng lên vào giữa năm 2018

2. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

sẽ định hình dần nguồn cung thép cán nóng nội địa thay thế cho một phần hàng nhập khẩu, tuy chưa đáp ứng hết nhu cầu của thị trường, nhưng với chính sách và tầm nhìn thị trường dài hạn, cùng sự tham gia của Hòa Phát tại dự án Dung Quất vào năm 2019 cũng sẽ làm thay đổi dần vị thế của ngành thép Việt Nam.

Tuy nhiên việc không ngừng mở rộng các nhà máy, dự án mới, gia tăng công suất mạnh mẽ của nhiều doanh nghiệp thép sẽ làm gia tăng tính cạnh tranh và sự khốc liệt hơn của môi trường kinh doanh. Hoạt động bảo hộ và tự vệ thương mại đối với ngành thép tại nhiều quốc gia, kể cả Việt Nam ngày càng có xu thế gia tăng, do đó hoạt động xuất khẩu và tăng trưởng xuất khẩu cũng sẽ khó khăn hơn.

Dựa vào các yếu tố trên, SMC nhìn nhận cả cơ hội và

thách thức không nhỏ cho doanh nghiệp trong năm 2018. Qua 2 năm đạt được hiệu quả kinh doanh cao, có tích lũy tốt, đã tạo điều kiện thuận lợi cho SMC hướng đến hoạt động ổn định bền vững, tăng cường hiệu quả, đầu tư mở rộng các ngành hàng thuận lợi hơn, đón đầu tốt xu hướng của thị trường. Với xu hướng bảo hộ ngành thép trong nước ngày càng gia tăng, nguồn cung chính sẽ đến từ các nhà sản xuất trong nước, vốn là điều kiện thuận lợi cho SMC khi Công ty là đơn vị phân phối tiêu thụ thép lớn, uy tín và chuyên nghiệp, có thị phần, cơ sở vật chất tồn trữ và khả năng gia công lớn. Các hoạt động kinh doanh và sản xuất đang được phát triển thuận lợi, các hoạt động đầu tư phù hợp và có hiệu quả, hứa hẹn việc đảm bảo cho mục tiêu kinh doanh năm 2018 sẽ được hoàn thành tốt.

CÁC CHỈ TIÊU KINH DOANH CHỦ YẾU CHO NĂM 2018:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2017	Kế hoạch 2018	% 2018/2017
1	Tổng sản lượng tiêu thụ	Tấn	1.056.101	1.100.000	104,2%
	- Thép xây dựng	Tấn	550.167	550.000	99,97%
	- Thép tấm lá mạ	Tấn	460.846	550.000	119,3%
2	Tổng doanh thu bán hàng	Tỷ đồng	12.654	12.000	94,8%
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	270,2	250,0	92,5%

KẾ HOẠCH VÀ CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT TRONG NĂM 2018

Đầu tư hoàn chỉnh giai đoạn 2 dây chuyền cán ép tẩy mạ tại SMC Cơ Khí, nâng tổng công suất lên 300.000 tấn/năm. Vốn đầu tư dự kiến khoảng 60-80 tỷ, hoàn thành và đưa vào vận hành cuối quý 3/2018, vừa đáp ứng cho nhu cầu nguyên liệu tăng thêm từ giai đoạn 2 nhà máy sản xuất ống thép Sendo, vừa bổ sung thêm thành phẩm thương mại cho thị trường.

Đối với nhà máy liên doanh ống thép SENDO, đầu tư phát triển giai đoạn 2 theo kế hoạch ban đầu, đưa 6 dây chuyền mới với tổng vốn đầu tư khoảng 80-100 tỷ đồng vào hoạt động trong Q1-Q2/2018, nâng công suất hoạt động lên gần gấp đôi so với hiện tại với tổng cộng 13 dây chuyền hàn cuốn ống, đáp ứng được sản lượng đầu ra của phân xưởng cán ép, tẩy mạ từ SMC Cơ khí và mở rộng thêm thị trường tiêu thụ trong và ngoài nước.

Hoàn thiện các thủ tục khu đất 5ha tại KCN Phú Mỹ để tiến hành xây dựng mới và di dời Coil Center thép lá

Các hoạt động kinh doanh và sản xuất đang được phát triển thuận lợi, các hoạt động đầu tư phù hợp và có hiệu quả, hứa hẹn việc đảm bảo cho mục tiêu kinh doanh năm 2018 sẽ được hoàn thành tốt.

Phú Mỹ, nâng tầm hệ thống, hoạt động và chức năng Coil Center của SMC, nghiên cứu mở rộng phạm vi và chức năng gia công nhằm đáp ứng yêu cầu sử dụng các các ngành công nghiệp sản xuất đang ngày càng phát triển; bên cạnh đó, thực hiện hoán chuyển công năng nhà máy cũ thành kho lưu trữ hàng hóa, đáp ứng cho nhu cầu phát triển kinh doanh của Doanh nghiệp.

Đối với SMC Hà Nội, đầu tư mở rộng thêm phân xưởng gia công Coil Center thép cán nóng bên cạnh nhà máy Coil Center thép lá mạ hiện tại, với vốn đầu tư dự kiến khoảng 50 tỷ đồng, nhằm tận dụng mối quan hệ sẵn có với Formosa, mở rộng mặt hàng kinh doanh và khai thác thị trường tiềm năng phía bắc.

Nghiên cứu khả thi việc xây dựng nhà máy gia công và kinh doanh thép cán nóng tại miền Trung, kết hợp hoạt động phân phối thương mại.

Đưa hoạt động bán lẻ chính thức đi vào hoạt động từ cuối Q1/2018, định hướng là hoạt động gia tăng sản lượng và gia tăng hiệu quả của mảng phân phối thương mại.

Hoàn thành các thủ tục xây dựng tòa nhà văn phòng kết hợp cho thuê tại địa chỉ 124 Ung Văn Khiêm, dự kiến khởi công trong Q3/2018, tổng vốn đầu tư dự kiến khoảng 120 tỷ đồng.

ĐỊNH HƯỚNG VÀ CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHỈ TIÊU KINH DOANH NĂM 2018

Ban điều hành sẽ tiếp tục vận dụng nguyên tắc cẩn trọng, tập trung cả về chất và lượng, đảm bảo yêu cầu về an toàn và hiệu quả kinh doanh; có chính sách linh hoạt, phù hợp và quản trị chặt chẽ hoạt động lưu chuyển hàng tồn kho và bán hàng; kiểm soát và tiết kiệm chi phí hoạt động và chi phí sản xuất nhưng vẫn phải đảm bảo và hỗ trợ hiệu quả chung; nâng cao chất lượng nhân sự, năng suất làm việc, và năng lực cạnh

tranh của toàn hệ thống; tinh gọn và nâng cao hiệu quả bộ máy quản trị và hoạt động của các đơn vị thành viên, các nhóm ngành chính; luôn nắm bắt, cập nhật, hỗ trợ kịp thời, và có các định hướng chiến lược đúng đắn cho các đơn vị thành viên.

Định hướng rõ ràng, cụ thể, và chiến lược hơn trong công tác quản trị các hoạt động của Công ty theo 3 nhóm chính "Thương mại – Gia công – Sản xuất", tăng cường hiệu quả của từng mảng kinh doanh chính, vừa giữ vững vị thế của mảng kinh doanh thương mại vừa phát huy mở rộng có chọn lọc việc đầu tư vào mảng gia công sản xuất, từng bước nâng tỷ trọng nhóm hàng thép dẹt đạt 50% tổng sản lượng tiêu thụ. Đồng thời, nghiên cứu và phát triển các hoạt động kinh doanh mới có khả năng mang lại hiệu quả cao và có liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh cốt lõi của Công ty.

Thúc đẩy các đơn vị thành viên, nhóm ngành chủ động xây dựng bản sắc kinh doanh riêng, hạch toán chi phí và hiệu quả riêng biệt, nâng cao năng lực quản trị, xử lý tình huống, tự chịu trách nhiệm trước các kết quả đạt được, và tạo động lực để các đơn vị thành viên phấn đấu hơn nhằm hoàn thành mục tiêu kinh doanh được giao.

Tiếp tục công tác đầu tư xây dựng nhằm mục đích phát triển và đáp ứng tốt các yêu cầu của thị trường và nhu cầu phát triển của doanh nghiệp, bên cạnh việc tích cực xây dựng bộ máy nhân sự, kỹ thuật vững mạnh, từng bước chuyển biến từ phát triển chiều rộng sang phát triển chiều sâu. Hoạt động đầu tư xây dựng sẽ được thực hiện theo các phương án kinh doanh được phê duyệt.

Công tác tài chính kế toán được tiếp tục đẩy mạnh nhằm đảm bảo năng lực tài chính phục vụ kinh doanh, đáp ứng yêu cầu quản lý, điều hành. Từng bước gia tăng các ứng dụng công nghệ thông tin vào nghiệp vụ kế toán, tài chính và nghiệp vụ kinh doanh theo yêu cầu phát triển của Công ty và xã hội.



1. GIỚI THIỆU BAN KIỂM SOÁT



Bà LÊ THỊ CẨM TÚ

Sinh năm: 1981

Trình độ chuyên môn:
Cử nhân Luật

Thành viên BKS

Ông NGUYỄN HỮU KINH LUÂN

Sinh năm: 1982

Trình độ chuyên môn:
Thạc sĩ QTKD Đại học Murray,
Hoa Kỳ

Trưởng BKS

Bà ĐẶNG THỊ THU TRANG

Sinh năm: 1980

Trình độ chuyên môn:
Cử nhân Kinh tế

Thành viên BKS

2. BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

CÁC HOẠT ĐỘNG BKS ĐÃ THỰC HIỆN TRONG NĂM:

Trong năm 2017, BKS đã tham gia đầy đủ tất cả các cuộc họp thường kỳ và bất thường của HĐQT; xem xét các BCTC, BCTN, báo cáo kiểm toán của Công ty theo định kỳ, có các phân tích, nhận định và đánh giá về kết quả HĐSXKD của Công ty, tham gia góp ý về các kế hoạch định hướng, phương hướng hoạt động SXKD cho các kỳ tiếp theo; góp ý với HĐQT các vấn đề về kế toán, kiểm toán, và công bố thông tin; theo dõi và phản hồi các ý kiến của cổ đông đối với hoạt động của Công ty.

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2017

Thẩm định báo cáo kết quả kinh doanh năm 2017

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	TH 2016	TH 2017	KH 2017	% Kế hoạch
1	Tổng sản lượng tiêu thụ	Tấn	1.042.672	1.056.101	1.050.000	100,6%
2	Tổng Doanh thu	Tỷ đồng	9.447	12.654	10.550	83,4%
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	362,3	270,2	150,0	55,5%
4	Xuất Khẩu	Tấn	143.635	117.315	105.000	89,5%

Năm 2017, SMC đạt kết quả sản lượng thép tiêu thụ tốt với hơn 1,05 triệu tấn, hoàn thành đạt kế hoạch đặt ra. Nhờ vào giá thép tiếp tục xu hướng tăng tích cực, doanh thu bán hàng tăng mạnh đạt hơn 12.654 tỷ đồng, hoàn thành 120% mục tiêu cả năm. Đồng thời, kết quả LNST đạt hiệu quả cao, tuy không bằng năm 2016, nhưng vẫn hoàn thành vượt 80% kế hoạch đề ra, là một kết quả khả quan rất đáng khích lệ.

Thẩm định báo cáo tài chính

BKS đã thực hiện việc thẩm tra BCTC hợp nhất năm 2017 của CTCP Đầu tư Thương mại SMC thông qua việc giám sát, trao đổi thường xuyên với Bộ phận Kế toán – Tài chính của Công ty. Công ty đã thực hiện báo cáo và công bố thông tin định kỳ theo đúng quy định. BKS đồng ý với ý kiến của Công ty Kiểm toán về BCTC hợp nhất kiểm toán của Công ty được lập cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2017. BCTC hợp nhất kiểm toán được trình bày trung thực, hợp lý, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định của pháp luật hiện hành về nội dung và thời gian hoàn thành báo cáo.

2. BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT



ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC QUẢN LÝ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HĐQT trong năm 2017 dù có biến cố và thay đổi, các hoạt động của HĐQT đều được thực hiện đúng với chức năng, nhiệm vụ, và quyền hạn theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, luôn bám sát các định hướng và nghị quyết ĐHĐCĐ, đảm bảo thực hiện tốt và hiệu quả các chỉ tiêu đã đề ra.

- HĐQT đã nghiêm túc tổ chức và thực hiện các cuộc họp định kỳ và trọng yếu để xem xét, đánh giá tình hình SXKD, tài chính theo từng quý, từng giai đoạn, đề ra các giải pháp, mục tiêu, phương hướng thực hiện phù hợp với tình hình thị trường và thực tế của doanh nghiệp, đảm bảo bám sát kế hoạch SXKD, các mục tiêu và nội dung mà nghị quyết ĐHĐCĐ đã thông qua cho năm 2017.

- Nội dung các cuộc họp HĐQT mang tính thiết thực giải quyết kịp thời có hiệu quả các vấn đề phát sinh cấp thiết của Công ty. HĐQT đã thực hiện tốt vai trò chỉ

đạo, giám sát và hỗ trợ Ban TGD, các phòng ban, đơn vị thành viên; điều hành hoạt động SXKD vượt qua khó khăn thách thức, duy trì hoạt động của hệ thống. Các nghị quyết mà HĐQT đã đề ra trong năm 2017 là hợp pháp, đúng với điều lệ Công ty và nghị quyết ĐHĐCĐ, có tác dụng định hướng dài hạn và đề ra các giải pháp phù hợp sâu sát cho hoạt động SXKD.

- Các thành viên HĐQT tuân thủ đầy đủ điều lệ, quy chế quản lý, Nghị quyết của ĐHĐCĐ và thực hiện nhiệm vụ một cách năng động, tận tụy, có trách nhiệm.

- Giữa HĐQT, BKS và Ban TGD luôn có sự phối hợp chặt chẽ, tất cả cuộc họp HĐQT đều có BKS tham dự, các nội dung thảo luận và biểu quyết đều thực hiện công khai, đúng qui định.

ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC ĐIỀU HÀNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban TGD đã triển khai, thực hiện tốt Nghị quyết của ĐHĐCĐ và chỉ đạo của HĐQT Công ty với thành tích đạt được khả quan. Ban TGD đã có các biện pháp chỉ đạo

linh hoạt trên nguyên tắc cẩn trọng, phù hợp với tình hình diễn biến thị trường, đảm bảo hoạt động ổn định và hiệu quả của toàn hệ thống; từng bước thực hiện tái cấu trúc cơ cấu tổ chức doanh nghiệp, tái cấu trúc cơ cấu nguồn vốn doanh nghiệp phù hợp với yêu cầu phát triển của thị trường và của Công ty.

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ DÀI HẠN

Các hoạt động đầu tư dài hạn trong năm 2017 của SMC nhìn chung đều được tích cực triển khai, đúng tiến độ, bám sát kế hoạch, định hướng và dự toán đã đề ra, một số hoạt động nghiên cứu và chuẩn bị trong năm 2017 là nền tảng và tiền đề cho việc triển khai mạnh mẽ trong năm 2018-2019, cụ thể như sau:

- Năm 2017, SMC hoàn thành và đưa vào vận hành dây chuyền cán ép tẩy mạ tại SMC Cơ Khí – Phú Mỹ, có tổng vốn đầu tư 130 tỷ đồng.

- Nhà máy liên doanh ống thép Senco tích cực đầu tư giai đoạn 2 mở rộng, gia tăng máy móc thiết bị sản xuất từ 7 lên 13 dây chuyền hàn cuốn ống, công suất dự kiến đạt 100.000 tấn/năm, vốn đầu tư mới khoảng 80-100 tỷ đồng, hoàn tất đưa vào vận hành trong nửa đầu năm 2018.

- Tích cực triển khai các thủ tục cần thiết để di dời, nâng cấp, đầu tư bổ sung nhà máy Coil Center tại KCN Phú Mỹ sang khu đất 5 ha mới, hoàn chuyển công năng nhà máy cũ thành kho lưu trữ hàng hóa. Cố gắng đẩy nhanh và hoàn thành trong giai đoạn 2018-2019.

- Triển khai các thủ tục cần thiết cho dự án xây dựng trụ sở văn phòng mới của Công ty tại 124-126 Ung Văn Khiêm, Quận Bình Thạnh, dự kiến hoàn thành trong giai đoạn 2018-2019.

- Nghiên cứu phát triển hệ thống bán lẻ Vật liệu xây dựng thương hiệu SMC, hỗ trợ tích cực và tăng cường hiệu quả cho hoạt động của mảng kinh doanh thương mại thép xây dựng, đưa vào khai thác hoạt động cuối Q1/2018.

ĐỀ XUẤT VÀ KIẾN NGHỊ CỦA BAN KIỂM SOÁT

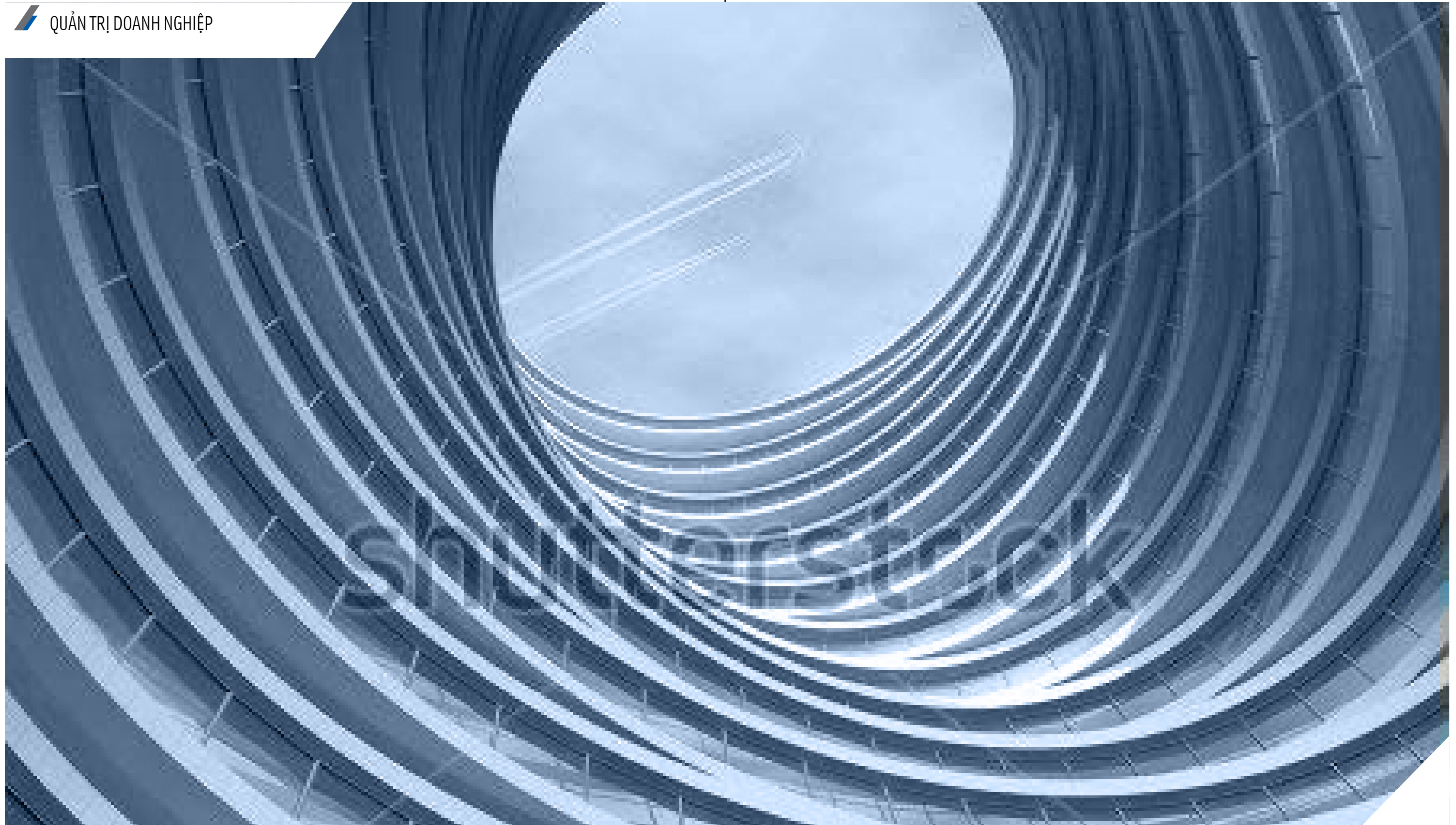
- HĐQT SMC cần tăng cường thêm thành viên, đặc biệt là thành viên HĐQT độc lập, phân bổ nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT chuyên trách, nhằm đáp ứng đầy đủ yêu cầu của cơ quan chức năng, đồng thời cũng góp phần tăng cường thêm sức mạnh quản trị cho Công ty, đề ra các định hướng chiến lược và giải pháp kinh doanh phù hợp, hiệu quả.

- Tiếp tục duy trì hoạt động kiểm soát nội bộ, đặc biệt là công tác bán hàng, quản lý tồn kho và quản lý công nợ, thắt chặt quản lý rủi ro trong kinh doanh và tài chính.

- Từ một doanh nghiệp thuần thương mại và sản xuất gia công đơn giản, SMC đang dần chuyên sâu hơn trong các hoạt động gia công sản xuất thép, cũng như chuyên môn hóa, đa dạng hóa hơn trong các hoạt động kinh doanh, việc chuẩn bị và quản trị tài nguyên, đặc biệt là nhân sự, là một yếu tố chủ chốt, SMC cần nghiên cứu ứng dụng các mô hình quản lý tiến tiến nhằm nâng cao sức mạnh nội tại, đảm bảo sẵn sàng cho thời kỳ tăng trưởng mới.

- Xây dựng cơ chế phân quyền và giám sát việc thực hiện của các đơn vị thành viên, đảm bảo cho tất cả các đơn vị thành viên có cơ hội tự chủ phát triển, nhưng vẫn đảm bảo tính thống nhất trong hệ thống SMC.

- Nhanh chóng hoàn thiện các dự án đang đầu tư để đưa vào khai thác, nâng cao hiệu suất đầu tư và hiệu quả kinh doanh của Doanh nghiệp.



1. QUẢN TRỊ RỦI RO



Để giảm thiểu các rủi ro chính trong hoạt động sản xuất kinh doanh như rủi ro về thị trường, rủi ro về hoạt động, và rủi ro về tài chính, HĐQT và Ban TGD Công ty luôn bám sát các chủ trương và định hướng đã đề ra, với mục tiêu an toàn và hiệu quả kinh doanh luôn được đặt lên hàng đầu. Bên cạnh đó, Công ty cũng có các chiến lược quản trị rủi ro riêng, như thành lập ban kiểm soát nội bộ, ban quản lý rủi ro, ban thẩm định giá, ban vật tư, ban thu hồi công nợ... nhằm kiểm soát và ứng phó với những rủi ro có thể xảy ra, đảm bảo đem lại kết quả tích cực trong hoạt động kinh doanh của toàn hệ thống.

RỦI RO KINH TẾ VÀ THỊ TRƯỜNG

Tốc độ tăng trưởng kinh tế là nhân tố ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển của ngành thép và các doanh nghiệp trong ngành. Năm 2017, tốc độ tăng trưởng GDP cả nước đạt vượt mục tiêu kế hoạch đề ra, cùng với sự sôi động của thị trường bất động sản, các hoạt động tích cực trong lĩnh vực đầu tư công và cơ sở hạ tầng của chính phủ, cùng đà tăng trưởng không ngừng của giá thép, ngành thép nội địa và các doanh nghiệp thép đã tiếp tục có một năm kinh doanh đầy phần

khởi, với hoạt động kinh doanh đạt được kết quả cao. Mặc dù đã trải qua hai năm liên tiếp đầy tích cực, lấy lại lợi thế và tạo nguồn tích lũy đáng kể cho công ty, từ bài học của năm 2015, SMC vẫn luôn trong tư thế chuẩn bị sẵn sàng để đương đầu với các rung lắc và chuyển biến không lường trước được của thị trường, đảm bảo khả năng linh hoạt ứng phó với mọi tình huống. Năm 2018, dự báo các chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế và tăng trưởng ngành đều tích cực, là tín hiệu vui đối với các doanh nghiệp nói chung, tuy vậy, tình hình thực tế thị trường và các biến động về giá cả hàng hóa là khó lường, có khả năng gây tác động trực tiếp đến hoạt động và kết quả kinh doanh của Công ty. Đồng thời, môi trường kinh doanh cũng trở nên ngày càng cạnh tranh khốc liệt hơn với sự tham gia của các doanh nghiệp mới lẫn sự phát triển mở rộng mạnh mẽ của các doanh nghiệp lớn hiện tại, SMC vì vậy sẽ không chủ quan mà phải luôn cẩn trọng trong mọi hoạt động, chủ động xem xét và đưa ra những quyết định linh hoạt, phù hợp theo từng thời điểm tình hình thị trường khác nhau, đảm bảo hạn chế tối đa ảnh hưởng của rủi ro kinh tế và thị trường (nếu có), nhằm duy trì hiệu quả, sự ổn định và phát triển bền vững của doanh nghiệp.

“ Để giảm thiểu các rủi ro chính trong hoạt động sản xuất kinh doanh, HĐQT và Ban TGD Công ty luôn bám sát các chủ trương và định hướng đã đề ra, với mục tiêu an toàn và hiệu quả kinh doanh luôn được đặt lên hàng đầu, nhằm đảm bảo đem lại kết quả tích cực trong hoạt động kinh doanh của toàn hệ thống. ”

RỦI RO TRONG HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Với việc tiếp tục mở rộng các hoạt động gia công chế biến thép dẹt, SMC từng bước giảm thiểu rủi ro của một đơn vị thuần kinh doanh thương mại phân phối thép xây dựng trước các biến động về giá thép xây dựng và của thị trường bất động sản. Tuy nhiên, các hoạt động gia công chế biến, sản xuất thép mới đồng thời cũng mang đến rủi ro về nguồn nguyên liệu, biến động giá cả nguyên vật liệu thép, rủi ro công nghệ sản xuất, rủi ro về nhân sự, kỹ thuật, và quản lý điều hành. Theo đó, SMC luôn duy trì và tạo dựng được mối quan hệ mật thiết rất tốt với các nhà sản xuất thép hàng đầu trong và ngoài nước, đảm bảo được nguồn cung nguyên liệu ổn định và hợp lý; chú trọng đảm bảo đầu tư máy móc thiết bị với công nghệ hiện đại, được bảo trì bảo dưỡng định kỳ thường xuyên, quá trình sản xuất gia công chế biến được đồng bộ và kiểm soát chặt chẽ, nhân sự có chuyên môn, đảm bảo vận hành an toàn, hiệu quả, giảm thiểu tối đa sự cố, sai sót, và tiêu hao nguyên vật liệu.

RỦI RO TÀI CHÍNH TÍN DỤNG

Trong hoạt động SXKD, SMC phải đối mặt với các rủi ro tài chính như biến động tỷ giá, biến động lãi suất ngân hàng, rủi ro nợ phải thu khó đòi và rủi ro về thanh khoản, dòng tiền. Với hoạt động xuất nhập khẩu tiếp tục đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ hoạt động

kinh doanh của toàn hệ thống, SMC luôn chú trọng xem xét và cân đối giữa dư nợ vay bằng VNĐ và ngoại tệ USD để đảm bảo đạt mức lãi suất vay tốt nhất, đồng thời cũng có đủ nguồn cung USD cho hoạt động nhập khẩu. Các biến động về tỷ giá và lãi suất trên thị trường luôn được cập nhật và phân tích sát sao nhằm có những ứng phó linh hoạt kịp thời trước các biến động lớn. Bên cạnh đó, việc tạo dựng được lòng tin và duy trì mối quan hệ tốt với các tổ chức tín dụng và ngân hàng cũng đảm bảo cho SMC chủ động giảm thiểu được rủi ro về tín dụng, lãi suất, thanh khoản và tỷ giá. Việc tiếp tục mở rộng đầu tư mạnh cho giai đoạn 2018-2019 dẫn đến khả năng rủi ro về nhu cầu vốn, lãi suất và tỷ giá. SMC luôn chủ động trong việc từng bước gia tăng hạn mức tín dụng theo nhu cầu phát triển của doanh nghiệp, tìm kiếm và duy trì nguồn vốn vay với mức lãi suất cạnh tranh, linh hoạt trong các giải pháp thu hồi công nợ và duy trì tồn kho ở mức hợp lý để cân đối nguồn vốn lưu động, từng bước tiếp tục cân đối nguồn vốn vay và vốn chủ sở hữu. Nợ xấu và phải thu khó đòi cũng là một rủi ro đáng kể mà SMC gặp phải trong thời gian qua mặc dù Công ty luôn đảm bảo áp dụng đầy đủ các quy trình về bán hàng và chính sách hạn mức nợ nhằm giảm thiểu rủi ro. Tuy nhiên, nhờ vào sự quản lý chặt chẽ, quyết liệt, linh hoạt và năng động của các bộ phận phòng ban như bộ phận kinh doanh, ban kiểm soát nội bộ, ban kiểm soát rủi ro, và ban quản lý thu hồi công nợ, trong năm 2017 vừa qua, SMC đã thu hồi được đáng kể phần nào khoản nợ xấu đã được trích lập dự phòng.

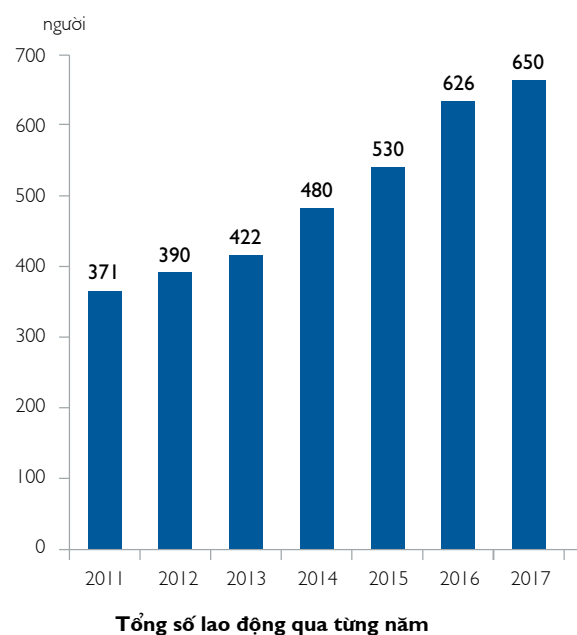
2. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Năm 2017, SMC chủ trương sắp xếp lại bộ máy nhân sự với định hướng quản lý tập trung theo ngành hàng, như thép xây dựng, thép cán nóng, thép cán nguội, thép ống, tạo tiền đề phát triển mạnh mẽ cho từng đơn vị thành viên trong năm 2018; đồng thời SMC cũng tiến hành bổ sung vào đội ngũ cán bộ quản lý các vị trí Giám đốc ngành hàng và Giám đốc chuyên môn phụ trách chuyên sâu từng lĩnh vực, để tham mưu kịp thời và có hiệu quả cho Ban lãnh đạo về thị trường, giá cả, hàng hóa, và các nguồn tài nguyên Công ty, tạo nên sự đột phá trong công tác quản trị. Sự luân chuyển cán bộ trong hệ thống cũng thúc đẩy sự đổi mới và tạo động lực phát triển cho từng CBCNV và bộ máy nhân sự của Công ty.

THAY ĐỔI CƠ CẤU TỔ CHỨC

-Sáp nhập Công ty TNHH MTV Kinh doanh Thép SMC vào Công ty TNHH MTV SMC Bình Dương, đổi tên thành Công ty TNHH MTV Thương mại SMC, chuyên trách các hoạt động thương mại của hệ thống, nhằm tập trung nguồn lực, tinh gọn bộ máy, tạo sức mạnh tổng thể duy trì và phát triển sản lượng và thị phần thép xây dựng trên thị trường.

-Thành lập Ban Nghiên cứu – Phát triển với chức năng, nhiệm vụ chủ yếu là nghiên cứu và phát triển các sản



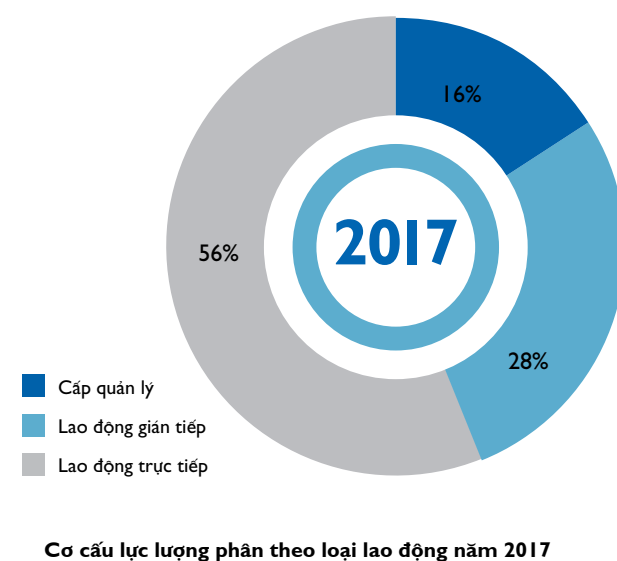
Thu nhập Tăng bình quân 12,8%

phẩm, dịch vụ phù hợp theo yêu cầu phát triển của doanh nghiệp và của thị trường.

-Cơ cấu lại hoạt động thương mại và gia công thép cán nóng, tập trung chuyển về SMC Tân Tạo, bổ sung vị trí Giám đốc ngành hàng thép cán nóng để có các chỉ đạo kịp thời và xuyên suốt trong quá trình kinh doanh và phát triển mặt hàng.

CƠ CẤU NHÂN SỰ

Tính đến 31/12/2017, tổng số lượng nhân sự của SMC là 650 lao động, tăng 24 người, tương ứng 4% so với năm 2016. Lực lượng bổ sung chủ yếu là đội ngũ cán bộ kỹ thuật có bằng cấp, tay nghề, chuyên môn, và kinh nghiệm trong lĩnh vực sản xuất, đáp ứng cho nhu cầu nhân sự của nhà máy cán ép tẩy mạ mới nói riêng đồng thời nâng cao chất lượng đội ngũ, tạo nên sức mạnh cạnh tranh cho hoạt động gia công sản xuất nói chung của SMC trên thị trường. Cơ cấu nhân sự hiện tại của SMC chủ yếu là đội ngũ trẻ, với đội ngũ lao động có độ tuổi dưới 30 chiếm đến 70% tổng số lao động toàn hệ thống, đã tạo ra một bầu sinh khí mới, có sức mạnh cạnh tranh để từng cá nhân phát triển, nỗ lực phấn đấu, đảm bảo đóng góp tích cực và đáp ứng tốt cho định hướng phát triển lâu dài và bền vững của doanh nghiệp. Với lực lượng có bằng cấp, chuyên môn



kỹ thuật cao, cụ thể CBCNV có trình độ trung cấp đến trên đại học chiếm hơn 66% tổng số lao động toàn hệ thống, SMC tin tưởng sẽ đáp ứng tốt các nhu cầu phát triển của Doanh nghiệp trong định hướng mở rộng hoạt động sản xuất và từng bước nâng dần thị phần và vị thế của SMC trên thương trường.

THU NHẬP VÀ PHÚC LỢI CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG

Với kết quả kinh doanh thuận lợi trong năm 2016-2017, Công ty đã tăng bình quân 12,8% thu nhập cho toàn bộ CBCNV. Ngoài những thu nhập hàng tháng, Công ty còn chú trọng chính sách khen thưởng hàng quý, thưởng đột xuất cho những cá nhân tập thể có thành tích xuất sắc, mang tính thiết thực, giúp ổn định cuộc sống cho người lao động, tạo sự khích lệ và phấn khởi trong quá trình công tác. Chính sách phúc lợi luôn được Công ty cam kết đầy đủ. Hàng năm, Công ty tổ chức du lịch nghỉ dưỡng cho toàn thể CBCNV, thực thi chính sách chăm sóc sức khỏe định kỳ tại bệnh viện uy tín và chất lượng, hỗ trợ thu nhập thêm cho các trường hợp thai sản, ốm đau, chăm sóc tinh thần và tâm tư của người lao động thông qua những hoạt động giao lưu, tặng quà vào các dịp lễ tết.

Đồng thời, SMC cũng sở hữu một hệ thống các tổ chức Công đoàn, đoàn thể, đoàn thanh niên, tổ chức Đảng...xuyên suốt từ văn phòng Công ty đến các đơn vị thành viên, sẵn sàng hỗ trợ người lao động khi cần thiết, CBCNV luôn được khuyến khích tham gia các tổ chức đoàn thể, các hoạt động thi đua nội bộ và giao lưu với các đơn vị bên ngoài, chú trọng hỗ trợ cả về mặt tinh thần lẫn vật chất cho CBCNV trong hoàn cảnh khó khăn, luôn tạo điều kiện để CBCNV nâng cao đời sống tinh thần và sức khỏe. Các tổ chức đoàn thể thực hiện nhiệm vụ gắn kết trực tiếp CBCNV với định hướng phát triển và thúc đẩy việc hoàn thành mục tiêu nhiệm vụ sản xuất kinh doanh hàng năm của Công ty.

TUYỂN DỤNG, ĐÀO TẠO, PHÁT TRIỂN, VÀ ĐÁNH GIÁ NGUỒN NHÂN LỰC

Từ năm 2011 đến năm 2017, nhân sự toàn hệ thống đã tăng 72%. SMC luôn đảm bảo sự kết hợp chặt chẽ hài hòa từ mảng tuyển dụng, đào tạo đến đánh giá

sàng lọc, luân chuyển, và đề bạt nhân sự, nhằm đem lại hiệu quả tối ưu, đặt mục tiêu và lợi ích của toàn công ty lên hàng đầu. Chất lượng nguồn lực là yếu tố then chốt trong định hướng phát triển của Doanh nghiệp, các ứng viên được tuyển chọn phải có đầy đủ và đáp ứng yêu cầu về các kỹ năng, trình độ phù hợp với vị trí tuyển dụng, có thái độ, tác phong phù hợp với văn hóa Công ty. Qua kinh nghiệm mà Công ty đúc kết và chọn lọc được qua quá trình hình thành và phát triển đến nay, SMC luôn chú trọng việc tổ chức các chương trình đào tạo nội bộ về văn hóa doanh nghiệp và chuyên môn nghiệp vụ với những bản sắc riêng, kết hợp với công tác đào tạo kỹ năng, nghiệp vụ tại một số trung tâm uy tín và chất lượng đối với cán bộ quản lý cấp trung. Hàng năm công ty sẽ xem xét đề bạt những cá nhân có năng lực, kinh nghiệm phù hợp vào những vị trí, chức vụ cao hơn trong Công ty, tạo điều kiện khích lệ người lao động phấn đấu, nỗ lực không ngừng, đóng góp vào hiệu quả chung của toàn hệ thống. Trong năm 2017, SMC đã bổ nhiệm mới 2 vị trí – Giám đốc ngành hàng và Giám đốc chức năng tại tổng văn phòng Công ty, và 3 Giám đốc điều hành tại các đơn vị thành viên, căn cứ trên năng lực cá nhân và nhu cầu phát triển của toàn hệ thống, tạo nguồn lực cán bộ quản lý kế thừa cấp cao và cấp trung dồi dào, vững mạnh.

CHIẾN LƯỢC SỬ DỤNG VÀ PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC ĐỂ ĐẢM BẢO THỰC HIỆN MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- Định hướng xuyên suốt quá trình hình thành và phát triển của SMC là phát triển bền vững, trong đó nguồn nhân lực đóng vai trò then chốt. Do đó, Công ty sẽ chú trọng duy trì và nâng cao những chính sách đãi ngộ, phúc lợi, đối với người lao động, cam kết năm sau cao hơn năm trước; khuyến khích người lao động sáng tạo, phấn đấu phát triển năng lực cá nhân bằng việc bố trí công việc phù hợp, cung cấp cơ sở vật chất, điều kiện làm việc tiện nghi, hiện đại; đào tạo và nâng cao trình độ kỹ năng cho tất cả CBCNV; xây dựng cơ chế phân quyền đối với cấp quản lý, đề cao tinh thần trách nhiệm và tạo mọi điều kiện để phát huy tối đa năng lực và sự cống hiến của đội ngũ cán bộ; kiến tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp, cam kết các cơ hội thăng tiến cho người lao động yên tâm làm việc và gắn bó lâu dài với Doanh nghiệp.

3. QUAN HỆ CỔ ĐÔNG VÀ NHÀ ĐẦU TƯ

Năm 2017, SMC tiếp tục đẩy mạnh công tác quan hệ cổ đông và nhà đầu tư, tăng cường tiếp xúc, gặp gỡ, cung cấp, cập nhật thông tin kịp thời về tình hình hoạt động và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp. Các hoạt động công bố thông tin luôn được cập nhật một cách rõ ràng, minh bạch, cung cấp đầy đủ các nội dung liên quan đến hoạt động vận hành, đầu tư tài chính, sản xuất quản trị của SMC để nhà đầu tư, đối tác, khách hàng có thể truy cập, kiểm tra và nắm bắt thông tin kịp thời.

Định kỳ, SMC luôn chủ động công bố thông tin và gặp gỡ cổ đông, nhà đầu tư, các công ty chứng khoán và các đơn vị tài chính tín dụng, cập nhật về hiệu quả và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp theo tháng, quý, năm một cách đầy đủ, cởi mở, và minh bạch, sẵn sàng đối thoại, giải đáp các thắc mắc yêu cầu đối với kết quả hoạt động, kinh doanh và đầu tư của doanh nghiệp.

Với sự năng động và chuyên nghiệp hơn trong công tác quan hệ cổ đông và nhà đầu tư năm 2017, SMC đã tiếp xúc và làm việc với nhiều quý đầu tư, nhiều cổ đông tiềm năng trong và ngoài nước, định hình nhà đầu tư hiểu rõ hơn về hoạt động, thế mạnh, vị thế trong ngành và những thay đổi tích cực của Công ty trong thời gian qua, chào đón nhiều nhà đầu tư trở thành cổ đông mới của doanh nghiệp, trong đó có nhiều nhà đầu tư trở thành cổ đông lớn. Tỷ lệ sở hữu của cổ đông nước ngoài tại SMC cũng tăng đáng kể lên 33,51% trong năm 2017, ghi nhận sự chú ý và sức hút của Công ty đối với các đối tác, cổ đông trong và ngoài nước.

CỔ PHIẾU SMC

Mã chứng khoán	SMC	
Sàn niêm yết cổ phiếu	HSX	
Vốn điều lệ	420.059.610	Đồng
Số cổ phiếu đang niêm yết	42.005.961	Cổ phiếu
Vốn hóa thị trường (theo giá cp ngày 31/12/2017)	1.117.358.562.600	Đồng
Thu nhập bình quân trên mỗi cổ phiếu năm 2017 (EPS)	7.180	Đồng
Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu năm 2017 (BPS)	28.803	Đồng
Biến động giá VN-Index trong năm 2017	+46,46%	
Biến động giá cổ phiếu SMC trong năm 2017	+30,65%	



Biến động giá cổ phiếu SMC so sánh với VN-Index trong năm 2017

EPS

7.180vnd

Biến cố về nhân sự chủ chốt đã làm ảnh hưởng ít nhiều đến giá cổ phiếu SMC trong năm qua, tuy nhiên chỉ trong một thời gian rất ngắn, giá cổ phiếu đã nhanh chóng được ổn định lại, và tăng dần theo năng lực và kết quả thực tế của doanh nghiệp. Với bộ máy được xây dựng vững chắc, các hoạt động kinh doanh có hệ thống và hiệu quả, đội ngũ kế thừa tâm huyết và có năng lực, SMC đã từng bước khẳng định được sự vững vàng của mình trước mọi khó khăn thách thức.

BPS

28.803vnd

Năm 2017, chỉ số VN-Index tăng mạnh lên gần 1.000 điểm, tương ứng tăng 46,46% so với cuối năm 2016, đạt mức cao nhất gần 10 năm trở lại đây. Với thanh khoản được cải thiện mạnh, quy mô giao dịch bình quân duy trì ở mức rất cao, mức vốn hóa của thị trường chứng khoán niêm yết đạt hơn 70% GDP, cao nhất trong lịch sử. Sự bứt phá mạnh mẽ của TTCK Việt Nam trong thời gian qua bắt nguồn từ sự chuyển biến tích cực của nền kinh tế khi Việt Nam nằm trong nhóm các quốc gia tăng trưởng nhanh nhất thế giới, bên cạnh đó phải kể đến vai trò quan trọng của dòng vốn ngoại, đã góp phần tạo đà bứt phá mạnh mẽ cho thị trường. Việc đẩy mạnh cổ phần hóa, thoái vốn các doanh nghiệp nhà nước lớn, và ngày càng có nhiều ngân hàng, doanh nghiệp tư nhân lớn niêm yết đã làm tăng tính hấp dẫn và thu hút dòng tiền lớn từ nhà đầu tư trong và ngoài nước vào TTCK Việt Nam. Năm 2017 cũng đánh dấu mốc quan trọng của ngành chứng khoán với sự ra đời của TTCK phái sinh, góp phần làm phong phú và hoàn thiện mô hình TTCK hiện đại.

Cùng với đà tăng tích cực của thị trường, cổ phiếu SMC nói riêng cũng có một năm giao dịch sôi nổi và thắng lợi, kết thúc năm 2017 tăng gần 31% so với cuối năm trước, tuy không đạt được mức tăng bằng thị trường nhưng cũng là kết quả đáng ghi nhận, so với sự biến động giá của một số cổ phiếu thép khác như HSG (-15%) hay TLH (-3,3%). Biến cố về nhân sự chủ chốt đã làm ảnh hưởng ít nhiều đến giá cổ phiếu SMC trong năm qua, tuy nhiên chỉ trong một thời gian rất ngắn, giá cổ phiếu đã nhanh chóng được ổn định lại, và tăng dần theo năng lực và kết quả thực tế của doanh nghiệp. Với bộ máy được xây dựng vững chắc, các hoạt động kinh doanh có hệ thống và hiệu quả, đội ngũ kế thừa tâm huyết và có năng lực, SMC đã từng bước khẳng định được sự vững vàng của mình trước mọi khó khăn thách thức.

CỔ TỨC

Với kết quả kinh doanh khả quan năm 2017, HĐQT SMC đã thông qua và thực hiện tạm ứng 5% mệnh giá cổ tức bằng tiền mặt cho cổ đông, cụ thể như sau:


- Đợt 1: thực hiện chi trả 5% mệnh giá, tương đương 500 đồng/cp, cổ tức bằng tiền cho cổ đông, thanh toán vào ngày 13/09/2017

HĐQT vừa qua thông qua phiên họp ngày 8/3/2018, thống nhất chi trả thêm 5% mệnh giá cổ tức tiền mặt và 30% cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông, nâng tổng tỷ lệ cổ tức năm 2017 của SMC lên tổng cộng 40% mệnh giá, gồm 10% tiền mặt và 30% cổ phiếu.

- Đợt 2: (1) chi trả bằng tiền 5% mệnh giá, tương đương 500 đồng/cp, và (2) chi trả bằng cổ phiếu 30% mệnh giá, tương đương mỗi cổ đông sở hữu 10 cổ phiếu được nhận thêm 3 cổ phiếu mới, dự kiến sẽ được thực hiện trong tháng 05/2018, ngay sau khi trình ĐHCĐ và được thông qua.

3. QUAN HỆ CỔ ĐÔNG VÀ NHÀ ĐẦU TƯ

Phát hành riêng lẻ
12.487.600
cổ phiếu

42.005.961

29.518.361
cổ phiếu

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Những thay đổi lớn và giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ trong năm:

- Trong năm 2017, SMC phát hành riêng lẻ thành công 12.487.600 cổ phiếu làm thay đổi số lượng cổ phiếu lưu hành và niêm yết tăng từ 29.518.361 cổ phiếu lên 42.005.961 cổ phiếu.
- Các giao dịch của cổ đông nội bộ và người liên quan đã được thực hiện trong năm như sau:

Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng giảm cổ phiếu	
		Cổ phiếu	Tỷ lệ %	Cổ phiếu	Tỷ lệ %	Mua	Bán
Nguyễn Ngọc Anh	Cố CT.HĐQT	5.533.463	13,17	5.933.463	14,13	400.000	0
Nguyễn Thị Ngọc Loan	CT. HĐQT	2.679.099	6,38	6.105.399	14,53	3.426.300	0
Hanwa Co. Ltd	TV. HĐQT	1.476.010	3,51	8.401.210	20,00	6.925.200	0
Võ Hoàng Vũ	TGD	105.667	0,25	356.007	0,85	250.340	0
Nguyễn Ngọc Ý Nhi	TV. HĐQT	1.320	0,00	201.320	0,48	200.000	0
Nguyễn Văn Tiến	Phó TGD	540.499	1,29	458.409	1,09	0	82.090

- Giao dịch cổ phiếu quỹ trong năm: không có
- Các giao dịch, công bố thông tin không theo quy định bị nhắc nhở xử phạt trong năm: không có
- Thông tin cổ đông theo danh sách đăng ký cuối cùng ngày 12/02/2017:

Cơ cấu cổ đông	Cổ đông trong nước		Cổ đông nước ngoài		Tổng cộng	
	Giá trị	%	Giá trị	%	Giá trị	%
Tổng vốn chủ sở hữu	279.316.970	66,49	140.742.640	33,51	420.059.610	100,00
Cổ đông sáng lập (*)	124.972.710	29,75	0	0,00	124.972.710	29,75
Cổ đông sở hữu trên 5%	21.661.080	5,16	108.852.280	25,91	130.513.360	31,07
Cổ đông sở hữu từ 1% đến 5%	71.936.440	17,13	23.808.600	5,67	95.745.040	22,79
Cổ đông sở hữu dưới 1%	60.679.560	14,45	8.081.760	1,92	68.761.320	16,37
Cổ phiếu quỹ	67.180	0,02	0	0,00	67.180	0,02

(*) Cổ đông sáng lập đã bao gồm 02 cổ đông sở hữu trên 5%, 01 cổ đông sở hữu từ 1% đến 5%, và 01 cổ đông sở hữu dưới 1%

TỶ LỆ SỞ HỮU CỦA CỔ ĐÔNG ĐẶC BIỆT

	Tổng số lượng cổ phần sở hữu	Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng	Tổng cộng	Tỷ lệ sở hữu %
Cổ đông đặc biệt	7.724.797	3.426.300	7.724.797	18,39
Hội đồng quản trị	6.415.907	3.426.300	6.415.907	15,27
Ban giám đốc	814.416	0	814.416	1,94
Ban kiểm soát	482.474	0	482.474	1,15
Kế toán trưởng	0	0	0	0,00
Giám đốc tài chính	12.000	0	12.000	0,03
Cổ đông nắm giữ >=5%	9.688.572	0	9.688.572	32,83
Cổ đông nắm giữ >=5%	25.090.198	12.487.600	25.090.198	59,73
Nguyễn Ngọc Anh	5.933.463	0	5.933.463	14,13
Nguyễn Thị Ngọc Loan	6.105.399	3.426.300	6.105.399	14,53
Hanwa Co. Ltd	8.401.210	6.925.200	8.401.210	20,00
Nguyễn Cẩm Hà	2.166.108	2.136.100	2.166.108	5,16
KIM Vietnam Growth Equity Fund	2.484.018	0	2.484.018	5,91
Cổ đông nước ngoài	14.074.264	6.925.200	14.074.264	33,51
Tổ chức	13.500.742	6.925.200	13.500.742	32,14
Cá nhân	573.522	0	573.522	1,37
Cổ phiếu quỹ	6.718	0	6.718	0,02

DANH SÁCH CHI TIẾT CỔ ĐÔNG CHỦ CHỐT

Họ và tên	Chức vụ	Tổng số cổ phiếu sở hữu	Cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng	Tổng cộng	Tỷ lệ %
Nguyễn Thị Ngọc Loan	Chủ tịch HĐQT	6.105.399	3.426.300	6.105.399	14,53
Ma Đức Tú	Thành viên HĐQT	2.400	0	2.400	0,01
Hanwa Co., Ltd	Thành viên HĐQT	8.401.210	6.925.200	8.401.210	20,00
Nguyễn Bình Trọng	Thành viên HĐQT - Phó TGD	106.788	0	106.788	0,36
Nguyễn Ngọc Ý Nhi	Thành viên HĐQT	201.320	0	201.320	0,48
Võ Hoàng Vũ	Tổng Giám Đốc	356.007	0	356.007	0,85
Nguyễn Văn Tiến	Phó TGD	458.409	0	458.409	1,09
Nguyễn Hữu Kinh Luân	BKS	482.474	0	482.474	1,15
Đặng Thị Thu Trang	BKS	0	0	0	0,00
Lê Thị Cẩm Tú	BKS	0	0	0	0,00
Đỗ Doãn Thành Công	KTT	0	0	0	0,00
Trương Tuấn Dũng Hùng	GD Tài chính	12.000	0	12.000	0,03
Tổng cộng		16.126.007	10.351.500	16.126.007	38,50

- Danh sách cổ đông có số cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: xem chi tiết các bảng trên
- Danh sách cổ đông chiến lược bị hạn chế chuyển nhượng: xem chi tiết các bảng trên

3. QUAN HỆ CỔ ĐÔNG VÀ NHÀ ĐẦU TƯ

THÙ LAO, CHI PHÍ CỦA HĐQT VÀ BKS

Trong năm 2017, Công ty đã thực hiện chi trả thù lao cho HĐQT, ban lãnh đạo và BKS cụ thể như sau:

Họ và tên	Chức danh	Thù lao năm (VNĐ)
Nguyễn Ngọc Anh	Cố Chủ Tịch HĐQT	240.000.000
Nguyễn Thị Ngọc Loan	Chủ Tịch HĐQT	200.000.000
Ma Đức Tú	Thành viên HĐQT	160.000.000
Taira Yoshiyuki	Thành viên HĐQT	160.000.000
Nguyễn Bình Trọng	Thành viên HĐQT/PTGD	160.000.000
Nguyễn Ngọc Ý Nhi	Thành viên HĐQT	160.000.000
Võ Hoàng Vũ	Tổng Giám Đốc	180.000.000
Nguyễn Hữu Kinh Luân	Trưởng BKS	120.000.000
Lê Thị Cẩm Tú	Thành viên BKS	100.000.000
Đặng Thị Thu Trang	Thành viên BKS	100.000.000
Hồ Thị Ngọc Tuyết	Thư ký HĐQT	80.000.000
Nguyễn T.K. Hồng Châu	Phó TGD	80.000.000
Nguyễn Văn Tiến	Phó TGD	80.000.000
Trương Tuấn Dũng Hùng	Giám đốc Tài chính	80.000.000
Đỗ Doãn Thành Công	Kế toán trưởng	80.000.000
Tổng thù lao 2017 đã chi		1.980.000.000
Tổng thù lao được ĐHCĐ ngày 21/04/2018 thông qua		4.052.293.611
Tổng thù lao 2017 còn được chi		2.072.293.611

4. HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI CỘNG ĐỒNG VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG



HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI CỘNG ĐỒNG

SMC luôn gắn hoạt động của mình với các hoạt động xã hội như công tác từ thiện, nâng cao chất lượng cuộc sống của cộng đồng, gắn kết với địa phương nơi SMC có văn phòng, nhà máy như ủng hộ đồng bào bị thiên tai, bão lụt, quỹ vì người nghèo quận Bình Thạnh, quỹ xã hội từ thiện Công đoàn Công thương Việt Nam, quỹ khuyến học UBND Phường 25 Q.BT, quỹ Vì người nghèo của Mặt trận Tổ quốc...

BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Các nhà máy gia công chế biến và sản xuất hiện tại của toàn hệ thống đều được đặt trong các KCN quy hoạch hoàn chỉnh dành cho ngành công nghiệp nặng với hệ thống cơ sở hạ tầng đồng bộ, riêng biệt với khu dân cư, không gây ảnh hưởng tác động đến môi trường sống của dân cư xung quanh trong suốt quá trình từ triển khai đầu tư, xây dựng cơ bản cho đến khi hoàn thành đi vào vận hành sản xuất.

Về tiêu hao điện năng, năng lượng – tất cả các dây chuyền gia công sản xuất đều được nhập mới với công nghệ hiện đại theo tiêu chuẩn Châu Âu, vận hành năng suất cao, được bảo trì bảo dưỡng thường xuyên, nên mức tiêu thụ điện năng và nhiên liệu trong suốt quá trình sản xuất gia công đạt hiệu quả khá tốt. Đồng thời, trong quá trình xây dựng nhà xưởng, SMC đã tối đa hóa hệ thống tôn sáng để đảm bảo lấy sáng tự nhiên trong quá trình làm việc, góp phần giảm tiêu hao điện năng tối đa. Toàn hệ thống được vận hành dựa trên công nghệ điều khiển và tự động, với động cơ truyền lực được vận hành bằng công nghệ inverter giúp giảm

tiêu hao năng lượng, nhưng vẫn đảm bảo cho năng suất, tốc độ cao, và chất lượng sản phẩm cao nhất cho khách hàng.

Về tỷ lệ tiêu hao nguyên liệu/phế phẩm – SMC luôn đảm bảo quản lý từ chất lượng đầu vào các nguyên vật liệu cho quá trình gia công sản xuất, cùng hệ thống máy móc hiện đại nhằm giảm thiểu tối đa tỷ lệ hao hụt nguyên vật liệu trong quá trình thực hiện. Hiện nay tỷ lệ phế liệu, phế phẩm của toàn hệ thống ở mức khoảng 0,5%. Các phế liệu chủ yếu từ quá trình gia công sản xuất của SMC là các đầu mẫu dây thép, cuộn thép, hoặc 2 biên của cuộn thép, được tập trung thu gom và bán lại cho các nhà máy nấu phôi thép từ phế liệu.

Về nước và khí thải – SMC áp dụng biện pháp xử lý và xây dựng hoàn chỉnh hệ thống thoát nước và ký hợp đồng xử lý nước thải với các đơn vị chịu trách nhiệm tại các KCN, đảm bảo lượng nước thải ra được xử lý đúng cách và không gây ảnh hưởng đến môi trường. Đối với khí thải, các hoạt động gia công sản xuất của Công ty không phát sinh ra khói và khí thải độc hại, tuy nhiên SMC vẫn tăng cường thoáng gió tự nhiên và tăng cường diện tích cây xanh trong môi trường làm việc cho CBCNV.

Về tiếng ồn và độ rung – chủ yếu phát sinh trong suốt quá trình vận hành máy móc, SMC đã áp dụng các biện pháp để hạn chế tối đa những ảnh hưởng về tiếng ồn và độ rung đến CBCNV làm việc trực tiếp và gián tiếp trong nhà máy như trang bị lớp cao su, lò xo giảm chấn cho máy móc thiết bị gây độ rung, thường xuyên bảo trì bảo dưỡng hệ thống, bố trí máy móc thiết bị trong dây chuyền hợp lý để tránh cộng hưởng tiếng ồn, và trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân làm việc ở những nơi phát sinh tiếng ồn cao.

5. PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

SSMC luôn đặt mục tiêu phát triển bền vững làm trọng tâm cốt lõi trong toàn bộ định hướng hoạt động và xây dựng tổ chức, trong đó tập trung vào việc thực hiện thành công mục tiêu tăng trưởng vững chắc và hoạt động hiệu quả trong dài hạn, kết hợp với thực hiện các mục tiêu xã hội và môi trường, đảm bảo hài hòa lợi ích của các bên liên quan. Từ một doanh nghiệp thương mại thuần túy, SMC đã từng bước phát triển, tái cấu trúc và định hướng mình hoạt động hài hòa theo

3 lĩnh vực chính gồm Thương mại – Gia công – Sản xuất thép, một mặt vừa đảm bảo nâng cao hiệu quả kinh doanh phục vụ cho chiến lược phát triển ổn định bền vững của Công ty trong dài hạn, mặt khác vừa đa dạng hóa cơ cấu danh mục sản phẩm để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng và thị trường. Ba khía cạnh của phát triển bền vững là Kinh tế – Xã hội – Môi trường luôn được đảm bảo hài hòa và cân đối xuyên suốt trong các hoạt động quản trị doanh nghiệp và hoạt động SXKD của toàn hệ thống SMC.

SMC tập trung phát triển cả chiều sâu và chiều rộng, như phát triển thị phần, nâng cao năng suất, vừa khai thác tốt thị trường nội địa, vừa đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu, phát triển thị trường nước ngoài và nhất là đẩy mạnh tham gia sâu hơn, tích cực hơn, và hiệu quả hơn nữa trong lĩnh vực gia công chế biến, sản xuất thép để thực hiện tốt mục tiêu phát triển bền vững và ổn định hiệu quả



TĂNG TRƯỞNG BỀN VỮNG – KIẾN TẠO GIÁ TRỊ

SMC tập trung phát triển cả chiều sâu và chiều rộng, như phát triển thị phần, nâng cao năng suất, vừa khai thác tốt thị trường nội địa, vừa đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu, phát triển thị trường nước ngoài và nhất là đẩy mạnh tham gia sâu hơn, tích cực hơn, và hiệu quả hơn nữa trong lĩnh vực gia công chế biến, sản xuất thép để thực hiện tốt mục tiêu phát triển bền vững và ổn định hiệu quả.

Với định hướng chiến lược tập trung vào giá trị cốt lõi là hoạt động SXKD thép, SMC đã khẳng định được vị thế của mình trên thương trường với những thành quả đáng ghi nhận: là doanh nghiệp thương mại có sản lượng tiêu thụ thép xây dựng lớn nhất Việt Nam, là doanh nghiệp thép nội địa có hệ thống Coil Center lớn nhất Việt Nam, hoàn thiện dần chuỗi sản



xuất khép kín từ nguyên liệu thép cán nóng ra thành phẩm mạ và ống thép. Đối mặt với không ít khó khăn và thử thách trong suốt chặng đường hình thành và phát triển đến nay, đặc biệt là sau cú sốc về kết quả kinh doanh năm 2015 và cú sốc về nhân sự cao cấp năm 2017, SMC vẫn tiếp tục đứng vững, kiên trì đối đầu với thử thách, duy trì HĐKD ổn định và ngày càng khẳng định mình trên thương trường, vững bước trên con đường phát triển bền vững mang lại giá trị và lợi ích lâu dài cho cổ đông và đối tác.

Với trách nhiệm của một doanh nghiệp đối với sự phát triển của cộng đồng và xã hội, vì sự tin tưởng của cổ đông, khách hàng, đối tác, các cơ quan đoàn thể, CBCNV, chúng tôi sẽ quyết tâm tiếp tục thực hiện nghiêm túc các định hướng đúng đắn mà Công ty đã và đang thực hiện trong quãng đường hình thành và phát triển.



1. CÔNG TY CON

Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần / vốn góp của Công ty: Không có

Công ty có trên 50% vốn cổ phần / vốn góp do Công ty nắm giữ gồm:



1. CÔNG TY TNHH THÉP SMC

Trụ sở chính	Đường 1B – KCN Phú Mỹ 1, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu
Vốn điều lệ	120 tỷ đồng
Tỷ lệ SMC sở hữu	100%
Hoạt động chính	Coil Center - Sản xuất, gia công xả băng, cắt tấm các loại thép lá mạ
Sản phẩm	Thép lá cán nguội, thép lá cán nóng đã tây gỉ, thép lá mạ điện, thép lá mạ kẽm, thép lá mạ màu, thép không gỉ, thép hình, lưới thép hàn, cốt thép...

Chỉ tiêu tài chính	Đơn vị tính	2016	2017	Tăng / Giảm %
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	1.442,0	1.713,7	+18,84
Lợi nhuận gộp	Tỷ đồng	106,2	113,0	+6,40
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	67,4	67,1	-0,45
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	56,8	56,7	-0,18
Tổng tài sản	Tỷ đồng	606,8	678,1	+11,75
Nợ phải trả	Tỷ đồng	455,1	479,7	+5,41
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	151,7	198,4	+30,78
LN gộp / Doanh thu thuần	%	7,36	6,59	-0,77
LNST / Doanh thu thuần	%	3,94	3,30	-0,64
LNST / Tổng tài sản (ROA)	%	9,36	8,36	-1,00
LNST / Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	37,44	28,58	-8,86



2. CÔNG TY TNHH CƠ KHÍ THÉP SMC

Trụ sở chính	KCN Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu
Vốn điều lệ	100 tỷ đồng
Tỷ lệ SMC sở hữu	100%
Hoạt động chính	Gia công, xử lý thép cuộn cán nóng, cán ép, tẩy rỉ, sản xuất thép lá mạ kẽm
Sản phẩm	Thép tấm cán nóng, thép tấm cán nóng phi quy cách, thép lá mạ kẽm

Chỉ tiêu tài chính	Đơn vị	2016	2017	Tăng / Giảm %
Chỉ tiêu tài chính	Đơn vị tính	2016	2017	Tăng / Giảm %
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	2.131,5	2.996,8	+40,60
Lợi nhuận gộp	Tỷ đồng	271,7	190,2	-30,00
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	221,2	136,8	-38,16
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	221,2	133,1	-39,83
Tổng tài sản	Tỷ đồng	459,1	676,6	+47,38
Nợ phải trả	Tỷ đồng	458,1	542,5	+18,42
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	0,9	134,1	+148,00
LN gộp / Doanh thu thuần	%	12,75	6,35	-6,40
LNST / Doanh thu thuần	%	10,38	4,44	-5,94
LNST / Tổng tài sản (ROA)	%	48,18	19,67	-28,51
LNST / Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	24.577,78	99,25	-24.478,53

1. CÔNG TY CON



3. CÔNG TY TNHH MTV SMC BÌNH DƯƠNG (THƯƠNG MẠI SMC)

Trụ sở chính	Đường số 5, KCN Đồng An, P. Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương
Vốn điều lệ	50 tỷ đồng
Tỷ lệ SMC sở hữu	100%
Hoạt động chính	Kinh doanh vật liệu xây dựng, phân phối thép cho thị trường phía nam
Sản phẩm	Bê tông cốt thép, sắt thép các loại, thép hình, thép dây, thép gân, thép tấm lá...

Chỉ tiêu tài chính	Đơn vị tính	2016	2017(*)	Tăng / Giảm %
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	845,0	1.790,7	+111,92
Lợi nhuận gộp	Tỷ đồng	18,8	30,9	+64,36
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	0,1	5,3	+5.200,0
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	-0,05	4,2	n/a
Tổng tài sản	Tỷ đồng	236,1	430,6	+82,38
Nợ phải trả	Tỷ đồng	206,1	376,5	+82,68
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	29,9	54,2	+81,27
LN gộp / Doanh thu thuần	Tỷ đồng	2,22	1,73	-0,49
LNST / Doanh thu thuần	%	-0,01	0,23	+0,24
LNST / Tổng tài sản (ROA)	%	-0,02	0,98	+1,00
LNST / Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	-0,17	7,75	+7,92

(*) Số liệu năm 2017 là số liệu hợp nhất giữa SMC Bình Dương và Kinh doanh thép SMC, nên có sự chênh lệch đáng kể so với năm 2016 trước đó ở hầu hết các chỉ tiêu



4. CÔNG TY CỔ PHẦN SMC HÀ NỘI

Trụ sở chính	Lô số 47, KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, Hà Nội
Vốn điều lệ	64,37 tỷ đồng
Tỷ lệ SMC sở hữu	82,11%
Hoạt động chính	Coil Center – sản xuất gia công chế biến thép tấm lá mạ, phân phối thương mại sắt thép các loại cho thị trường miền Bắc
Sản phẩm	Thép xây dựng, thép lá đen, thép lá mạ, inox...

Chỉ tiêu tài chính	Đơn vị tính	2016	2017	Tăng / Giảm %
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	552,7	768,0	+38,95
Lợi nhuận gộp	Tỷ đồng	53,2	60,8	+14,29
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	34,0	37,8	+11,18
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	27,2	30,3	+11,40
Tổng tài sản	Tỷ đồng	230,6	219,8	-4,68
Nợ phải trả	Tỷ đồng	159,6	118,8	-25,56
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	71,1	100,9	+41,91
LN gộp / Doanh thu thuần	%	9,63	7,92	-1,71
LNST / Doanh thu thuần	%	4,92	3,95	-0,97
LNST / Tổng tài sản (ROA)	%	11,79	13,79	+2,00
LNST / Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	38,26	30,03	-8,23

1. CÔNG TY CON



5. CÔNG TY TNHH MTV SMC TÂN TẠO

Trụ sở chính	Lô 33, đường Trung Tâm, KCN Tân Tạo, P. Tân Tạo A, Q. Bình Tân, TPHCM
Vốn điều lệ	80 tỷ đồng
Tỷ lệ SMC sở hữu	100%
Hoạt động chính	Coil Center – thương mại, sản xuất, gia công chế biến thép tấm các loại
Sản phẩm	Thép tấm, thép cuộn cán nóng, thép cuộn cán nóng phi quy cách (secondary), thép cường độ chịu lực cao...

Chỉ tiêu tài chính	Đơn vị tính	2016	2017	Tăng / Giảm %
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	1.750,0	2.737,1	+56,41
Lợi nhuận gộp	Tỷ đồng	77,8	80,7	+3,73
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	40,8	38,9	-4,66
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	32,4	31,1	-4,01
Tổng tài sản	Tỷ đồng	588,8	812,0	+37,91
Nợ phải trả	Tỷ đồng	476,4	716,5	+50,40
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	112,4	95,5	-15,04
LN gộp / Doanh thu thuần	%	4,45	2,95	-1,50
LNST / Doanh thu thuần	%	1,85	1,14	-0,71
LNST / Tổng tài sản (ROA)	%	5,50	3,83	-1,67
LNST / Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	28,82	32,57	+3,75

2. CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT



1. CÔNG TY LIÊN DOANH SMC – SUMMIT

Trụ sở chính	Đường 1B – KCN Phú Mỹ 1, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu
Văn phòng đại diện	396 Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TPHCM
Vốn điều lệ	4.000.000 USD (83,286 tỷ đồng)
Tỷ lệ SMC sở hữu	50%
Hoạt động chính	Kinh doanh phân phối các sản phẩm sắt thép đặc biệt, chất lượng cao
Sản phẩm	Thép coupler, thép dập uốn theo khuôn hình...

Chỉ tiêu tài chính	Đơn vị tính	2016	2017	Tăng / Giảm %
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	951,1	1.487,9	+56,44
Lợi nhuận gộp	Tỷ đồng	39,4	33,0	-16,24
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	15,2	9,0	-40,79
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	13,8	8,3	-39,86
Tổng tài sản	Tỷ đồng	284,8	420,0	+47,47
Nợ phải trả	Tỷ đồng	172,2	299,1	+73,69
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	112,6	120,9	+7,37
LN gộp / Doanh thu thuần	%	4,14	2,22	-1,92
LNST / Doanh thu thuần	%	1,45	0,56	-0,89
LNST / Tổng tài sản (ROA)	%	4,85	1,98	-2,87
LNST / Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	12,26	6,87	-5,39

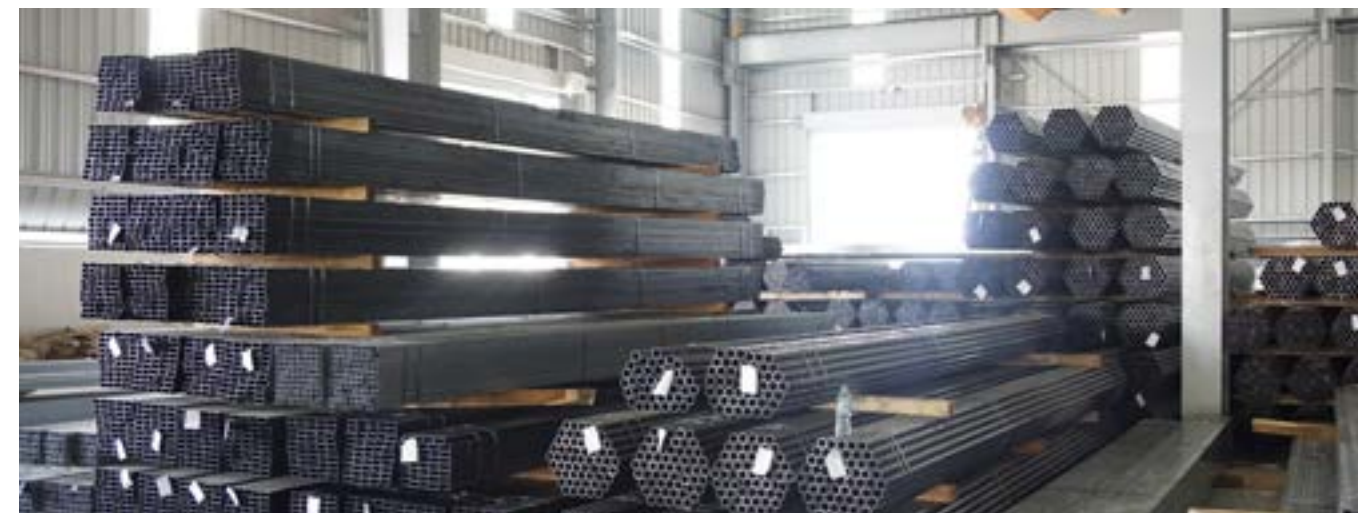
2. CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT



2. CÔNG TY TNHH LIÊN DOANH SMC – TOAMI

Trụ sở chính	Đường 1B – KCN Phú Mỹ 1, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu
Văn phòng đại diện	396 Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TPHCM
Vốn điều lệ	3.000.000 USD (65,22 tỷ đồng)
Tỷ lệ SMC sở hữu	25%
Hoạt động chính	Sản xuất và gia công các sản phẩm Lưới thép hàn
Sản phẩm	Lưới thép hàn

Chỉ tiêu tài chính	Đơn vị tính	2016	2017	Tăng / Giảm %
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	80,8	110,7	+37,00
Lợi nhuận gộp	Tỷ đồng	2,5	4,4	+76,00
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	-9,8	-6,9	+29,59
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	-9,8	-6,9	+29,59
Tổng tài sản	Tỷ đồng	129,8	124,2	-4,31
Nợ phải trả	Tỷ đồng	73,4	74,7	+1,77
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	56,4	49,4	-12,41
LN gộp / Doanh thu thuần	%	3,09	3,97	+0,94
LNST / Doanh thu thuần	%	-12,13	-6,23	+5,90
LNST / Tổng tài sản (ROA)	%	-7,55	-5,55	+2,00
LNST / Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	-17,38	-13,97	+3,41



3. CÔNG TY TNHH LIÊN DOANH ỐNG THÉP SENDO

Trụ sở chính	Đường 1B – KCN Phú Mỹ 1, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu
Văn phòng đại diện	396 Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TPHCM
Vốn điều lệ	8.000.000 USD (~176,2 tỷ đồng)
Tỷ lệ SMC sở hữu	75%
Hoạt động chính	Sản xuất và gia công sản phẩm ống thép
Sản phẩm	Ống thép đen và ống thép mạ kẽm các loại

Chỉ tiêu tài chính	Đơn vị tính	2016	2017	Tăng/Giảm %
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	852,4	1.677,5	+96,80
Lợi nhuận gộp	Tỷ đồng	32,7	36,9	+12,84
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	11,6	10,4	-10,34
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	11,6	10,4	-10,34
Tổng tài sản	Tỷ đồng	496,2	470,2	-5,24
Nợ phải trả	Tỷ đồng	311,2	274,7	-11,73
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	185,0	195,4	+5,62
LN gộp / Doanh thu thuần	%	3,84	2,20	-1,64
LNST / Doanh thu thuần	%	1,36	0,62	-0,74
LNST / Tổng tài sản (ROA)	%	2,34	2,21	-0,13
LNST / Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	6,27	5,32	-0,95



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC VÀ CÁC CÔNG TY CON

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

1. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	79
2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	82
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	84
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	87
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	88
6. BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	90

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Hội đồng Quản trị trân trọng đề trình báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY:

Thành lập:

Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC ("Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002772 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18/10/2004 và đăng ký thay đổi đến lần thứ 13 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303522206 ngày 14/7/2017.

Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu là SMC kể từ ngày 30 tháng 10 năm 2006 theo Giấy phép niêm yết số 62/UBCK-GPNY do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29 tháng 9 năm 2006.

Hình thức sở hữu vốn: Công ty cổ phần.

Tên tiếng anh: SMC Trading Investment Joint Stock Company. Tên viết tắt: SMC J.S.C.

Mã chứng khoán: SMC

Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ - Xây dựng.

Trụ sở chính: 396 Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. THÔNG TIN VỀ CÁC CÔNG TY CON:

Đến ngày 31/12/2017, Công ty có bảy (07) công ty con như sau:

Công ty TNHH Thép SMC được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3500801878 ngày 25 tháng 6 năm 2007 và đăng ký thay đổi lần thứ tư (04) ngày 21 tháng 11 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp. Vốn điều lệ là 120.000.000.000 VND. Trong đó tỷ lệ góp vốn của Công ty là 100%. Đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty đã góp 120.000.000.000 VND đạt tỷ lệ 100% tổng vốn điều lệ thực góp tại Công ty TNHH Thép SMC.

Trụ sở hoạt động: Đường 1B, Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Công ty TNHH MTV SMC Bình Dương được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3701117241 ngày 10 tháng 11 năm 2008 và đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 19 tháng 12 năm 2017 về việc sáp nhập từ Công ty TNHH MTV Kinh doanh thép SMC do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp. Vốn điều lệ là 50.000.000.000 VND. Trong đó tỷ lệ góp vốn của Công ty là 100%. Đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty đã góp 50.000.000.000 VND đạt tỷ lệ 100% tổng vốn điều lệ thực góp tại Công ty TNHH MTV SMC Bình Dương.

Trụ sở hoạt động: Đường số 5, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Công ty TNHH MTV Cơ khí Thép SMC được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3500974084 ngày 26 tháng 11 năm 2008 và đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 12 tháng 01 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp. Vốn điều lệ của Công ty là 100.000.000.000 VND. Trong đó tỷ lệ góp vốn của Công ty là 100%. Đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty đã góp 100.000.000.000 VND đạt tỷ lệ 100% tổng vốn điều lệ thực góp tại Công ty TNHH MTV Cơ khí Thép SMC.

Trụ sở hoạt động: Khu công nghiệp Phú Mỹ I, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

2. THÔNG TIN VỀ CÁC CÔNG TY CON (tiếp theo)

Công ty TNHH MTV SMC Hiệp Phước được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4104010805 ngày 03 tháng 7 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp. Vốn điều lệ của Công ty là 30.000.000.000 VND. Trong đó tỷ lệ góp vốn của Công ty là 100%. Đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty đã góp 30.000.000.000 VND đạt tỷ lệ 100% tổng vốn điều lệ thực góp tại Công ty TNHH MTV SMC Hiệp Phước.

Trụ sở hoạt động: Lô C5A Khu C, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Huyện Nhà Bè, Tp Hồ Chí Minh.

Công ty TNHH MTV SMC Tân Tạo được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0312090619 ngày 18 tháng 12 năm 2012 và đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 10/08/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp. Vốn điều lệ là 80.000.000.000 VND. Trong đó tỷ lệ góp vốn của Công ty là 100%. Đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty đã góp 80.000.000.000 VND đạt tỷ lệ 100% tổng vốn điều lệ thực góp tại Công ty TNHH MTV SMC Tân Tạo.

Trụ sở hoạt động: Lô 33 đường Trung Tâm, KCN Tân Tạo, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh.

Công ty Cổ phần SMC Hà Nội hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 0101095255 thay đổi lần 11 ngày 15 tháng 01 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Vốn điều lệ là 64.369.800.000 VND. Trong đó tỷ lệ góp vốn của Công ty là 88,07%. Đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty đã góp 56.690.700.000 VND đạt tỷ lệ 88,07% tổng vốn điều lệ thực góp tại Công ty Cổ phần SMC Hà Nội.

Trụ sở hoạt động: Lô số 47, KCN Quang Minh, TT Quang Minh, huyện Mê Linh, Tp. Hà Nội.

Công ty TNHH Liên doanh Ống thép Sendo được thành lập theo Giấy chứng nhận đầu tư số 492022000274 cấp lần đầu ngày 27/4/2015 được thay đổi lần thứ nhất ngày 02/6/2015 do Ban quản lý các Khu Công nghiệp Bà Rịa - Vũng Tàu cấp và đăng ký thay đổi lần thứ 04 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3502280821 ngày 07/11/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp. Vốn điều lệ là 176.201.485.313 VND. Trong đó tỷ lệ góp vốn của Công ty là 75%. Đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty đã góp 132.201.485.313 VND đạt tỷ lệ 75% tổng vốn điều lệ thực góp tại Công ty TNHH Liên doanh Ống thép Sendo.

Trụ sở hoạt động: Đường 1A, Khu Công Nghiệp Phú Mỹ I, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

3. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong năm của Tập đoàn được trình bày trong các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

4. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG:

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất gồm có:

Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức vụ	
Ông Nguyễn Ngọc Anh	Chủ tịch HĐQT	Miễn nhiệm ngày 10/7/2017
Bà Nguyễn Thị Ngọc Loan	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 11/7/2017
	Phó Chủ tịch HĐQT	Miễn nhiệm ngày 10/7/2017
Ông Ma Đức Tú	Thành viên	
Ông Võ Hoàng Vũ	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 12/7/2017
Ông Nguyễn Bình Trọng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 11/7/2017
Bà Nguyễn Ngọc Ý Nhi	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 11/7/2017
Ông Taira Yoshiyuki	Thành viên	

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Hữu Kinh Luân	Trưởng Ban kiểm soát
Bà Đặng Thị Thu Trang	Thành viên
Bà Lê Thị Cẩm Tú	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	
Ông Nguyễn Ngọc Anh	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 10/7/2017
Ông Võ Hoàng Vũ	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 12/7/2017
	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 12/7/2017
Bà Nguyễn Thị Ngọc Loan	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 10/7/2017
Ông Nguyễn Bình Trọng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Văn Tiến	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Nguyễn Thị Kim Hồng Châu	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Đỗ Doãn Thành Công	Kế toán trưởng	

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Người đại diện theo pháp luật của Tập đoàn trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

Họ và tên	Chức vụ	
Ông Nguyễn Ngọc Anh	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	Thôi đại diện theo pháp luật từ ngày 10/7/2017
Bà Nguyễn Thị Ngọc Loan	Chủ tịch HĐQT	Đại diện theo pháp luật từ ngày 14/7/2017

5. KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Tp. HCM ("AISC") được chỉ định là kiểm toán viên cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

6. CAM KẾT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính hợp nhất thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh cho các Báo cáo tài chính hợp nhất. Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Tập đoàn và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

7. XÁC NHẬN

Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc, chúng tôi xác nhận rằng các Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các Thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

Tp. HCM, ngày 05 tháng 3 năm 2018

Thay mặt Hội đồng Quản trị



Nguyễn Thị Ngọc Loan
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Số: A0417115-HN/AISC-DN5

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI SMC VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC (“Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), được lập ngày 05 tháng 3 năm 2018, từ trang 07 đến trang 52, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

TRÁCH NHIỆM CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại SMC và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hợp nhất này tại ngày 03 tháng 3 năm 2017.

Tp. HCM, ngày 05 tháng 3 năm 2018
TỔNG GIÁM ĐỐC



PHẠM VĂN VINH
Số Giấy CNĐKHNKT: 0112-2018-005-1
Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

KIỂM TOÁN VIÊN



LÊ HÙNG DŨNG
Số Giấy CNĐKHNKT: 3174-2015-05-1
Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
A. Tài sản ngắn hạn	100		4.026.268.129.011	3.952.018.830.699
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	398.426.274.862	94.868.546.120
1. Tiền	111		298.610.871.687	79.868.546.120
2. Các khoản tương đương tiền	112		99.815.403.175	15.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	83.300.089.528	778.945.441.677
1. Chứng khoán kinh doanh	121		632.908.200	7.147.698.766
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(454.624.200)	(4.302.257.089)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		83.121.805.528	776.100.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.658.861.366.880	1.321.468.035.778
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	1.422.551.500.755	1.089.440.430.482
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	180.342.797.116	208.906.016.359
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	58.457.318.810	28.376.781.713
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.3	(2.490.249.801)	(5.255.192.776)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		148.702.108.786	134.429.192.832
IV. Hàng tồn kho	140	V.8	1.671.880.236.536	1.437.003.319.778
1. Hàng tồn kho	141		1.680.388.611.751	1.443.344.841.966
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(8.508.375.215)	(6.341.522.188)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		213.800.161.205	148.702.108.786
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.14	1.274.940.902	1.070.327.267
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		205.423.254.736	100.955.815.123
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.18b	7.101.965.567	46.675.966.396
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		698.700.750.272	
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		3.419.130.880	5.012.813.390
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.3	87.734.474.987	100.880.598.980
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212	V.4	459.346.506	475.214.245
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số đầu năm	Số đầu năm
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.5	1.400.000.000	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6	2.184.032.967	5.177.715.477
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	V3,4,6	(88.358.723.580)	(101.520.715.312)
II. Tài sản cố định	220		673.911.483.308	476.473.758.968
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	528.313.784.869	409.359.940.906
- Nguyên giá	222		862.922.163.938	664.451.802.466
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(334.608.379.069)	(255.091.861.560)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10	5.920.896.532	27.878.026.146
- Nguyên giá	225		17.428.781.620	56.344.184.529
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(11.507.885.088)	(28.466.158.383)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	139.676.801.907	39.235.791.916
- Nguyên giá	228		143.043.909.108	41.438.979.341
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.367.107.201)	(2.203.187.425)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.12	9.020.303.699	-
- Nguyên giá	231		9.080.842.650	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(60.538.951)	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		46.239.202.455	26.443.187.732
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.13	46.239.202.455	26.443.187.732
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	203.299.923.822	99.090.639.790
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		72.791.423.822	70.393.593.790
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		111.699.960.344	70.221.110.869
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(27.191.460.344)	(46.524.064.869)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		46.000.000.000	5.000.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		92.559.013.740	91.680.350.392
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	77.678.451.216	74.640.810.796
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.15	14.880.562.524	17.039.539.596
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		5.054.717.186.915	4.650.719.580.971

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		3.844.847.550.791	3.899.762.720.203
I. Nợ ngắn hạn	310		3.766.546.123.914	3.810.291.616.225
1. Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	V.16	1.628.527.837.579	1.007.169.909.092
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.17	63.471.606.880	62.881.335.815
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.18a	11.945.753.182	30.361.603.523
4. Phải trả người lao động	314		27.341.404.818	15.188.533.664
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.19	4.899.301.099	13.638.585.637
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.22	51.931.277.690	42.533.288.000
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.20	129.837.422.946	15.110.478.277
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.21	1.847.181.997.541	2.626.800.593.384
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.409.522.179	(3.392.711.167)
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		78.301.426.877	89.471.103.978
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.22	2.934.690.488	3.835.149.899
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.21	74.563.283.658	85.635.954.079
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		803.452.731	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tt)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số đầu năm	Số đầu năm
D VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.209.869.636.124	750.956.860.768
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.23	1.209.869.636.124	750.956.860.768
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		420.059.610.000	295.183.610.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		420.059.610.000	295.183.610.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		253.182.567.160	153.531.767.160
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		27.705.700.000	5.373.000.000
5. Cổ phiếu quỹ	415		(142.489.800)	(142.489.800)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		158.382.834.356	97.827.815.090
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		289.833.652.774	144.498.511.380
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		40.680.366.845	(184.729.259.122)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		249.153.285.929	329.227.770.502
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		60.847.761.634	54.684.646.938
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		5.054.717.186.915	4.650.719.580.971

Tp. HCM, ngày 05 tháng 3 năm 2018

NGUYỄN THANH HÀ
Người lập biểu

ĐỖ DOÃN THÀNH CÔNG
Kế toán trưởng



VÕ HOÀNG VŨ
Tổng Giám Đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		12.664.842.894.271	9.446.841.233.709
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		10.903.361.149	5.889.078.904
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	12.653.939.533.122	9.440.952.154.805
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	11.952.938.337.099	8.716.645.064.132
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		701.001.196.023	724.307.090.673
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	59.683.196.168	64.640.430.280
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	102.722.078.128	103.384.812.932
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		106.910.007.200	89.899.886.959
8. Phần lãi (/hoặc lỗ) trong công ty liên doanh, liên kết	24		2.397.830.032	4.430.496.950
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5a	233.732.179.793	177.751.901.261
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5b	91.987.068.154	119.856.620.326
11 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26))	30		334.640.896.148	392.384.683.384
12. Thu nhập khác	31	VI.6	8.142.881.324	11.775.448.113
13. Chi phí khác	32	VI.7	8.776.476.006	2.325.339.156
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(633.594.682)	9.450.108.957
15 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		334.007.301.466	401.834.792.341
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	54.680.228.127	34.579.128.179
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		2.962.429.803	(1.216.920.393)
18 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		276.364.643.536	368.472.584.555
Cổ đông của Công ty mẹ	61		270.152.907.429	362.306.917.961
Cổ đông không kiểm soát	62		6.211.736.107	6.165.666.594
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	7.180	12.254
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	7.180	9.300

Tp. HCM, ngày 05 tháng 3 năm 2018

NGUYỄN THANH HÀ
Người lập biểu

ĐỖ DOÃN THÀNH CÔNG
Kế toán trưởng



VÕ HOÀNG VŨ
Tổng Giám Đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

(Theo phương pháp gián tiếp)

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		334.007.301.466	401.834.792.341
2. Điều chỉnh cho các khoản :				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9-V12	67.286.796.559	56.458.355.056
- Các khoản dự phòng	03		(36.940.319.094)	18.991.269.877
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(1.051.391.078)	7.861.984.117
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(44.019.669.784)	(61.595.230.495)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	106.910.007.200	89.899.886.959
- Các khoản điều chỉnh khác	07			
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		426.192.725.269	513.451.057.856
- Tăng (-), giảm (+) các khoản phải thu	09		(145.275.120.055)	(547.660.665.864)
- Tăng (-), giảm (+) hàng tồn kho	10		(237.043.769.785)	(945.786.452.349)
- Tăng (+), giảm (-) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		715.303.022.615	420.239.555.989
- Tăng (-), giảm (+) chi phí trả trước	12		(3.242.254.055)	492.394.466
- Tăng (-), giảm (+) chứng khoán kinh doanh	13		6.514.790.566	413.731.856
- Tiền lãi vay đã trả	14		(55.761.178.609)	(88.348.002.300)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(77.185.599.248)	(10.956.628.588)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(991.469.000)	(1.391.358.875)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		628.511.147.698	(659.546.367.810)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(300.620.504.192)	(67.060.753.508)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		40.909.091	869.978.058
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(546.948.573.138)	(924.198.916.667)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		968.730.250.773	1.225.201.083.333
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(48.600.000.000)	(269.571.116.439)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		7.121.150.525	-
7. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		44.964.750.766	61.407.222.193
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		124.687.983.825	26.647.496.970

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

(Theo phương pháp gián tiếp)
Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	224.776.800.000	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	11.467.524.181.319	9.908.262.908.993
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(9.081.587.859.727)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(4.881.810.495)	(9.161.322.304)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(50.511.264.500)	(14.755.821.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(621.307.541.259)	802.757.905.463
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+ 30 + 40)	50	131.891.590.264	169.859.034.622
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	265.899.924.680	94.868.546.120
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	634.759.918	1.172.343.938
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	398.426.274.862	265.899.924.680

Tp. HCM, ngày 05 tháng 3 năm 2018

NGUYỄN THANH HÀ
Người lập biểu

ĐỖ DOÃN THÀNH CÔNG
Kế toán trưởng



VÕ HOÀNG VŨ
Tổng Giám Đốc

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Thành lập

Hình thức sở hữu vốn: Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC (“Công ty”) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002772 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18/10/2004 và đăng ký thay đổi đến lần thứ 13 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303522206 ngày 14/7/2017.

Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu là SMC kể từ ngày 30 tháng 10 năm 2006 theo Giấy phép niêm yết số 62/UBCK-GPNY do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29 tháng 9 năm 2006.

Trụ sở chính: 396 Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ - Xây dựng.

3. Ngành nghề kinh doanh

Sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu sắt thép, hàng kim khí, vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất, thiết bị xây lắp, thiết bị cơ khí, khung kho nhà xưởng bằng cấu kiện nhôm, thép, inox (không sản xuất tại trụ sở). Xây dựng, lắp đặt công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi. Sửa chữa nhà ở, trang trí nội thất. Lập dự án đầu tư xây dựng. Kinh doanh nhà. Mua bán hàng kim khí điện máy, thực phẩm. Dịch vụ giao nhận, kho vận hàng hoá nội địa và xuất khẩu.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Công ty kéo dài trong vòng 12 tháng theo năm tài chính thông thường bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất: Không có.

6. Tổng số nhân viên đến ngày 31 tháng 12 năm 2017: 650 nhân viên. (Ngày 31 tháng 12 năm 2016: 614 nhân viên)

7. Cấu trúc Tập đoàn

7.1. Tổng số các Công ty con: Số lượng các Công ty con được hợp nhất: bảy (07) công ty con

7.2. Danh sách các công ty con được hợp nhất:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tập đoàn có bảy (07) công ty con sở hữu trực tiếp như sau:

Tên Công ty và địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Thép SMC	Sản xuất, thương mại, và dịch vụ	100,00%	100,00%	100,00%
Trụ sở hoạt động: Đường 1B, Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.				
Công ty TNHH MTV SMC Bình Dương	Sản xuất, thương mại, dịch vụ và xây dựng	100,00%	100,00%	100,00%
Trụ sở hoạt động: Đường số 5, khu công nghiệp Đồng An, phường Bình Hòa, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương				
Công ty TNHH MTV Cơ Khí Thép SMC	Đường 1B, KCN Phú Mỹ 1, Bà Rịa - Vũng Tàu	100,00%	100,00%	100,00%
Trụ sở hoạt động: Khu công nghiệp Phú Mỹ I, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu				
Công ty TNHH MTV SMC Hiệp Phước	Sản xuất, thương mại, dịch vụ và xây dựng	100,00%	100,00%	100,00%
Trụ sở hoạt động: Lô C5A Khu C, Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Huyện Nhà Bè, Tp Hồ Chí Minh.				
Công ty TNHH MTV SMC Tân Tạo	Thương mại, dịch vụ và xây dựng	100,00%	100,00%	100,00%
Trụ sở hoạt động: Lô 33 đường Trung Tâm, KCN Tân Tạo, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh.				
Công ty CP SMC Hà Nội	Sản xuất, thương mại và dịch vụ	88,07%	88,07%	88,07%
Trụ sở hoạt động: Lô số 47, KCN Quang Minh, TT Quang Minh, huyện Mê Linh, Tp. Hà Nội.				
Công ty TNHH Liên Doanh Ống Thép SENDO	Sản xuất, thương mại và dịch vụ	75%	75%	75%
Trụ sở hoạt động: Đường 1A, Khu Công Nghiệp Phú Mỹ I, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.				

7.2. Danh sách các công ty con được hợp nhất:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tập đoàn có bảy (07) công ty con sở hữu trực tiếp như sau:

Tên Công ty và địa chỉ	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH SMC - SUMMIT	50,00%	50,00%	50,00%
Công ty TNHH SMC TOAMI	25%	25%	25%

8. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất:

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất được thực hiện theo nguyên tắc có thể so sánh được giữa các kỳ kế toán tương ứng.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC được Bộ Tài chính Việt Nam ban hành ngày 22/12/2014 và các thông tư sửa đổi, bổ sung.

Tập đoàn áp dụng Thông tư 202/2014/TT-BTC ("Thông tư 202") được Bộ Tài chính Việt Nam ban hành ngày 22/12/2014 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính hợp nhất đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả kinh doanh hợp nhất và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo Cáo Tài Chính".

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại SMC và các Công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Các Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tập đoàn thực sự nắm quyền kiểm soát các Công ty con, và chấm dứt vào ngày Tập đoàn thực sự chấm dứt quyền kiểm soát các Công ty con.

Các báo cáo tài chính của các Công ty con được lập cùng kỳ kế toán với Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại SMC theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại SMC. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các Công ty con và Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại SMC.

Tất cả các số dư giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn và các khoản doanh thu, thu nhập, chi phí phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ Tập đoàn, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ Tập đoàn đang nằm trong giá trị tài sản được loại trừ hoàn toàn.

Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đang phản ánh trong giá trị tài sản cũng được loại bỏ trừ khi chi phí gây ra khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của các Công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn, được trình bày riêng biệt trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của Tập đoàn trong phần Vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Lợi thế thương mại phát sinh từ giao dịch mua Công ty con là chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư và giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua. Lợi thế thương mại được phân bổ dần đều trong thời gian hữu ích được ước tính tối đa không quá 10 năm. Định kỳ, Tập đoàn đánh giá lại tổn thất lợi thế thương mại, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Công ty thực hiện quy đổi đồng ngoại tệ ra đồng Việt Nam căn cứ vào tỷ giá giao dịch thực tế.

Nguyên tắc xác định tỷ giá giao dịch thực tế

Tất cả các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong năm (mua bán ngoại tệ, góp vốn hoặc nhận vốn góp, ghi nhận nợ phải thu, các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ) được hạch toán theo tỷ giá thực tế tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ (tiền, tương đương tiền, các khoản phải thu và phải trả, ngoại trừ các khoản mục khoản trả trước cho người bán, người mua trả tiền trước, chi phí trả trước, các khoản đặt cọc và các khoản doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: áp dụng theo tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam. Tỷ giá mua quy đổi tại ngày 31/12/2017: 22.670 VND/USD.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: áp dụng theo tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam. Tỷ giá bán quy đổi tại ngày 31/12/2017: 22.740 VND/USD.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Nguyên tắc kế toán đối với chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh bao gồm cổ phiếu nắm giữ vì mục đích kinh doanh (kể cả chứng khoán có thời gian đáo hạn trên 12 tháng mua vào, bán ra để kiếm lời).

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0);
- Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập đối với phần giá trị bị tổn thất có thể xảy ra khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy giá trị thị trường của các loại chứng khoán Tập đoàn đang nắm giữ vì mục đích kinh doanh bị giảm so với giá trị ghi sổ. Việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của chứng khoán kinh doanh tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Nguyên tắc kế toán đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, các khoản đầu tư này được đánh giá theo giá trị có thể thu hồi. Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và ghi giảm giá trị đầu tư.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận khi Tập đoàn nắm giữ từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của các công ty được đầu tư, có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không nắm quyền kiểm soát trong các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động tại các công ty này. Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trên báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, các khoản vốn góp ban đầu được ghi nhận theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của bên góp vốn trong tài sản thuần của Công ty liên kết sau khi mua. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty liên kết sau khi mua thành một chỉ tiêu riêng biệt.

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào Công ty liên kết được trình bày gộp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà thực hiện đánh giá hàng năm xem lợi thế thương mại có bị suy giảm hay không.

Báo cáo tài chính của Công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được thực hiện để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là khoản Tập đoàn đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Khoản đầu tư mà Công ty nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư, việc lập dự phòng tổn thất được thực hiện như sau:

+ Khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.

+ Khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư. Căn cứ để trích lập dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác là báo cáo tài chính hợp nhất của công ty được đầu tư (nếu công ty này là công ty mẹ), là báo cáo tài chính của công ty được đầu tư (nếu công ty này là doanh nghiệp độc lập không có công ty con).

Phương pháp kế toán đối với khoản cổ tức được chia bằng cổ phiếu

Đối với khoản cổ tức được chia bằng cổ phiếu, Công ty chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu được nhận trên thuyết minh Báo cáo tài chính, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc tài sản phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư không phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính mà ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc tài sản phi tiền tệ cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu: theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải thu.

Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi: dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi đã quá hạn thanh toán, chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán vì lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn...

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc (-) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm giá mua, chi phí vận chuyển và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa theo chi phí nguyên vật liệu chính và các chi phí chung có liên quan phát sinh.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho:

- Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ: theo giá bình quân gia quyền.

- Thành phẩm, hàng hóa: theo giá thực tế đích danh.

Hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

7. Nguyên tắc ghi nhận và các khấu hao TSCĐ

7.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình:

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong năm.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình mua sắm

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, như chi phí lắp đặt, chạy thử, chuyên gia và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng theo phương thức giao thầu, nguyên giá là giá quyết toán công trình đầu tư xây dựng, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ (nếu có).

Tài sản cố định là nhà cửa, vật kiến trúc gắn liền với quyền sử dụng đất thì giá trị quyền sử dụng đất được xác định riêng biệt và ghi nhận là tài sản cố định vô hình.

7.2 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ vô hình:

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất là số tiền trả khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp từ người khác, chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,...

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

7.3 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ thuê tài chính:

Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cộng với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính. Tất cả các khoản thuê khác không phải là thuê tài chính đều được xem là thuê hoạt động.

7.4 Phương pháp khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:

Nhà xưởng, vật kiến trúc	10 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	03 - 05 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 08 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm

Quyền sử dụng đất vô thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không tính khấu hao.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang:

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để mua sắm mới tài sản cố định, xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình.

Chi phí này được kết chuyển ghi tăng tài sản khi công trình hoàn thành, việc nghiệm thu tổng thể đã thực hiện xong, tài sản được bàn giao và đưa vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

9. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư:

Nguyên tắc ghi nhận Bất động sản đầu tư: được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư: Là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành bất động sản đầu tư đó.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như: phí dịch vụ tư vấn về pháp luật liên quan, thuế trước bạ, các chi phí liên quan khác.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư tự xây dựng là giá thành thực tế và các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư tính đến ngày hoàn thành công việc.

Chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá bất động sản đầu tư.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xoá sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Phương pháp khấu hao Bất động sản đầu tư: khấu hao được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư đó.

Công ty không trích khấu hao đối với Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy Bất động sản đầu tư bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì Công ty đánh giá giảm nguyên giá Bất động sản đầu tư và ghi nhận khoản tổn thất vào giá vốn hàng bán. Khi Bất động sản đầu tư tăng trở lại thì Công ty thực hiện hoàn nhập tối đa bằng số đã ghi giảm trước đây.

Thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản đầu tư như sau:

Nhà cửa vật kiến trúc	48 năm
-----------------------	--------

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Chi phí trả trước tại Công ty bao gồm chi phí bảo hiểm chờ phân bổ, chi phí công cụ dụng cụ, chi phí mở L/C, chi phí thuê đất đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ theo phương pháp đường thẳng. Căn cứ vào tính chất và mức độ từng loại chi phí mà có thời gian phân bổ như sau: chi phí trả trước ngắn hạn phân bổ trong vòng 12 tháng; chi phí trả trước dài hạn phân bổ từ 12 tháng đến 60 tháng.

11. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo nguyên giá và không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Công ty thực hiện phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải trả.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả (bao gồm việc đánh giá lại nợ phải trả thỏa mãn định nghĩa các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tập đoàn. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Tập đoàn ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra theo nguyên tắc thận trọng.

12. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ thuê tài chính

Giá trị các khoản vay được ghi nhận là tổng số tiền đi vay của các ngân hàng, tổ chức, công ty tài chính và các đối tượng khác (không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai).

Các khoản nợ thuê tài chính được ghi nhận là tổng số tiền phải trả tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng khối ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ.

13. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay:

Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay: lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

của doanh nghiệp được ghi nhận như khoản chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này phát sinh từ các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ điều kiện quy định tại chuẩn mực kế toán số 16 “Chi phí đi vay”.

14. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:

Chi phí phải trả bao gồm chi phí lãi tiền vay; chi phí chiết khấu thương mại... đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả. Các chi phí này được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả theo các hợp đồng, thỏa thuận.

15. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là doanh thu sẽ được ghi nhận tương ứng với phần nghĩa vụ mà Công ty sẽ phải thực hiện trong một hoặc nhiều kỳ kế toán tiếp theo.

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán trong trường hợp Công ty đã giao hàng hóa cho người mua và người mua chấp nhận thanh toán.

Phương pháp phân bổ doanh thu chưa thực hiện theo nguyên tắc phù hợp với phần nghĩa vụ mà Công ty sẽ phải thực hiện trong một hoặc nhiều kỳ kế toán tiếp theo.

16. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được hình thành từ số tiền đã góp vốn ban đầu, góp bổ sung của các cổ đông. Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của Tập đoàn.

Nguyên tắc ghi nhận thặng dư vốn cổ phần: Phản ánh khoản chênh lệch tăng giữa giá phát hành cổ phiếu so với mệnh giá khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung cổ phiếu và chênh lệch tăng, giảm giữa số tiền thực tế thu được so với giá mua lại khi tái phát hành cổ phiếu quỹ. Trường hợp mua lại cổ phiếu để hủy bỏ ngay tại ngày mua thì giá trị cổ phiếu được ghi giảm nguồn vốn kinh doanh tại ngày mua là giá thực tế mua lại và cũng phải ghi giảm nguồn vốn kinh doanh chi tiết theo mệnh giá và phần thặng dư vốn cổ phần của cổ phiếu mua lại.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán, điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào điều lệ Công ty và thông qua Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

17. Nguyên tắc ghi nhận Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”

18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu và thu nhập khác

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau: 1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; 2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; 3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp trả lại dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác); 4. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; 5. Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện: 1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp; 2. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; 3. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng Cân đối kế toán; 4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu của hợp đồng xây dựng bao gồm: Doanh thu ban đầu được ghi nhận trong hợp đồng; và các khoản tăng, giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng và các khoản thanh toán khác nếu các khoản này có khả năng làm thay đổi doanh thu, và có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Doanh thu của hợp đồng xây dựng được xác định bằng giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Việc xác định doanh thu của hợp đồng chịu tác động của nhiều yếu tố không chắc chắn vì chúng tùy thuộc vào các sự kiện sẽ xảy ra trong tương lai. Việc ước tính thường phải được sửa đổi khi các sự kiện đó phát sinh và những yếu tố không chắc chắn được giải quyết. Vì vậy, doanh thu của hợp đồng có thể tăng hay giảm ở từng thời kỳ.

Ghi nhận doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Đối với hợp đồng xây dựng giá cố định, kết quả của hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy khi thỏa mãn đồng thời 4 điều kiện: 1. Tổng doanh thu của hợp đồng được tính toán một cách đáng tin cậy; 2. Doanh nghiệp thu được lợi ích kinh tế từ hợp đồng; 3. Chi phí để hoàn thành hợp đồng và phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm lập báo cáo tài chính được tính toán một cách đáng tin cậy; 4. Các khoản chi phí liên quan đến hợp đồng có thể xác định được rõ ràng và tính toán một cách đáng tin cậy để tổng chi phí thực tế của hợp đồng có thể so sánh được với tổng dự toán.

Đối với hợp đồng xây dựng với chi phí phụ thêm, kết quả của hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy khi thỏa

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Doanh nghiệp thu được lợi ích kinh tế từ hợp đồng; 2. Các khoản chi phí liên quan đến hợp đồng có thể xác định được rõ ràng và tính toán một cách đáng tin cậy không kể có được hoàn trả hay không.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu bán bất động sản

Đối với các công trình, hạng mục công trình mà Công ty là chủ đầu tư: doanh thu bán bất động sản được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn 5 điều kiện: 1. Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, doanh nghiệp đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua; 2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản; 3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; 4. Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản; 5. Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Trường hợp Công ty có hợp đồng hoàn thiện nội thất bất động sản riêng với khách hàng, trong đó quy định rõ yêu cầu của khách hàng về thiết kế, kỹ thuật, mẫu mã, hình thức hoàn thiện nội thất bất động sản và biên bản bàn giao phần xây thô cho khách hàng, doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành, bàn giao phần xây thô cho khách hàng.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp (đầu tư mua bán chứng khoán, thanh lý các khoản vốn góp đầu tư vào công ty liên kết, công ty con, đầu tư vốn khác; lãi tỷ giá hối đoái; Lãi chuyển nhượng vốn)...

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận khi thoả mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; 2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

- Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

19. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí khác được ghi nhận vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn trong kỳ báo cáo. Giá vốn được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Giá vốn hàng bán và doanh thu được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp.

20. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm: Các khoản chi phí hoặc khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán...; Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí tài chính khác.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

21. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của Công ty trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm và hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước. Công ty không phản ánh vào tài khoản này tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại trong năm và hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các năm trước.

Công ty chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

Thuế suất thuế TNDN hiện hành của Công ty là: 20%.

22. Nguyên tắc ghi nhận lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trừ đi phần Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập trong kỳ chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

23. Công cụ tài chính:

Ghi nhận ban đầu:

Tài sản tài chính

Theo thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết, không được niêm yết và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, các khoản phải trả khác, nợ và vay.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

24. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

25. Nguyên tắc trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh hợp nhất theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	31/12/2017	01/01/2017
Tiền	298.610.871.687	156.853.964.530
Tiền mặt	979.212.848	2.522.859.770
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	297.631.658.839	154.331.104.760
Các khoản tương đương tiền	99.815.403.175	109.045.960.150
Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng	99.815.403.175	109.045.960.150
Cộng	398.426.274.862	265.899.924.680

2. Các khoản đầu tư tài chính: (Xem trang 45-46).

3. Phải thu của khách hàng	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	1.422.551.500.755	(2.490.249.801)		(5.255.192.776)
Khách hàng trong nước	1.273.820.756.464	(2.490.249.801)	998.887.672.467	(5.255.192.776)
Seasons Avenue Chi nhánh Hà Nội	-	-	6.000.000.000	-
Công ty TNHH Xây dựng Trung Quốc (Đông Nam Á)	108.291.839.442	-	48.325.130.535	-
Công ty TNHH Đầu Tư Xây Dựng Thương Mại Phú Việt	65.746.890	-	16.226.049.752	-
Công ty TNHH KIRBY Đông Nam Á	11.448.395.201	-	14.467.151.753	-
Công ty Cổ phần Kết Cấu Thép ATAD	14.999.732.648	-	11.754.272.891	-
Công ty CP ClearWater Metal Việt Nam	-	-	31.158.230.840	-
Công ty TNHH SXTM Sắt Thép Ánh Hòa - CN Sóng Thần 3	42.710.408.245	-	-	-
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại An Tâm	15.698.111.407	-	39.487.922.854	-
Công ty TNHH Xây dựng An Phong	43.761.931.630	-	47.381.658.838	-
Công ty TNHH TM DV Xuất Nhập Khẩu Nguyễn Anh	-	-	42.872.797.440	-
Công ty TNHH SX TM Và Xuất Nhập Khẩu Đức Khánh	-	-	32.666.895.591	-
Phải thu các bên liên quan	115.397.976.422	-	43.315.521.586	-
Các khách hàng khác	921.446.614.579	(2.490.249.801)	665.232.040.387	(5.255.192.776)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3. Phải thu của khách hàng (tt)	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Khách hàng nước ngoài	148.730.744.291	-	90.552.758.015	-
Metalworld Trading Pte Ltd	7.567.453.431	-	61.746.389.779	-
Siam Commercial Metal Company Limited	44.278.618.484	-	13.712.683.843	-
Heng Lylykeav Import Export Co.,Ltd	72.708.538.860	-	-	-
Các khách hàng khác	24.176.133.516	-	15.093.684.393	-
b. Dài hạn	87.734.474.987	(87.734.474.987)	100.880.598.980	(100.880.598.980)
Khách hàng trong nước	87.734.474.987	(87.734.474.987)	100.880.598.980	(100.880.598.980)
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại SPC	6.367.855.501	(6.367.855.501)	6.367.855.501	(6.367.855.501)
Công ty TNHH Kim Long Tấn	10.983.479.323	(10.983.479.323)	11.108.125.525	(11.108.125.525)
Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu	17.035.286.577	(17.035.286.577)	17.035.286.577	(17.035.286.577)
Công ty Cổ phần Bê tông Không Gian	8.891.559.997	(8.891.559.997)	8.891.559.997	(8.891.559.997)
Công ty Cổ phần Địa ốc Dầu Khí	756.410	(756.410)	11.273.973.263	(11.273.973.263)
Các khách hàng khác	44.455.537.179	(44.455.537.179)	46.203.798.117	(46.203.798.117)
Cộng	1.510.285.975.742	(90.224.724.788)	1.190.321.029.462	(106.135.791.756)
c. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan				
Công ty TNHH SMC - SUMMIT	72.884.994.898	-	8.829.635.336	-
Công ty TNHH SMC TOAMI	27.969.514.930	-	34.485.886.250	-
Hanwa Company Limited	4.581.260.602	-	-	-
Công ty TNHH Hanwa Việt Nam	9.962.205.992	-	-	-
Cộng	115.397.976.422	-	43.315.521.586	-

4. Trả trước cho người bán	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	180.342.797.116	208.906.016.359	-	-
Nhà cung cấp trong nước	164.992.480.912	-	208.906.016.359	-
Công ty TNHH MTV Thép Hòa Phát	-	-	111.911.923.178	-
Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc	-	-	29.890.256.568	-
Công ty TNHH Gang Thép Hưng Nghiệp Formosa Hà Tĩnh	69.207.632.549	-	21.117.635.165	-
Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên	36.036.723.635	-	-	-

4. Trả trước cho người bán (tt)	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty TNHH Thương Mại Dương Tiến	21.037.500.000	-	-	-
Các đối tượng khác	38.710.624.728	-	44.973.682.742	-
Nhà cung cấp nước ngoài	15.350.316.204	-	1.012.518.706	-
Các đối tượng khác	15.350.316.204	-	1.012.518.706	-
b. Dài hạn	386.753.242	(386.753.242)	402.620.981	(402.620.981)
Công ty Cổ phần Đầu tư Tam Anh	72.593.264	(72.593.264)	72.593.264	(72.593.264)
Các đối tượng khác	180.802.143.622	(459.346.506)	209.381.230.604	(475.214.245)
Cộng	115.397.976.422	-	43.315.521.586	-

5. Phải thu về cho vay	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Dài hạn	1.400.000.000	-	-	-
Cho vay đến các cá nhân (thời hạn 36 tháng, lãi suất 6%/năm)	1.400.000.000	-	-	-
Cộng	1.400.000.000	-	-	-

6. Phải thu khác	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	58.457.318.810	-	28.376.781.713	-
Dự thu lãi tiền gửi, cho vay, ký quỹ	3.369.436.740	-	15.823.161.968	-
Phải thu liên quan đến tiền thuế đất được miễn giảm	-	-	536.353.325	-
Phải thu UBND TPHCM liên quan đến tiền lãi vay được hỗ trợ	816.157.744	-	448.379.166	-
Các khoản tạm ứng	1.386.773.600	-	1.213.940.509	-
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	52.069.357.358	-	10.028.857.358	-
Phải thu khác	815.593.368	-	326.089.387	-
b. Dài hạn	2.184.032.967	(164.902.087)	5.177.715.477	(164.902.087)
Ký quỹ thuê tài chính	1.537.129.380	-	4.648.813.390	-
Lãi chậm thanh toán	164.902.087	(164.902.087)	164.902.087	(164.902.087)
Các khoản ký quỹ khác	482.001.500	-	364.000.000	-
Cộng	60.641.351.777	(164.902.087)	33.554.497.190	(164.902.087)

7. Nợ xấu: (Xem trang 47-48).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

8. Hàng tồn kho	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	-	-	25.978.220.999	-
Nguyên liệu, vật liệu	942.239.839.095	(3.027.185.650)	650.788.348.532	(1.934.766.347)
Công cụ, dụng cụ	790.233.694	-	581.565.339	-
Thành phẩm	268.098.999.715	(5.481.189.565)	107.648.282.230	(2.703.806.332)
Hàng hoá	469.259.539.247	-	658.348.424.866	(1.702.949.509)
Cộng	1.680.388.611.751	(8.508.375.215)	1.443.344.841.966	(6.341.522.188)

Hàng tồn kho luân chuyển tại Công ty TNHH Thép SMC (Công ty con) đã được dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Chi tiết xem Thuyết minh số V.21a - Vay ngắn hạn)

9. Tài sản cố định hữu hình: (Xem trang 49).

10. Tài sản cố định thuê tài chính			
Khoản mục	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
Nguyên giá	52.037.031.929	4.307.152.600	56.344.184.529
Số dư đầu năm	(38.915.402.909)	-	(38.915.402.909)
Giảm do chuyển sang tài sản cố định hữu hình	13.121.629.020	4.307.152.600	17.428.781.620
Số dư cuối năm			
Giá trị hao mòn lũy kế	26.970.619.285	1.495.539.098	28.466.158.383
Số dư đầu năm	6.240.625.973	717.858.767	6.958.484.740
Khấu hao trong năm	(23.916.758.035)	-	(23.916.758.035)
Khấu hao giảm trong năm	9.294.487.223	2.213.397.865	11.507.885.088
Số dư cuối năm			
Giá trị còn lại	25.066.412.644	2.811.613.502	27.878.026.146
Số dư đầu năm	3.827.141.797	2.093.754.735	5.920.896.532
Số dư cuối năm	3.827.141.797	2.093.754.735	5.920.896.532

11. Tài sản cố định vô hình			
Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm kế toán	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	33.607.900.000	7.831.079.341	41.438.979.341
Tăng trong năm	100.668.929.767	936.000.000	101.604.929.767
Số dư cuối năm	134.276.829.767	8.767.079.341	143.043.909.108

11. Tài sản cố định vô hình (tt)			
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	2.203.187.425	2.203.187.425
Khấu hao trong năm	-	1.163.919.776	1.163.919.776
Số dư cuối năm	-	3.367.107.201	3.367.107.201
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	33.607.900.000	5.627.891.916	39.235.791.916
Số dư cuối năm	134.276.829.767	5.399.972.140	139.676.801.907

* Giá trị còn lại của TSCĐVH đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 134.276.829.767 VND.

* Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 437.433.816 VND.

12. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư năm giữ chờ tăng giá

Khoản mục	Cơ sở hạ tầng (*)	Tổng cộng
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	-	-
Mua trong năm	9.080.842.650	9.080.842.650
Số dư cuối năm	9.080.842.650	9.080.842.650
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	-	-
Khấu hao trong năm	60.538.951	60.538.951
Số dư cuối năm	60.538.951	60.538.951
Giá trị còn lại		
Số dư đầu năm	-	-
Số dư cuối năm	9.020.303.699	9.020.303.699

(*) Đây là không gian kinh doanh thương mại tầng 2 - Dự án Linh Tây Tower, diện tích 616,2 m². Hiện tại đang cho Công ty TNHH Dịch vụ Thu hồi nợ Thiên Hà thuê.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	31/12/2017	01/01/2017
Mua sắm tài sản cố định	170.400.000	25.793.331.072
Chi phí xây dựng nhà xưởng tấm mạ	-	290.000.000
Chi phí xây dựng nhà xưởng 5ha	5.500.000.000	-
Xây dựng nhà máy ống thép Senco - giai đoạn 2 (*)	39.003.206.336	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác	1.565.596.119	359.856.660
Cộng	46.239.202.455	26.443.187.732

(*) Căn cứ vào giấy phép xây dựng số 55/GPXD ngày 04/12/2017 do UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp, Công ty TNHH Liên doanh Ống thép Senco tiến hành xây dựng nhà máy ống thép Senco - giai đoạn 2. Vị trí xây dựng 04 hạng mục tại đường số 1A, khu công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, với tổng diện tích khu đất là 40.040,8 m².

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

14. Chi phí trả trước	31/12/2017	01/01/2017
a. Chi phí trả trước ngắn hạn	1.274.940.902	1.070.327.267
Chi phí bảo hiểm chờ phân bổ	301.402.270	176.130.053
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	833.579.198	579.074.608
Chi phí mở L/C chờ phân bổ	138.759.434	71.213.516
Chi phí chờ phân bổ khác	1.200.000	243.909.090
b. Chi phí trả trước dài hạn	77.678.451.216	74.640.810.796
Chi phí thuê đất trả trước chờ phân bổ (*)	71.405.640.234	68.567.843.938
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	3.661.837.014	2.571.204.164
Phí hạ tầng Khu Công nghiệp trả trước	1.708.773.452	1.759.894.590
Chi phí thành lập chờ phân bổ	410.707.265	899.192.309
Chi phí sửa chữa chờ phân bổ	414.892.347	449.103.149
Chi phí triển khai dự án nhà xưởng	-	236.212.888
Chi phí chờ phân bổ khác	76.600.904	157.359.758
Cộng	78.953.392.118	75.711.138.063
(*) Bao gồm		
Chi phí thuê đất tại Khu công nghiệp Đồng An, Thuận An, Bình Dương	1.667.120.294	1.727.374.850
Quyền sử dụng đất tại dự án Linh Tây, Phường Linh Tây, Quận Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh	1.098.997.510	-
Chi phí thuê đất tại Lô 33 - đường Trung Tâm, Khu công nghiệp Tân Tạo mở rộng, Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh	46.698.260.756	48.113.359.566
Chi phí thuê đất tại Khu công nghiệp Hiệp Phước, Huyện Nhà Bè, Tp. Hồ Chí Minh	14.913.137.424	15.394.206.372
Chi phí thuê đất tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	1.748.233.712	3.059.408.996
Chi phí thuê đất tại Khu công nghiệp Phú Mỹ I (5 ha) tại Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	5.013.872.045	-
Chi phí đền bù tại lô đất số 47, Khu công nghiệp Quang Minh, Mê Linh, Vĩnh Phúc (nay là thành phố Hà Nội)	266.018.493	273.494.154
Cộng	71.405.640.234	68.567.843.938
15. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	31/12/2017	01/01/2017
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ chênh lệch tạm thời được khấu trừ như sau:		
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	10.690.441.083	14.543.855.196
Chi phí dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	1.512.000.000	36.061.505
Khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng	-	627.403.277

Chi phí khấu hao	1.778.839.919	1.384.059.993
Chênh lệch do đánh giá lại tài sản góp vốn tại công ty liên kết Toami chưa ghi nhận thu nhập		
586.938.098		
767.029.980		
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	312.343.424	(318.870.355)
Cộng	14.880.562.524	17.039.539.596

16. Phải trả người bán	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Ngắn hạn	1.628.527.837.579	1.628.527.837.579	1.007.169.909.092	1.007.169.909.092
Công ty TNHH TM & SX Thép Việt	216.926.111.771	216.926.111.771	356.929.902.361	356.929.902.361
Công ty TNHH Thép VINA KYOEI	313.645.204.030	313.645.204.030	167.399.465.228	167.399.465.228
Công ty CP SX Thép Việt Đức	-	-	52.870.939.966	52.870.939.966
Công ty TNHH TM VT Phương Thịnh	-	-	92.671.421.910	92.671.421.910
Công ty TNHH Posco SS - Vina	165.725.253.966	165.725.253.966	-	-
Phải trả các bên liên quan	266.996.038.104	266.996.038.104	84.711.000.341	84.711.000.341
Các đối tượng khác	240.320.932.356	240.320.932.356	221.201.314.894	221.201.314.894
Nhà cung cấp nước ngoài	424.914.297.352	424.914.297.352	31.385.864.392	31.385.864.392
Win Faith Trading Limited	-	-	31.385.864.392	31.385.864.392
GS Global Corporation China Steel Global	93.691.496.554	93.691.496.554	-	-
Trading Corporation Benxi Iron & Steel Hong Kong Limited	56.754.804.220	56.754.804.220	-	-
Kong Limited	59.850.818.154	59.850.818.154	-	-
Các khách hàng khác	214.617.178.424	214.617.178.424	-	-
Cộng	1.510.285.975.742	(90.224.724.788)	1.190.321.029.462	(106.135.791.756)
b. Phải trả người bán là các bên liên quan				
Công ty TNHH SMC TOAMI	1.766.762.236	1.766.762.236	65.842.326	65.842.326
Công ty TNHH SMC Summit	255.743.554.700	255.743.554.700	84.645.158.015	84.645.158.015
Công ty TNHH Hanwa Việt Nam	9.485.721.168	9.485.721.168	-	-
Cộng	266.996.038.104	266.996.038.104	84.711.000.341	84.711.000.341

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

17. Người mua trả tiền trước	31/12/2017	01/01/2017
a. Ngắn hạn	63.471.606.880	62.881.335.815
Khách hàng trong nước	61.887.758.308	62.881.335.815
Công ty TNHH Thành Lợi	-	35.000.000.000
Công ty CP Xây Lắp Thương Mại 2	20.652.908.285	-
Công ty TNHH Thép Trường Giang Sài Gòn	13.449.509.031	3.676.425.120
Các đối tượng khác	27.785.340.992	24.204.910.695
Khách hàng nước ngoài	1.583.848.572	-
Cộng	63.471.606.880	62.881.335.815

18. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	31/12/2017	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	01/01/2017
a. Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	756.038.762	344.820.510.803	345.576.549.565	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	28.518.567.353	54.680.228.127	71.677.151.371	11.521.644.109
Thuế thu nhập cá nhân	1.086.997.408	5.659.526.681	6.322.415.016	424.109.073
Thuế nhập khẩu	-	7.909.242.235	7.909.242.235	-
Các loại thuế khác	-	1.077.074.040	1.077.074.040	-
Cộng	30.361.603.523	414.146.581.886	432.562.432.227	11.945.753.182
b. Phải thu				
Thuế GTGT đề nghị hoàn	45.086.676.871	(45.086.676.871)	-	-
Thuế nhập khẩu nộp dư	2.104.046	-	4.228.165	6.332.211
Thuế TNDN nộp dư	1.587.185.479	-	5.508.447.877	7.095.633.356
Cộng	46.675.966.396	(45.086.676.871)	5.512.676.042	7.101.965.567

19. Chi phí phải trả ngắn hạn	31/12/2017	01/01/2017
Lãi vay còn phải trả	4.879.301.099	3.540.452.179
Chênh lệch chi phí vốn tăng thêm phải trả do vay VND với lãi suất USD	-	6.518.121.966
Chi phí còn phải trả khác	20.000.000	3.580.011.492
Cộng	4.899.301.099	13.638.585.637

20. Phải trả khác	31/12/2017	01/01/2017
a. Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	104.327.760	308.243.577
Bảo hiểm bắt buộc phải nộp	-	2.403.025
Cổ tức còn phải trả	-	14.755.821.500
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (*)	128.474.642.578	-
Các khoản phải trả khác	1.258.452.608	44.010.175
Cộng	129.837.422.946	15.110.478.277

(*) Khoản phải trả liên quan đến việc thanh toán hộ hàng hóa nhập khẩu của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Sài Gòn theo giấy đề nghị chấp nhận thanh toán UPAS LC kèm giấy đề nghị ngân hàng đại lý tài trợ UPAS LC với tổng số tiền là 5.649.720,43 USD; Phí dịch vụ UPAS LC tại ngày 31/12/2017: từ 2,37-2,79% / năm; Thời hạn thanh toán: 6 tháng.

21. Vay và nợ thuê tài chính	31/12/2017	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	01/01/2017
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay ngắn hạn	1.847.181.997.541	1.847.181.997.541	2.626.800.593.384	2.626.800.593.384
- Vietcombank	297.730.693.612	297.730.693.612	297.838.914.779	297.838.914.779
- Vietinbank	1.388.692.998.875	1.388.692.998.875	2.285.498.255.386	2.285.498.255.386
- VPbank	65.339.793.669	65.339.793.669	-	-
- Mbbank	17.973.697.676	17.973.697.676	-	-
- Vay cá nhân	41.655.000.000	41.655.000.000	1.735.000.000	1.735.000.000
- Nợ dài hạn đến hạn trả	35.789.813.709	35.789.813.709	41.728.423.219	41.728.423.219
b. Vay dài hạn	74.563.283.658	74.563.283.658	83.379.484.371	83.379.484.371
- SHINHAN (Việt Nam)	4.093.200.000	4.093.200.000	7.380.720.000	7.380.720.000
- VID Public bank	36.383.621.798	36.383.621.798	47.725.802.171	47.725.802.171
- Indovina Bank	4.010.454.000	4.010.454.000	6.030.234.000	6.030.234.000
- Vietinbank	63.606.285.760	63.606.285.760	56.212.000.000	56.212.000.000
- Nợ dài hạn đến hạn trả	(33.530.277.900)	(33.530.277.900)	(33.969.271.800)	(33.969.271.800)
c. Nợ thuê tài chính dài hạn	-	-	2.256.469.708	2.256.469.708
- Công ty TNHH cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam	1.827.193.468	1.827.193.468	10.015.621.127	10.015.621.127
Nợ dài hạn đến hạn trả	(1.827.193.468)	(1.827.193.468)	(7.759.151.419)	(7.759.151.419)
Cộng	1.921.745.281.199	1.921.745.281.199	2.712.436.547.463	2.712.436.547.463

Chi tiết các khoản vay và nợ thuê tài chính như sau:

a. Vay ngắn hạn

- Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (Vietcombank) theo hợp đồng cho vay số 04/CV-0104/KH/13NH ngày 03/01/2017 với tổng hạn mức là 300 tỷ đồng; thời hạn: từ 01-06 tháng; lãi suất vay tại ngày 31/12/2017 là 5,3%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản là tài sản cố định thuộc sở hữu của Công ty TNHH Thép SMC với tổng giá trị đảm bảo là 35.973.778.422 đồng. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2017 là 297.730.693.612 đồng.

- Khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (Vietinbank) theo 06 hợp đồng tín dụng với tổng hạn mức tại mọi thời điểm không vượt quá 2.350 tỷ đồng; thời hạn vay: không vượt quá 06 tháng; lãi suất vay tại ngày 31/12/2017: đối với VNĐ là 5,5%/năm, USD là từ 1,93% đến 2,33%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay; quyền sử dụng đất, công trình trên đất; và một phần hàng tồn kho luân chuyển, quyền đòi nợ và thụ hưởng số nợ tiền đòi nợ, quyền được phân chia, quyền yêu cầu hoàn trả ứng trước tại Công ty TNHH

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Thép SMC. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2017 là 1.388.692.998.875 đồng, bao gồm: 1.387.631.260.962 đồng và 46.700,59 USD tương đương 1.061.737.913 đồng.

- Khoản vay **Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (VPbank)** theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 075/2017/HDHM/CIB-HCM ngày 26/05/2017, với tổng hạn mức là 300 tỷ đồng; thời hạn vay theo từng giấy nhận nợ nhưng tối đa 04 tháng; lãi suất vay tại ngày 31/12/2017 là 2,3% - 2,6%/năm. Khoản vay này được đảm bảo trên cơ sở khả năng tài chính của Công ty với số tiền vay không vượt quá 70 tỷ hoặc ngoại tệ quy đổi tương đương. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2017 là 2.873.341,85 USD tương đương 65.339.793.669 đồng.

- Khoản vay **Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Sài Gòn (Mbbank)** theo hợp đồng cấp tín dụng số 2787.17.110.813881. TD ngày 12/04/2017; với tổng hạn mức là 100 tỷ đồng; lãi suất tại ngày 31/12/2017: 5.5%/năm; thời hạn vay tối đa 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng hóa tồn kho hiện hữu. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2017 là 17.973.697.676 đồng.

- Các khoản vay cá nhân có thời hạn vay 01 năm, lãi suất huy động 6%/năm, tiền lãi được trả hàng tháng vào ngày 25 của tháng.

b. Vay dài hạn

- Khoản vay **Ngân hàng TNHH MTV SHINHAN (Việt Nam)** theo hợp đồng tín dụng số SHBVN/2013/SMC/HDTD01 ngày 05/04/2013 với tổng hạn mức là 3,645,000.00 USD; mục đích vay: mua dây chuyền máy móc thiết bị sản xuất thép; thời hạn vay: 05 năm; lãi suất vay tại ngày 31/12/2017: 4,1%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2017 là 180.000 USD tương đương 4.093.200.000 đồng. Trong đó, khoản nợ vay dài hạn đến hạn trả là 180,000.00 USD tương đương 4.093.200.000 đồng.

- Khoản vay **Ngân hàng VID Public Chi nhánh Tp. HCM (VID Public bank)** theo 05 hợp đồng tín dụng với tổng hạn mức là 2.699.705,00 USD; mục đích vay: mua dây chuyền máy móc thiết bị sản xuất ống thép; thời hạn vay: 05 năm; lãi suất vay tại ngày 31/12/2017: 2,75%-3,5%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2017 là 1.600.068,95 USD tương đương 36.383.621.798 đồng. Trong đó, khoản nợ vay dài hạn đến hạn trả là 573.108,00 USD tương đương 13.032.475.920 đồng.

- Khoản vay **Ngân hàng TNHH Indovina (Indovina Bank)** theo hợp đồng vay vốn số 81/1014/MTL/1031615 ngày 17/10/2014, với số tiền vay là 441.000,00 USD, với thời hạn vay là 60 tháng; mục đích vay mua máy xẻ bằng SL-1300-032 và lãi suất vay tại 31/12/2017 là 2,6%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ nguồn vốn vay theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 81/1014/HDTCCMM với giá trị ước tính là 519.000,00 USD. Số dư nợ đến ngày 31/12/2017 là 176.400,00 USD tương đương 4.010.454.000 đồng. Trong đó, nợ dài hạn đến hạn trả là 88.200,00 USD tương đương 2.005.227.000 đồng.

- Khoản vay **Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (Vietinbank)** theo các hợp đồng sau:

Hợp đồng tín dụng số 17.2380012/2017 - HĐTDDA/NHCT900-THEPSMC ngày 13/02/2017, với tổng hạn mức là 77.749.000.000 đồng; thời hạn vay 72 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; mục đích vay để tài trợ cho Dự án đầu tư xây dựng phân xưởng chế biến Tẩy - Ép - Mạ tại KCN Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu; Tài sản đảm bảo bao gồm: Nhà máy phân xưởng chế biến Tẩy - Ép - Mạ Thép, máy móc thiết bị của nhà máy phân xưởng chế biến Tẩy - Ép - Mạ Thép, công trình phụ trợ phân xưởng chế biến Tẩy - Ép - Mạ Thép, quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng thuê nhà xưởng giữa Công ty và Công ty TNHH MTV Cơ Khí Thép SMC ngày 01/10/2016, quyền sử dụng đất thuê tại KCN Phú Mỹ I Thị trấn Phú Mỹ Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu; Lãi suất vay tại ngày 31/12/2017 là 8,50%/năm. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2017 là 30.506.285.760 đồng.

Hợp đồng tín dụng hạn mức số 22/2013-HĐTDDA/NHCT946-SMC TAN TAO ngày 11/9/2013 và văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số 22/2013-HĐTĐ-SĐBS01/NHCT946-SMC TAN TAO với hạn mức tín dụng 82 tỷ đồng; Mục đích: đầu tư xây dựng dự án Trung tâm gia công thép tấm tại KCN Tân Tạo; thời hạn vay: 78 tháng; lãi suất vay tại ngày 31/12/2017 là 10,5%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2017 là 33.100.000.000 đồng, trong đó phần ngắn hạn của khoản nợ vay dài hạn đến hạn trả là 14.400.000.000 đồng.

c. Nợ thuê tài chính

- Nợ thuê tài chính theo các hợp đồng thuê tài chính với **Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc Tế Việt Nam** như sau:

	31/12/2017	
	USD	Giá trị
- Hợp đồng số 2012-00101-000 ngày 29/11/2012	53.901,11	1.225.441.736
- Hợp đồng số 2014-00116-000 ngày 23/7/2014	-	601.751.732
Cộng	53.901,11	1.827.193.468
- Nợ thuê tài chính đến hạn trả	(53.901,11)	(1.827.193.468)
Cộng	-	-

22. Doanh thu chưa thực hiện	31/12/2017	01/01/2017
a. Ngắn hạn	51.931.277.690	42.533.288.000
Doanh thu nhận trước từ việc bán hàng hóa	51.931.277.690	42.533.288.000
b. Dài hạn	2.934.690.488	3.835.149.899
Doanh thu nhận trước từ việc bán hàng hóa	2.934.690.488	3.835.149.899
Cộng	54.865.968.178	46.368.437.899

23. Vốn chủ sở hữu	31/12/2017	01/01/2017
a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu: (Xem trang 50).		
b. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		
Công ty Cổ phần SMC Hà Nội	12.042.186.989	8.481.518.165
Công ty TNHH Liên doanh Ống Thép SENDO	48.805.574.645	46.203.128.773
Cộng	60.847.761.634	54.684.646.938
c. Cổ phiếu		
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	42.005.961	29.518.361
Cổ phiếu phổ thông	42.005.961	29.518.361
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

23. Vốn chủ sở hữu (tt)	31/12/2017	01/01/2017
Số lượng cổ phiếu được mua lại	(6.718)	(6.718)
Cổ phiếu phổ thông	(6.718)	(6.718)
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	41.999.243	29.511.643
Cổ phiếu phổ thông	41.999.243	29.511.643
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: đồng Việt Nam/cổ phiếu.	10.000	10.000

24. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán	31/12/2017		01/01/2017	
	Số lượng	Giá trị (VND)	Số lượng	Giá trị (VND)
Ngoại tệ - USD	3.552.384,97	80.532.567.270	1.628.677,35	36.990.904.348
Nợ khó đòi đã xử lý	7.095.763.147	-	-	7.095.763.147
Cộng	7.099.315.532	80.532.567.270	1.628.677	44.086.667.495

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Tổng doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm 2017	Năm 2016
a. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu bán hàng hoá và thành phẩm	12.618.011.403.069	9.372.836.005.305
Doanh thu cung cấp dịch vụ	38.868.961.952	38.623.850.158
Doanh thu công trình	-	35.381.378.246
Doanh thu khác	7.962.529.250	-
Cộng doanh thu	12.664.842.894.271	9.446.841.233.709
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Hàng bán bị trả lại	(9.055.834.762)	(1.967.086.325)
Chiết khấu thương mại	(663.103.100)	(3.670.870.482)
Giảm giá hàng bán	(1.184.423.287)	(251.122.097)
Cộng doanh thu thuần	12.653.939.533.122	9.440.952.154.805
b. Doanh thu các bên liên quan		
Công ty TNHH SMC Summit	651.560.161.511	65.321.889.324
Công ty TNHH MTV SMC Toami	86.753.434.360	65.586.125.084
Hanwa Company Limited	10.271.294.551	-
Công ty TNHH Hanwa Việt Nam	31.054.189.828	-
Cộng	779.639.080.250	130.908.014.408

2. Giá vốn hàng bán	Năm 2017	Năm 2016
Giá vốn hàng hóa, dịch vụ đã bán	11.950.771.484.072	8.683.760.113.471
Giá vốn công trình xây dựng	-	32.254.369.115
Dự phòng (hoàn nhập) giảm giá hàng tồn kho	2.166.853.027	630.581.546
Cộng	11.952.938.337.099	8.716.645.064.132

3. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm 2017	Năm 2016
Lãi tiền gửi ngân hàng	45.290.904.414	61.251.721.102
Lãi ký quỹ, lãi cho vay	254.906.892	155.501.091
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.788.376.200	872.826.830
Lãi chênh lệch tỷ giá	3.202.442.699	807.543.186
Chiết khấu thanh toán được hưởng	6.226.400	59.159.632
Bán chứng khoán	7.945.157.805	1.341.626.800
Doanh thu tài chính khác	195.181.758	152.051.639
Cộng	59.683.196.168	64.640.430.280

4. Chi phí tài chính	Năm 2017	Năm 2016
Chi phí lãi vay, lãi thuê tài chính	106.910.007.200	89.899.886.959
Chi phí vốn tăng thêm phát sinh từ vay bằng VND tham chiếu lãi suất USD	713.071.947	1.941.057.981
Chi phí dự phòng (hoàn nhập) dự phòng đầu tư tài chính	(23.180.237.414)	(2.317.311.511)
Lỗ bán chứng khoán	17.581.631.091	3.501.083.531
Lỗ chênh lệch tỷ giá	697.605.304	10.360.095.972
Cộng	102.722.078.128	103.384.812.932

5. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm 2017	Năm 2016
a. Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân viên	23.845.432.112	23.840.129.347
Chi phí đồ dùng văn phòng	275.971.826	307.616.009
Chi phí khấu hao TSCĐ	4.659.071.488	3.834.143.732
Chi phí dịch vụ mua ngoài	199.694.864.025	143.454.322.795
Chi phí vận chuyển	193.938.652.579	137.697.497.355
Chi phí khác	5.756.211.446	5.756.825.440
Chi phí bằng tiền khác	5.256.840.342	6.315.689.378
Cộng	233.732.179.793	177.751.901.261

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

5. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp (tt)	Năm 2017	Năm 2016
b. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên	56.631.124.574	47.359.239.927
Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	1.102.594.915	831.621.763
Chi phí khấu hao TSCĐ	11.917.219.657	10.730.350.308
Thuế, phí, lệ phí	333.074.115	313.827.486
Dự phòng (hoàn nhập) phải thu khó đòi	(15.926.934.707)	21.942.633.793
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.718.904.374	23.052.379.024
Phân bổ lợi thế thương mại	-	3.018.399.027
Chi phí bằng tiền khác	14.211.085.226	12.608.168.998
Cộng	91.987.068.154	119.856.620.326

6. Thu nhập khác	Năm 2017	Năm 2016
Thu nhập từ nhượng bán tài sản cố định	-	188.008.302
Thu nhập do đánh giá lại tài sản đi góp vốn	-	795.299.111
Thu nhập do được hỗ trợ phí	-	1.665.861.499
Thu nhập từ nhận bồi thường, chậm thanh toán, lãi quá hạn	4.443.235.357	3.604.990.089
Thu tiền điện chi hộ SMC Toami	-	656.670.940
Thu nhập từ việc được hoàn thuế nhập khẩu	-	3.963.696.784
Thu nhập khác	3.699.645.967	900.921.388
Cộng	8.142.881.324	11.775.448.113

7. Chi phí khác	Năm 2017	Năm 2016
Chi phí phạt	3.256.491.121	868.146.869
Chi tiền điện chi hộ SMC Toami	-	656.670.940
Chi phí khác	1.205.467.163	800.521.347
Giá trị còn lại TSCĐ hư hỏng	4.314.517.722	-
Cộng	8.776.476.006	2.325.339.156

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm 2017	Năm 2016
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành hiện hành phát sinh tại các công ty:		
Công ty CP Đầu tư Thương mại SMC	20.661.091.942	7.240.264.185
Công ty TNHH Thép SMC	10.942.307.498	10.610.436.287
Công ty TNHH MTV SMC Bình Dương	3.909.529.161	1.426.362.714
Công ty TNHH MTV Cơ Khí Thép SMC	3.751.646.363	-
Công ty Cổ phần SMC Hà Nội	7.636.862.093	6.874.426.678
Công ty Cổ phần SMC Tân Tạo	7.778.791.070	8.427.638.315
Cộng	54.680.228.127	34.579.128.179

9. Lãi cơ bản & lãi suy giảm trên cổ phiếu	Năm 2017	Năm 2016
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	276.364.643.536	368.472.584.555
Trong đó:		
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	6.211.736.107	6.165.666.594
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	270.152.907.429	362.306.917.961
Các khoản điều chỉnh giảm	(5.434.603.769)	(669.849.972)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(5.434.603.769)	(669.849.972)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông công ty mẹ	264.718.303.660	361.637.067.989
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	36.867.353	29.511.643
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	7.180	12.254

10. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	Năm 2017	Năm 2016
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	264.718.303.660	361.637.067.989
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh các yếu tố suy giảm	264.718.303.660	361.637.067.989
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	36.867.353	29.511.643
Cổ phiếu phổ thông dự kiến phát hành thêm có yếu tố suy giảm	-	9.375.000
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm sau khi đã điều chỉnh các yếu tố suy giảm	36.867.353	38.886.643
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	7.180	9.300

11. Mục tiêu và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Các rủi ro chính từ công cụ tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Ban Tổng Giám đốc xem xét và áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

11.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản Tiền, phải thu khách hàng, phải thu khác, phải trả khách hàng, các khoản vay và nợ phải trả khác.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi.

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Tổng Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

11.1 Rủi ro thị trường (tt)

hợp nhất bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Tập đoàn nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến khoản vay và nợ, tiền, các khoản cho vay và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Tập đoàn.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Tập đoàn và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Độ nhạy đối với lãi suất

Độ nhạy của các (khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn) của Tập đoàn đối với sự thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện như sau.

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các (khoản vay) với lãi suất thả nổi có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn như sau:

	Tăng/ giảm điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế (VND)
Năm nay		
VND	+200	(28.271.691.734)
VND	-200	28.271.691.734
USD	+100	(266.126.141)
USD	-100	266.126.141
Năm trước		
VND	+100	(5.457.127.100)
VND	-100	5.457.127.100
USD	+100	(8.750.255.498)
USD	-100	8.750.255.498

Mức tăng/ giảm điểm cơ bản sử dụng để phân tích độ nhạy đối với lãi suất được giả định dựa trên các điều kiện có thể quan sát được của thị trường hiện tại. Các điều kiện này cho thấy mức biến động cao hơn không đáng kể so với các kỳ trước.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ. Tập đoàn chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của công ty bằng các đơn vị tiền tệ khác Đồng Việt Nam.

Tập đoàn quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Tập đoàn lập kế hoạch cho các nghiệp vụ trong tương lai bằng ngoại tệ. Tập đoàn không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ của mình.

Độ nhạy của các khoản vay và nợ, tiền mặt và các khoản tiền gửi ngân hàng của Tập đoàn đối với sự thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý của ngoại tệ được thể hiện như sau.

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, bảng dưới đây thể hiện độ nhạy của lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn (do sự thay đổi giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả) đối với các thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý của tỷ giá USD. Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái với các loại ngoại tệ khác của Tập đoàn là không đáng kể.

	Thay đổi tỷ giá USD	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế (VND)
Năm nay		
VND	+200	(28.271.691.734)
Năm trước	-200	28.271.691.734
USD	+100	(266.126.141)

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Tập đoàn nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Tập đoàn quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Tập đoàn cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Tại ngày lập báo cáo tài chính, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu đã niêm yết và cổ phiếu đăng ký giao dịch trên sàn Upcom của Tập đoàn là 84.686.784.000 đồng Việt Nam (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 26.542.487.677 đồng Việt Nam). Nếu giá của các cổ phiếu này giảm 10% thì lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn sẽ giảm khoảng 8.468.678.400 đồng Việt Nam. Nếu giá của các cổ phiếu này tăng 10% lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn sẽ tăng lên khoảng 8.468.678.400 đồng Việt Nam.

11.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Tập đoàn có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Tập đoàn giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt công ty thường xuyên theo dõi chặt chẽ nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Tập đoàn liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

11.2 Rủi ro tín dụng (tt)

Tiền gửi ngân hàng

Tập đoàn chủ yếu duy trì số tiền gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Tập đoàn nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Ban Tổng Giám đốc của Tập đoàn đánh giá rằng hầu hết các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt ngoại trừ các khoản phải thu quá hạn và bị suy giảm được trình bày trong bảng sau đây:

		Quá hạn bị suy giảm	
Ngày 31 tháng 12 năm 2017			
Dưới 90 ngày			-
91-180 ngày			-
>181 ngày	-	92.467.124.475	
Tổng cộng giá trị ghi sổ	-	92.467.124.475	
Dự phòng giảm giá trị	-	(90.848.973.381)	
Giá trị thuần		1.618.151.094	
Ngày 31 tháng 12 năm 2016			
>181 ngày	-	111.575.884.797	
Tổng cộng giá trị ghi sổ	-	111.575.884.797	
Dự phòng giảm giá trị	-	(106.775.908.088)	
Giá trị thuần	-	4.799.976.709	

11.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Tập đoàn và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Tập đoàn dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng theo cơ sở chưa được chiết khấu:

Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Các khoản vay và nợ	1.847.181.997.541	74.563.283.658	-	1.921.745.281.199
Phải trả người bán	1.628.527.837.579	-	-	1.628.527.837.579
Các khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	134.632.396.285	-	-	134.632.396.285
Cộng	3.610.342.231.405	74.563.283.658	-	3.684.905.515.063

Ngày 31 tháng 12 năm 2016				
Các khoản vay và nợ	2.626.800.593.384	85.635.954.079	-	2.712.436.547.463
Phải trả người bán	1.007.169.909.092	-	-	1.007.169.909.092
Các khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	28.438.417.312	-	-	28.438.417.312
Cộng	3.662.408.919.788	85.635.954.079	-	3.748.044.873.867

Tập đoàn có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

Tài sản đảm bảo

Tập đoàn đã sử dụng tài sản cố định, quyền sử dụng đất, các khoản tiền gửi có kỳ hạn, phải thu khách hàng, hàng tồn kho làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn và vay dài hạn từ các ngân hàng (Thuyết minh số 21 - Vay và nợ thuê tài chính).

Tập đoàn không nắm giữ bất kỳ tài sản đảm bảo nào của bên thứ ba vào ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính: (Xem trang 51).

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Tập đoàn sử dụng phương pháp và giả định sau đây được dùng để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Giá trị hợp lý của các chứng khoán và các công cụ nợ tài chính niêm yết, đăng ký giao dịch trên thị trường UpCom được xác định theo giá trị thị trường.

Đối với các khoản đầu tư chứng khoán chưa niêm yết nhưng có giao dịch thường xuyên thì giá trị hợp lý được xác định là giá bình quân cung cấp bởi ba công ty chứng khoán độc lập tại ngày kết thúc năm tài chính.

Giá trị hợp lý của các chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính này được trình bày bằng giá trị ghi sổ.

Ngoại trừ các khoản đề cập ở trên, giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính dài hạn khác chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và 31 tháng 12 năm 2016. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ vào ngày kết thúc năm tài chính.

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

1. Số tiền đi vay thực thu trong năm	Năm 2017	Năm 2016
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	11.467.524.181.319	9.908.262.908.993
2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm		
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	12.258.215.447.583	9.081.587.859.727

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: Không có.

2. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Công ty không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính.

3. Giao dịch với các bên liên quan

Các giao dịch trọng yếu và số dư với các bên liên quan trong năm như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Phát sinh trong năm	Số dư cuối năm phải thu (phải trả)
Công ty TNHH SMC Summit	Công ty liên doanh	Bán hàng hóa	645.602.883.693	72.884.994.898
		Mua hàng hóa	(904.080.946.167)	(255.743.554.700)
		Cung cấp dịch vụ	5.957.277.818	-
Công ty TNHH SMC Toami	Công ty liên kết	Bán hàng hóa	86.342.938.360	27.969.514.930
		Mua hàng hóa	(4.593.279.846)	(1.766.762.236)
		Cung cấp dịch vụ	410.496.000	-
Hanwa Company Limited	Nhà đầu tư	Bán hàng hóa	10.271.294.551	4.581.260.602
Công ty TNHH Hanwa Việt Nam	Cùng nhà đầu tư	Bán hàng hóa	28.126.753.743	9.962.205.992
		Cung cấp dịch vụ	2.927.436.085	-
		Mua hàng hóa	(22.698.792.487)	(9.485.721.168)

+ Thu nhập của Ban điều hành	Năm 2017	Năm 2016
Ban Điều hành	4.561.709.626	3.932.539.823
Cộng	4.561.709.626	3.932.539.823

4. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận: (Xem trang 52).

Tp. HCM, ngày 05 tháng 3 năm 2018

NGUYỄN THANH HÀ
Người lập biểu

ĐỖ DOÃN THÀNH CÔNG
Kế toán trưởng



VÕ HOÀNG VŨ
Tổng Giám Đốc

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

V.2. Các khoản đầu tư tài chính

2.1 Chứng khoán kinh doanh	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chứng khoán đã niêm yết				
Công ty CP Thép Pomina	-	-	3.539.306.866	(2.257.805.866)
Công ty CP Đại lý Hàng hải VN - VSA	-	-	420.483.700	(160.643.700)
Chứng khoán giao dịch trên sàn UPCOM				
Công ty CP Inlaco Sài Gòn	-	-	1.830.000.000	(1.703.500.000)
Công ty CP Bao bì Sài Gòn	-	-	725.000.000	-
Công ty CP Tư vấn XD Tổng hợp	632.908.200	(454.624.200)	178.284.000	632.908.200
Cộng	632.908.200	(454.624.200)	7.147.698.766	(4.302.257.089)
			178.284.000	7.147.698.766
				452.600.677
				2.845.441.677
2.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	31/12/2017		01/01/2017	
a. Ngắn hạn	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
- Tiền gửi có kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng	83.121.805.528	83.121.805.528	776.100.000.000	776.100.000.000
b. Dài hạn	46.000.000.000	46.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn còn lại trên 12 tháng	21.000.000.000	21.000.000.000	-	-
- Trái phiếu nắm giữ kỳ hạn 10 năm, lãi lãnh hàng năm	25.000.000.000	25.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
Cộng	129.121.805.528	129.121.805.528	781.100.000.000	781.100.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V.2. Các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

2.3 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	31/12/2017	01/01/2017				
	Giá gốc	Dự phòng/ lãi (lỗ) trong công ty liên kết và cty khác	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng/ lãi (lỗ) trong công ty liên kết và cty khác	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty liên kết	57.574.500.000	15.216.923.822	72.791.423.822	57.574.500.000	12.819.093.790	70.393.593.790
Công ty TNHH SMC - SUMMIT	15.934.500.000	(3.573.518.777)	12.360.981.223	41.640.000.000	14.658.082.700	56.298.082.700
Công ty TNHH SMC Toami	15.934.500.000	(3.573.518.777)	12.360.981.223	15.934.500.000	(1.838.988.910)	14.095.511.090
Đầu tư vào đơn vị khác	111.699.960.344	(27.191.460.344)	84.508.500.000	70.221.110.869	(46.524.064.869)	23.697.046.000
<i>Chứng khoán đã niêm yết</i>						
Công ty CP Thép Pomina	33.599.960.344	(10.791.460.344)	22.808.500.000	33.599.960.344	(22.016.960.344)	11.583.000.000
Công ty CP Thép Nam Kim (NKG)	54.000.000.000	-	54.000.000.000	-	-	-
<i>Chứng khoán giao dịch trên sàn UPCOM</i>						
Cty CP Thép Biên Hòa (VCA)	-	-	-	11.030.322.412	(6.925.585.412)	4.104.737.000
Cty CP Thép Nhà Bè (TNB)	-	-	-	1.490.828.113	(781.519.113)	709.309.000
Tổng Công ty Thép Việt Nam (TVN)	10.100.000.000	(2.400.000.000)	7.700.000.000	10.100.000.000	(2.800.000.000)	7.300.000.000
Cty CP Thép tấm lá Thống Nhất (TNS)	14.000.000.000	(14.000.000.000)	-	14.000.000.000	(14.000.000.000)	-
Cộng	169.274.460.344	(11.974.536.522)	157.299.923.822	127.795.610.869	(33.704.971.079)	94.090.639.790

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V.7 Nợ xấu

	31/12/2017	01/01/2017				
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Đối tượng nợ	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Đối tượng nợ
- Tổng giá trị các khoản phải thu, trả trước người bán quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	92.467.124.475	-	111.575.884.797	-	-	-
Công ty CP Đầu tư XD Trung Nam	-	-	Khoản phải thu quá hạn từ 1- 2 năm khó có khả năng thu hồi	8.720.876.982	-	Khoản phải thu quá hạn từ 1- 2 năm khó có khả năng thu hồi
Công ty TNHH Thép Bảo Tiến	1.474.556.569	-	Khoản phải thu quá hạn từ 2- 3 năm khó có khả năng thu hồi	-	-	Khoản phải thu quá hạn từ 2- 3 năm khó có khả năng thu hồi
Các đối tượng khác	696.249.957	-	22.808.500.000	157.049.726	-	22.808.500.000
Các đối tượng khác	1.590.679.915	-	54.000.000.000	1.177.242.778	-	54.000.000.000
Công ty TNHH ĐT TM SPC	6.367.855.501	-	-	6.367.855.501	-	-
Công ty TNHH Ngôi Sao Lam Sơn	3.563.518.010	-	-	3.563.518.010	-	-
Công ty CP Xây dựng Gia Trần	3.140.414.858	-	-	3.140.414.858	-	-
Công ty TNHH Kim Long Tấn	11.048.125.525	-	Khoản phải thu quá hạn trên 3 năm khó có khả năng thu hồi	11.108.125.525	-	Khoản phải thu quá hạn trên 3 năm khó có khả năng thu hồi
Công ty CP Hữu Liên Á Châu	17.035.286.577	-	-	17.035.286.577	-	-
Công ty Cổ phần Bé tông Không Gian	8.891.559.997	-	-	8.891.559.997	-	-
Công ty CP Tập đoàn Khang Thông	3.609.704.278	-	-	4.109.704.278	-	-
Các đối tượng khác	25.080.907.327	-	22.846.169.540	22.846.169.540	-	-
Các đối tượng khác	459.346.506	-	Các khoản trả trước người bán quá hạn trên 3 năm	475.214.245	-	Các khoản trả trước người bán quá hạn trên 3 năm

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V.7 Nợ xấu (tt)

	31/12/2017	01/01/2017			
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Đối tượng nợ
Tổng giá trị các khoản phải thu, trả trước người bán quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi					
Công ty TNHH XD Number One	4.841.709.230	-	4.841.709.230	-	
Công ty CP Địa ốc Dầu Khí (*)	-	-	11.273.973.263	-	Các khoản phải thu dự phòng (100%)
Công ty TNHH MTV TM Thủy Thành Phát	2.500.000.000	-	3.900.000.000	-	
Các đối tượng khác	2.167.210.225	-	3.967.184.287	-	

(*) Trong năm, Công ty Cổ Phần Địa Ốc Dầu Khí đã bù trừ khoản nợ phải thu quá hạn này bằng hợp đồng mua bán diện tích dịch vụ kinh doanh số 2.10/HĐMB-TM ngày 17/3/2017 với tổng giá trị là 11.273.216.853 đồng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2017

Nam

Đơn vị tính: Đồng Việt

V.9 Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý và tài sản khác	Tổng cộng
Số dư đầu năm	254.753.459.849	309.926.424.329	80.552.872.831	19.219.045.457	664.451.802.466
<i>Mua trong năm</i>	-	149.953.439.214	12.063.868.956	612.337.930	162.629.646.100
<i>Đầu tư XD CB hoàn thành</i>	29.933.647.997	17.996.375.543	74.511.220	-	48.004.534.760
<i>Giảm trong năm</i>	(3.683.733.482)	(8.480.085.906)	-	-	(12.163.819.388)
Số dư cuối năm	281.003.374.364	469.396.153.180	92.691.253.007	19.831.383.387	862.922.163.938
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	254.753.459.849	309.926.424.329	80.552.872.831	19.219.045.457	664.451.802.466
<i>Khấu hao tăng trong năm</i>	13.628.561.142	59.715.566.842	8.873.805.009	802.678.134	83.020.611.127
<i>Khấu hao giảm trong năm</i>	(375.195.077)	(3.128.898.541)	-	-	(3.504.093.618)
Số dư cuối năm	281.003.374.364	469.396.153.180	92.691.253.007	19.831.383.387	862.922.163.938
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	179.640.456.366	195.930.817.582	31.599.027.613	2.189.639.345	409.359.940.906
Số dư cuối năm	192.637.004.816	298.813.878.132	34.863.602.780	1.999.299.141	528.313.784.869

* Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 66.483.909.396 VND.

* Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 244.656.969.046 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V.23. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ Đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm trước	295.183.610.000	153.531.767.160	5.373.000.000	(142.489.800)	95.651.669.506	(184.729.259.122)	26.349.915.256	391.218.213.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	362.306.917.961	-	362.306.917.961
Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(669.849.972)	-	(669.849.972)
Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	2.176.145.584	(2.176.145.584)	-	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(29.511.643.000)	-	(29.511.643.000)
Chi thù lao HĐQT & Ban Kiểm soát	-	-	-	-	-	(721.508.903)	-	(721.508.903)
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	-	28.334.731.682	28.334.731.682
Số dư cuối năm trước	295.183.610.000	153.531.767.160	5.373.000.000	(142.489.800)	97.827.815.090	144.498.511.380	54.684.646.938	750.956.860.768
Số dư đầu năm nay	295.183.610.000	153.531.767.160	5.373.000.000	(142.489.800)	97.827.815.090	144.498.511.380	54.684.646.938	750.956.860.768
Tăng vốn	124.876.000.000	-	-	-	-	-	-	124.876.000.000
Tăng vốn của đơn vị thành viên	-	-	22.332.700.000	-	-	(22.332.700.000)	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	270.152.907.429	-	270.152.907.429
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-	99.900.800.000
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(5.075.657.819)	-	(5.075.657.819)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ Đơn vị thành viên	-	-	-	-	-	(358.945.950)	-	(358.945.950)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	60.000.000.000	(60.000.000.000)	-	-
Trích quỹ đầu tư phát triển từ Đơn vị thành viên	-	-	-	-	555.019.266	(555.019.266)	-	-
Chia cổ tức năm 2016	-	-	-	-	-	(14.755.821.500)	-	(14.755.821.500)
Chia cổ tức năm 2017	-	-	-	-	-	(20.999.621.500)	-	(20.999.621.500)
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	-	6.163.114.696	6.163.114.696
Giảm khác	-	(250.000.000)	-	-	-	(740.000.000)	-	(990.000.000)
Số dư cuối năm nay	420.059.610.000	253.182.567.160	27.705.700.000	(142.489.800)	158.382.834.356	289.833.652.774	60.847.761.634	1.209.869.636.124

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

VI.12 Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Tập đoàn.

Tài sản tài chính	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý			
	31/12/2017	31/12/2016	31/12/2017	31/12/2016		
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng		
Tài sản tài chính						
Chứng khoán kinh doanh	632.908.200	(454.624.200)	7.147.698.766	(4.302.257.089)	178.284.000	2.845.441.677
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	83.121.805.528	-	776.100.000.000	-	83.121.805.528	776.100.000.000
Phải thu khách hàng	1.510.285.975.742	(90.224.724.788)	1.190.321.029.462	(106.135.791.756)	1.420.061.250.955	1.296.456.821.218
Phải thu khác	59.254.578.177	-	32.340.556.681	-	59.254.578.177	32.340.556.681
Tiền và các khoản tương đương tiền	398.426.274.862	-	265.899.924.680	-	398.426.274.862	265.899.924.680
TỔNG CỘNG	2.053.121.542.509	(90.679.348.988)	2.271.809.209.589	(110.438.048.845)	1.962.442.193.522	2.373.642.744.256
Nợ phải trả tài chính						
Vay và nợ	1.921.745.281.199	-	2.712.436.547.463	-	1.921.745.281.199	2.712.436.547.463
Phải trả người bán	1.628.527.837.579	-	1.007.169.909.092	-	1.628.527.837.579	1.007.169.909.092
Chi phí phải trả	4.899.301.099	-	13.638.585.637	-	4.899.301.099	13.638.585.637
Phải trả khác	129.733.095.186	-	14.799.831.675	-	129.733.095.186	14.799.831.675
TỔNG CỘNG	3.684.905.515.063	-	3.748.044.873.867	-	3.684.905.515.063	3.748.044.873.867

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

VIII.4 Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận

Nhằm phục vụ công tác quản lý, Tập đoàn có quy mô trên toàn quốc nên trình bày báo cáo bộ phận chính yếu theo khu vực địa lý như sau:

Báo cáo bộ phận thứ yếu: theo khu vực địa lý

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tập đoàn báo cáo hoạt động theo các khu vực địa lý: TP. Hồ Chí Minh, Bình Dương, Bà Rịa - Vũng Tàu và Hà Nội. Tập đoàn phân tích chi tiết các chỉ tiêu theo khu vực địa lý như sau:

	TP.HCM	Bình Dương	Bà Rịa Vũng Tàu	Hà Nội	Tổng cộng	Loại trừ	Tổng cộng toàn DN
Doanh thu thuần	11.710.731.897.843	2.525.623.838.886	6.388.006.546.395	767.959.130.352	21.392.321.413.476	(8.738.381.880.354)	12.653.939.533.122
Doanh thu thuần từ bán hàng bán ra bên ngoài	5.476.564.023.947	1.985.144.458.425	4.515.066.697.559	677.164.353.191	12.653.939.533.122	-	12.653.939.533.122
Doanh thu thuần từ bán hàng bán cho bộ phận khác	6.234.167.873.896	540.479.380.461	1.872.939.848.836	90.794.777.161	8.738.381.880.354	(8.738.211.425.814)	170.454.540
Tổng chi phí	12.364.549.549.463	1.784.074.618.707	6.143.317.479.159	725.350.680.176	21.017.292.327.505	(8.738.634.742.459)	12.278.657.585.046
Giá vốn	12.171.343.632.082	1.759.809.456.834	6.047.886.900.540	707.181.148.008	20.686.221.137.464	(8.733.282.800.365)	11.952.938.337.099
Giá vốn từ bán hàng	5.942.274.838.175	1.219.330.076.373	4.174.947.051.704	616.386.370.847	11.952.938.337.099	-	11.952.938.337.099
Giá vốn từ bán hàng bán cho bộ phận khác	6.234.167.873.896	540.479.380.461	1.872.939.848.836	90.794.777.161	8.738.381.880.354	(8.733.282.800.365)	5.099.079.989
Chi phí chung	193.205.917.381	24.265.161.873	95.430.578.619	18.169.532.168	331.071.190.041	(5.351.942.094)	325.719.247.947
Lợi nhuận tài chính	170.860.985.635	(1.318.787.377)	(25.437.756.034)	(5.626.681.442)	138.477.760.782	(181.516.642.742)	(43.038.881.960)
Lợi nhuận từ hoạt động khác	1.575.828.280	(27.881.545)	(4.928.359.408)	864.261.687	(2.516.150.986)	4.280.386.336	1.764.235.350
Tổng lợi nhuận trước thuế	(481.380.837.705)	740.202.551.257	214.322.951.794	37.846.030.421	510.990.695.767	(176.983.394.301)	334.007.301.466
Tài sản bộ phận	4.423.926.077.279	430.627.572.761	1.819.422.815.376	219.257.749.279	6.893.234.214.695	(1.853.397.590.304)	5.039.836.624.391
Nợ phải trả bộ phận	3.362.928.472.675	376.474.356.145	1.296.947.762.390	118.841.033.724	5.155.191.624.934	(1.310.344.074.143)	3.844.847.550.791

